NGUYỄN THỊ THẠCH

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

LỊCH SỬ



TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI – 2005

LỜI NÓI ĐẦU

Để hỗ trợ cho việc dạy, học môn **Lịch sử 9** theo chương trình sách giáo khoa mới ban hành năm học 2005 - 2006, chúng tôi viết cuốn ***Thiết kế bài giảng Lịch sử 9***, tập 1,2. Sách giới thiệu một cách thiết kế bài giảng Lịch sử 9 theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

Về nội dung: Sách bám sát nội dung sách giáo khoa ***Lịch sử 9*** theo chương trình Trung học cơ sở mới gồm 34 bài. Ngoài ra sách có mở rộng, bổ sung thêm một số nội dung liên quan đến bài học bằng nhiều hoạt động nhằm cung cấp thêm tư liệu để các thầy, cô giáo tham khảo vận dụng tuỳ theo đối tượng học sinh từng địa phương.

Về phương pháp dạy học: Sách được triển khai theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh, lấy cơ sở của mỗi hoạt động là những việc làm của học sinh dưới sự hướng dẫn, gợi mở của thầy, cô giáo. Sách cũng đưa ra nhiều hình thức hoạt động hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm môn học, đảm bảo tính chân thực và khoa học giúp các em lĩnh hội kiến thức lịch sử một cách có chất lượng nhất, nhớ bài và thuộc cuốn ***Thiết kế bài giảng Lịch sử 9***, tập 1,2. Sách giới thiệu một cách thiết kế bài giảng Lịch sử 9 theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

Về nội dung: Sách bám sát nội dung sách giáo khoa ***Lịch sử 9*** theo chương trình Trung học cơ sở mới gồm 34 bài. Ngoài ra sách có mở rộng, bổ sung thêm một số nội dung liên quan đến bài học bằng nhiều hoạt động nhằm cung cấp thêm tư liệu để các thầy, cô giáo tham khảo vận dụng tuỳ theo đối tượng học sinh từng địa phương.

bài ngay trên lớp. ***Thiết kế bài giảng Lịch sử 9*** còn chỉ rõ hoạt động cụ thể của giáo viên và học sinh trong một tiến trình Dạy – Học, coi đây là hai hoạt động cùng nhau trong đó cả giáo viên và học sinh đều là chủ thể.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các thầy, cô giáo dạy môn **Lịch sử 9** trong việc nâng cao hiệu quả bài giảng của mình. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và bạn đọc gần xa để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Chương I
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Bài 1 LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỶ XX

Tiết 1
I- LIÊN XÔ

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Sau những tổn thất nặng nề của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nhân dân Liên Xô đã nhanh chóng khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.
- Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế và khoa học kĩ thuật (từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX).

2. Tư tưởng

- HS cần hiểu được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng CNXH của Liên Xô từ năm 1945 đến đầu những năm 70 đã tạo cho Liên Xô một thực lực để chống lại âm mưu phá hoại và bao vây của CNĐQ.
- Liên Xô thực sự là thành trì của lực lượng cách mạng thế giới.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, nhận định và đánh giá các sự kiện lịch sử trong những hoàn cảnh cụ thể.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ Liên Xô (hoặc bản đồ châu Âu)
- Một số tranh ảnh tiêu biểu về Liên Xô và những thành tựu khoa học điển hình của Liên Xô trong thời kì này (ảnh vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô và con tàu "Phương Đông" 1961)

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Giới thiệu bài mới

- Đây là bài học đầu tiên của Lịch sử lớp 9, GV cần khái quát cho HS thấy rõ chương trình của Lịch sử lớp 9 gồm có 2 phần:
  – Lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1945 đến năm 2000): 14 Tiết.
  – Lịch sử hiện đại Việt Nam (từ năm 1919 đến năm 2000): 33 Tiết.
- GV cần nhắc lại để HS hiểu vấn đề một cách logic và rõ ràng hơn. Đó là: Lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1917 đến nay). Nhưng ở lớp 8, chúng ta đã học thời kì thứ nhất. (Từ năm 1917 đến năm 1945), lớp 9 chúng ta sẽ học tiếp thời kì thứ hai (từ 1945 đến 2000).
- Bài học đầu tiên của lịch sử lớp 9 là Liên Xô và các nước Đông Âu (từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX).

Tiết 1: Liên Xô sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô bị thiệt hại nặng nề, để khắc phục hậu quả, Liên Xô tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.

3. Bài mới

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
GV sử dụng bản đồ Liên Xô hoặc bản đồ châu Âu (đã phóng to treo trên bảng), yêu cầu	HS quan sát vị trí của Liên Xô.	**I. Liên Xô** ***1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945–1950)***

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
HS quan sát, xác định vị trí của Liên Xô trên bản đồ.		
	– Trả lời: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô là nước chiến thắng, nhưng Liên Xô chịu những tổn thất rất nặng nề.	*a. Những thiệt hại của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.*
GV gọi HS đọc SGK mục 1, sau đó đặt câu hỏi. – Vì sao sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô phải khôi phục tiến hành kinh tế?		
– Hỏi: Trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô bị thiệt hại như thế nào?	– Trả lời: Liên Xô bị thiệt hại nặng nề về người và của.	– Hơn 27 triệu người chết. – 1.710 thành phố bị tàn phá. – Hơn 7 vạn làng mạc, gần 32.000 nhà máy xí nghiệp, 6,5 vạn km đường sắt bị phá huỷ.
GV phân tích thêm – Những tổn thất đó làm cho nền kinh tế Liên Xô phát triển chậm lại tới 10 năm, trong hoàn cảnh đó Liên Xô phải khôi phục kinh tế, hàn gắn vết		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng CNXH.		
– Hỏi: Em cho biết những thành tựu về kinh tế và khoa học kĩ thuật của Liên Xô (1945-1950)?	– Trả lời: + Liên Xô đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946-1950) 9 tháng (chỉ thực hiện trong 4 năm, 3 tháng).	*b. Thành tựu về kinh tế và khoa học – kĩ thuật của Liên Xô (1945-1950).*
	+ Năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73% (kế hoạch dự định là 48%).	– Kinh tế: + Hoàn thành kế hoạch 5 năm (1945-1950) trước thời hạn 9 tháng.
	+ Hơn 6.000 nhà máy được khôi phục và xây dựng mới.	+ Năm 1950, công nghiệp tăng 73%.
	+ Sản xuất nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh (1939).	+ Hơn 6.000 nhà máy được khôi phục và xây dựng.
	+ Đời sống nhân dân được cải thiện.	+ Nông nghiệp vượt trước chiến tranh (1939).
	+ Khoa học kĩ thuật: năm 1949, Liên Xô chế tạo được bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mĩ.	– Khoa học kĩ thuật: + Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
Em hãy cho biết những thành tựu về kinh tế và khoa học kĩ thuật của		***2. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất– kĩ thuật của chủ nghĩa xã***

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Liên Xô (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX)?		***hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX).*** *a. Thành tựu về kinh tế:*
	Trả lời: * Về kinh tế: – Sau khi hoàn thành khôi phục kinh tế, Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.	– Liên Xô thực hiện thành công một loạt các kế hoạch dài hạn.
	– Liên Xô hoàn thành các kế hoạch 5 năm: + 1951–1955 + 1956–1960 + Kế hoạch 7 năm 1959-1965.	– Phương hướng chính của các kế hoạch là: + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng
	– Phương hướng chính của kế hoạch là:	+ Thâm canh trong nông nghiệp.
	Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng – nền tảng của nền kinh tế quốc dân.	+ Đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kĩ thuật,
	Thâm canh trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học kĩ thuật.	+ Tăng cường sức mạnh quốc phòng.
	Tăng cường sức mạnh quốc phòng.	+ Trong những năm 50 và 60, Liên Xô là cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới, chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	Trong những năm 50 và 60 của thế kỷ XX kinh tế Liên Xô tăng trưởng nhanh: + Công nghiệp tăng 9,6% + Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ) chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới.	
GV minh hoạ thêm: Từ năm 1951 đến 1975 tốc độ tăng trưởng công nghiệp của Liên Xô là 9,6%. – Năm 1970, điện lực đạt 740 tỉ KW giờ (gấp 352 lần năm 1913, bằng sản lượng điện của 4 nước lớn: Anh, Pháp, Tây Đức, Italia cộng lại). + Dầu mỏ: 353 triệu tấn. + Than: 624 triệu tấn. – Năm 1971: Thép đạt 121 triệu tấn (vượt Mĩ). – Nông nghiệp: Năm 1970 đạt 186 triệu tấn, năng suất trung bình 15,6 tạ/ ha.		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	* Về khoa học kĩ thuật: – Năm 1957, Liên Xô đã phóng thành công vệ tinh nhân tạo, mở đầu kỉ nguyên con người chinh phục vũ trụ. – Năm 1961, Liên Xô phóng con tàu "Phương Đông" đưa nhà du hành vũ trụ đầu tiên Gagarin bay vòng quanh trái đất, lần đầu tiên con người tiến hành chuyến bay dài ngày trong vũ trụ.	*b. Thành tựu khoa học kĩ thuật:* – Liên Xô đạt được những thành tựu to lớn. + Năm 1957, phóng vệ tinh nhân tạo vào vũ trụ. + Năm 1961, đưa con người bay vào vũ trụ.
GV giới thiệu hình 1 SGK cho HS quan sát vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô, GV sưu tầm thêm hình ảnh của con tàu vũ trụ đầu tiên, đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất, hoặc xem một số phim tài liệu về vấn đề này (nếu có điều kiện).		
– Hỏi: Chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kì này là gì?		*c. Chính sách đối ngoại:*
	–Trả lời: + Liên Xô duy trì chính sách đối ngoại hoà bình, quan hệ hữu nghị với tất	+ Hoà bình, quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	cả các nước. + Tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. + Trở thành chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng thế giới.	+ Ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. + Chỗ dựa vững chắc của cách mạng thế giới.
GV minh hoạ thêm: – Năm 1960, theo sáng kiến của Liên Xô, Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về việc thủ tiên hoàn toàn chủ nghĩa thực dân và trao trả độc lập cho các nước thuộc địa. – Năm 1961, Liên Xô đề nghị Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về việc cấm sử dụng vũ khí hạt nhân. – Năm 1963, theo đề nghị của Liên Xô, Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thủ tiêu tất cả các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.		

4. Củng cố

- Vì sao sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô phải tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiếp tục xây dựng CNXH.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng

- Em hãy nêu những thành tựu to lớn về kinh tế khoa học – kĩ thuật và đối ngoại của Liên Xô (từ 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX).
- Em hãy kể một số chuyến bay của các nhà du hành vũ trụ của Liên Xô trong thập niên 60 của thế kỷ XX.

Tiết 2

II- ĐÔNG ÂU

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần hiểu rõ:

- Hoàn cảnh và quá trình ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, từ 1945 → 1949 các nước Đông Âu đã hoàn thành thắng lợi cách mạng dân tộc, dân chủ.
- Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu tiến hành xây dựng CNXH (từ 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX) đã đạt được những thành tựu to lớn, hầu hết các nước này đã trở thành các nước công – nông nghiệp.
- Sự hình thành hệ thống XHCN trên thế giới:
  + Khi các nước Đông Âu bắt đầu xây dựng CNXH, quan hệ giữa Liên Xô và các nước này chặt chẽ toàn diện hơn.
  + Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước XHCN (SEV), tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va ra đời.

2. Tư tưởng

- HS cần thấy rõ: Những thành tựu to lớn của nhân dân Đông Âu trong công cuộc xây dựng CNXH, các nước này đã có sự biến đổi sâu sắc.
- Liên Xô và các nước Đông Âu đã hình thành một hệ thống thế giới mới, hệ thống các nước XHCN luôn chống lại âm mưu xâm lược và phá hoại của CNĐQ, chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng thế giới.

- Hiện nay tình hình thế giới đã có nhiều thay đổi, hệ thống các nước XHCN đã bị khủng hoảng, tan rã nhưng đang tìm cách khắc phục và đi lên. Quan hệ truyền thống giữa nước ta và các nước Liên Xô cũ, Đông Âu vẫn duy trì và phát triển trong tình hình mới.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, nhận định và so sánh các sự kiện, các vấn đề lịch sử cụ thể và kĩ năng sử dụng bản đồ.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ các nước Đông Âu.
- Một số tranh ảnh tiêu biểu của các nước Đông Âu (1945-1970).

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ

Em hãy nêu những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH (từ 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX – kinh tế, khoa học – kĩ thuật, đối ngoại).

3. Giới thiệu bài mới

Chương trình lịch sử lớp 8, chúng ta đã học cuối năm 1944, đầu 1945, Hông quân Liên Xô trên con đường truy đuổi phát xít Đức về tận sào huyệt của nó là Béc-lin đã giúp một loạt các nước Đông Âu giải phóng, hệ thống các nước XHCN đã ra đời trên thế giới. Tiết trước, chúng ta đã học những thành tựu to lớn của Liên Xô xây dựng CNXH. Hôm nay, chúng ta sẽ nghiên cứu sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và thành tựu xây dựng CNXH của các nước này (từ 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX).

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV giới thiệu cho HS các nước Đông Âu bằng		**II. Đông Âu**

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
bản đồ các nước Đông Âu (đã phóng to treo trên bảng). Sau đó gọi HS đọc SGK mục 1 và đặt câu hỏi: – Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời như thế nào?	– Trả lời: + Trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hầu hết các nước Đông Âu đều bị lệ thuộc vào các nước Tư bản Tây Âu. + Trong chiến tranh, họ bị bọn phát xít chiếm đóng và nô dịch tàn bạo. + Khi Hồng quân Liên Xô truy đuổi phát xít Đức về tận sào huyệt của nó là Béc-lin, nhân dân Đông Âu đã nổi dậy phối hợp với Hồng quân Liên Xô khởi nghĩa vũ trang dành chính quyền. + Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản các nước, một loạt các nước dân chủ nhân dân Đông Âu dành được chính quyền như: Balan (7/1944), Ru-ma-ni (8/1944), Hung-ga-ri (4/1945), Tiệp Khắc (5/1945), Nam Tư	***1. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.*** – Hồng quân Liên Xô trên con đường truy đuổi phát xít Đức về Béc-lin (cuối 1944 - đầu 1945) đã phối hợp với nhân dân Đông Âu, giúp họ khởi nghĩa dành chính quyền. – Một loạt các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời: Balan, Tiệp Khắc, Hunggari,…

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ để minh hoạ vấn đề này cho HS rõ vị trí của các nước Đông Âu trên bản đồ. * Về nước Đức, GV cần nói rõ hơn: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, để tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, nước Đức bị chia thành 4 khu vực chiếm đóng của 4 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp theo chế độ quân quản, thủ đô Bec-lin cũng bị chia thành 4 phần và quân của 4 nước chiếm đóng. + Khu vực của Liên Xô chiếm đóng sau này trở thành lãnh thổ của cộng hoà dân chủ Đức (10/1949) và khu vực của Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng trở thành lãnh thổ của Cộng hoà liên bang Đức (9/1949).	(11/1945), An-ba-ni (12/1945), Bun-ga-ri (9/1945), Cộng hoà dân chủ Đức (10/1949).	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
+ Thủ đô Bec-lin cũng chia thành Đông Bec-lin và Tây Bec-lin (GV dùng bản đồ để minh hoạ).		
– Hỏi: Để hoàn toàn thắng lợi cách mạng dân chủ nhân dân (từ 1946 đến 1949) các nước Đông Âu đã làm gì?	– Trả lời: + Các nước Đông Âu xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.	– Để hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã:
	+ Tiến hành cải cách ruộng đất.	+ Tiến hành cải cách ruộng đất.
	+ Quốc hữu hoá các xí nghiệp của Tư bản, trong và ngoài nước.	+ Quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của Tư bản.
	+ Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, đời sống của nhân dân được cải thiện.	+ Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, đời sống của nhân dân được cải thiện.
GV yêu cầu HS đọc SGK mục 2 và đặt câu hỏi:		
– Sau khi các nước Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng CNXH, trong thời gian này, nhiệm vụ chính của các nước đó là gì?	– Trả lời: + Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp Tư sản. + Đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể (Hợp tác xã).	***2. Tiến hành xây dựng CNXH (từ 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX)*** *a. Nhiệm vụ:*
	+ Tiến hành công nghiệp hoá.	+ Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp Tư sản.
	+ Xoá bỏ nghèo nàn, lạc	+ Đưa nông dân vào con đường làm ăn tập

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	hậu. + Xây dựng cơ sở vật chất cho XHCN.	thể. + Tiến hành công nghiệp hoá XHCN. + Xây dựng cơ sở vật chất cho XHCN.
Hỏi: Em hãy cho biết những thành tựu xây dựng CNXH của các nước Đông Âu (từ 1950 đến 1970).	Trả lời: – Các nước Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn. – Đầu những năm 70 Đông Âu đã trở thành các nước công – nông nghiệp. – Bộ mặt kinh tế XH đã thay đổi căn bản và sâu sắc. Ví dụ: + An-ba-ni, trước chiến tranh là nước nghèo nhất châu Âu, năm 1970 đã điện khí hoá toàn quốc. + Bun-ga-ri (1939-1957) công nghiệp tăng 55 lần. + Tiệp Khắc được xếp vào hàng các nước công nghiệp phát triển. + Cộng hoà dân chủ Đức từ năm 1949 đến đầu những năm 70 sản xuất tăng 5 lần, GDP tăng 4	*b. Thành tựu:* – Đầu những năm 70 Đông Âu đã trở thành những nước công nông nghiệp. – Bộ mặt kinh tế XH đã thay đổi căn bản và sâu sắc

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV kết luận: – Sau 20 năm xây dựng CNXH (1950-1970) các nước Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn, bộ mặt kinh tế xã hội của các nước này đã thay đổi cơ bản.	lần.	
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi:	– Trả lời:	**III. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa**
– Hệ thống các nước XHCN ra đời trong hoàn cảnh nào?	+ Các nước Đông Âu bắt đầu xây dựng CNXH đòi hỏi có sự hợp tác cao hơn, toàn diện hơn với Liên Xô. + Có sự phân công và chuyên môn hoá trong sản xuất công, nông nghiệp.	***1. Hoàn cảnh và những cơ sở hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa*** *a. Hoàn cảnh:* + Các nước Đông Âu cần sự giúp đỡ cao hơn, toàn diện của Liên Xô. + Có sự phân công sản xuất theo chuyên ngành, giữa các nước
Hỏi: – Hệ thống các nước XHCN được hình thành trên cơ sở nào?	Trả lời: – Liên Xô và Đông Âu chung một mục tiêu là xây dựng CNXH. – Cung chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác Lênin.	*b. Cơ sở hình thành:* – Cùng chung mục tiêu là xây dựng CNXH. – Nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác Lênin.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo.	
Hỏi: – Sự hợp tác tương trợ giữa Liên Xô và Đông Âu được thể hiện như thế nào?	Trả lời: – Sự hợp tác này đã được thể hiện trong 2 tổ chức:	***2. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa*** – Tổ chức tương trợ kinh tế giữa các nước XHCN–SEV (8/1/1949 → 28/3/1991).
	+ Đó là: Hội đồng tương trợ kinh tế giữa Liên Xô và Đông Âu gồm các thành viên: Liên Xô, Ba lan, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, An-ba-ni, Cộng hoà dân chủ Đức (1950), Mông Cổ (1962), Cuba (1972), Việt Nam (1978).	– Tổ chức Hiệp ước Vac-sa-va.
	+ Tổ chức Hiệp ước Vac-sa-va, tổ chức này là Liên minh phòng thủ quân sự và chính trị của các nước XHCN châu Âu để duy trì hoà bình an ninh châu Âu và thế giới.	
Hỏi: – Những thành tựu kinh tế tiêu biểu của khối SEV đã đạt được?	Trả lời: – Từ năm 1951 đến 1973, khối SEV đã thu được những thành tựu to lớn.	* Thành tựu của SEV: – Tốc độ tăng trưởng công nghiệp 10%/năm.
	– Tốc độ tăng trưởng	– Thu nhập quốc dân

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV minh hoạ thêm: – Từ 1951 → 1973, tỉ trọng công nghiệp của SEV so với thế giới tăng từ 18% đến 33%. – Tuy vậy, SEV bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu sót. – Hoạt động "khép kín" không hoà nhập được với kinh tế thế giới đang ngày càng quốc tế hoá cao độ. – Nặng trao đổi hàng hoá mang tính chất bao cấp. – Cơ chế quan liêu bao cấp. – Phân công sản xuất chuyên ngành có chỗ	công nghiệp bình quân 10%/năm. – Từ năm 1950 → 1973 thu nhập quốc dân tăng 5,7 lần. – Liên Xô cho các thành viên vay 13 tỉ rúp với lãi xuất nhẹ và viện trợ không hoàn lại 20 tỉ rúp.	(1950 →1973) tăng 5,7 lần. – Liên Xô cho các nước trong khối vay 13 tỉ rúp, viện trợ không hoàn lại 20 tỉ rúp.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
chưa hợp lý. – SEV hoạt động từ 8/1/1949 → 28/6/1991 tuyên bố giải thể.		
Hỏi: – Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va ra đời với mục đích gì?	Trả lời: – Mục đích:	– Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (14/5/1955 → 1/7/1991).
	+ Chống lại sự hiếu chiến của Mĩ và khối NATO. + Để bảo vệ an ninh châu Âu và thế giới. + Đây là liên minh phòng thủ quân sự và chính trị của các nước XHCN châu Âu.	
	– Tác dụng: Bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH, hoà bình, an ninh châu Âu và thế giới.	– Tác dụng: Bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH, hoà bình, an ninh châu Âu và thế giới.
GV giải thích thêm: Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va cũng như khối SEV đã tan rã cùng với sự khủng hoảng và tan rã của các nước XHCN, đây là sự khủng hoảng to lớn của các nước		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
XHCN, hiện nay họ đang tìm cách khắc phục và đi lên.		

5. Củng cố

- GV dùng bản đồ yêu cầu HS xác định rõ vị trí của các nước Đông Âu.
- Những nhiệm vụ chính của các nước Đông Âu trong công cuộc xây dựng CNXH.
- Thành tựu xây dựng CNXH ở Đông Âu?
- Cơ sở hình thành hệ thống XHCN là gì?
- Trình bày về mục đích ra đời và những thành tựu khối SEV đã đạt được (1951 → 1973)?



Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần hiểu rõ những nét chính của quá trình khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu (từ giữa những năm 70 đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX).

2. Tư tưởng

- HS thấy rõ tính chất khó khăn, phức tạp, những thiếu sót, sai lầm trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và Đông Âu (bởi vì con đường xây dựng CNXH hoàn toàn mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, mặt

khác, CNĐQ và bọn phản động quốc tế luôn thù địch và chống phá gay gắt CNXH.

- HS cần thấy rõ: sự khủng hoảng và tan rã của Liên Xô và Đông Âu cùng ảnh hưởng tới Việt Nam. Nhưng, chúng ta đã tiến hành đổi mới thắng lợi trong gần 2 thập kỷ qua, những thành tựu đó đã được thế giới ghi nhận và làm thay đổi bộ mặt kinh tế – xã hội Việt Nam.
- Các em tin tưởng vào con đường Đảng ta đã chọn, đó là công nghiệp hoá và hiện đại hoá theo định hướng XHCN thắng lợi do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

3. Kĩ năng

Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, đánh giá và so sánh những vấn đề lịch sử. Nhất là những vấn đề lịch sử phức tạp, HS cần có những nhận định khách quan khoa học.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ về Liên Xô và Đông Âu.
- Tư liệu lịch sử về Liên Xô và Đông Âu trong giai đoạn lịch sử này để các em có nhận thức đúng đắn hơn về vấn đề này (GV có thể tham khảo giáo trình lịch sử thế giới hiện đại tập III – NXB ĐHQG HN, 1996).

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu những thành tựu các nước Đông Âu đã đạt được trong quá trình xây dựng CNXH?
- Nêu những cơ sở hình thành hệ thống XHCN?
- Trình bày về Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước XHCN – SEV (mục đích, thành tựu) trong những năm 1951 – 1973?

3. Giới thiệu bài mới

- Từ giữa những năm 70 và thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế dẫn tới sự khủng hoảng chính trị trầm trọng và sự sụp đổ của Liên Xô, các nước Đông Âu. Hôm nay chúng ta nghiên cứu về sự khủng hoảng và tan rã của Liên Xô và các nước Đông Âu.

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
GV giới thiệu với HS lược đồ các nước SNG (đã phóng to treo trên bảng) để HS thấy rõ Liên Xô cũ đã tách ra thành cộng đồng các quốc gia độc lập như thế nào?	Trả lời: – Năm 1973, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ, bắt đầu từ khủng hoảng dầu mỏ, nó đòi hỏi các nước phải có những cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội.	**I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết** ***1. Nguyên nhân*** – Năm 1973, khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu từ khủng hoảng dầu mỏ đã trực tiếp ảnh hưởng đến Liên Xô.
	– Trong hoàn cảnh đó, Ban lãnh đạo Liên Xô không tiến hành cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội.	– Trong hoàn cảnh đó, Liên Xô không tiến hành cải cách về kinh tế, chính trị, xã hội để khắc phục khó khăn.
GV gọi HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi.	– Mô hình về CNXH vốn đã có nhiều thiếu sót và sai lầm, cản trở sự đi lên của đất nước.	– Mô hình về CNXH có nhiều khuyết tật.
– Nguyên nhân nào dẫn đến công cuộc cải tổ ở Liên Xô?	– Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, kinh tế của Liên Xô rất khó khăn.	– Đầu những năm 80, tình hình Liên Xô càng khó khăn hơn về sản xuất và đời sống.
	– Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp trì trệ	– Đất nước khủng hoảng toàn diện.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Lương thực, thực phẩm hàng tiêu dùng khan hiếm. – Đời sống nhân dân giảm sút. – Vi phạm pháp chế, quan liêu, thiếu dân chủ trầm trọng, đất nước khủng hoảng toàn diện.	
Hỏi:	– Trả lời:	***2. Diễn biến***
Tiến trình cải tổ của Liên Xô diễn ra như thế nào?	+ Tháng 3/1985 Gooc-ba-chôp lãnh đạo Đảng và nhà nước đã đề ra đường lối cải tổ, để đưa Liên Xô thoát khỏi khủng hoảng.	+ Tháng 3/1985 Gooc-Ba-chôp đã đề ra đường lối cải tổ.
	+ Do không chuẩn bị chu đáo, thiếu những điều kiện cần thiết và đường lối chiến lược toàn diện, nhất quán cho nên công việc cải tổ không thành công.	+ Chuẩn bị không chu đáo, thiếu đường lối chiến lược. → Cải tổ không thành công.
Hỏi:	Trả lời:	* Nội dung cải tổ:
– Nội dung cải tổ ở Liên Xô là gì?	– Họ đưa ra nhiều phương án cải cách kinh tế, nhưng chưa thực hiệu được, kinh tế vẫn khủng hoảng.	– Về kinh tế chưa thực hiện được.
	– Thực hiện cải tổ về chính trị, xã hội:	– Chính trị: tập trung mọi quyền lực vào Tổng

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
		thống.
	+ Tập trung mọi quyền lực vào Tổng thống	+ Thực hiện đa nguyên về chính trị.
	+ Thực hiện đa nguyên về chính trị (nhiều Đảng cùng hoạt động).	+ Xoá bỏ sự lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng sản.
	+ Xoá bỏ sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản.	
	+ Tuyên bố dân chủ, công khai về mọi mặt.	
Hỏi:	Trả lời:	***3. Hậu quả***
– Hậu quả của công cuộc cải tổ ở Liên Xô như thế nào?	– Đất nước ngày càng khủng hoảng và rối loạn.	– Đất nước ngày càng khủng hoảng và rối loạn.
	– Nhiều cuộc bãi công nổ ra.	– Mâu thuẫn sắc tộc bùng nổ.
	– Mâu thuẫn sắc tộc bùng nổ.	– 19/8/1991 cuộc đảo chính Gooc-ba-chốp không thành, gây hậu quả nghiêm trọng.
	– Nhiều nước cộng hoà đòi ly khai.	– Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
	– Tệ nạn xã hội tăng lên.	– 21/12/1991, 11 nước cộng hoà ly khai, hình thành cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).
	– Các thế lực chống đối ráo riết, kích động quần	– Liên Xô bị sụp đổ sau 74 năm tồn tại.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	chúng. – Ngày 19/8/1991 cuộc đảo chính Gooc-ba-chốp nổ ra nhưng không thành. – Cuộc đảo chính gây ra hậu quả nghiêm trọng. – Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động. – Ngày 21/12/1991, 11 nước cộng hoà họp và kí kết Hiệp định giải tán Liên Xô, thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). – Ngày 25/12/1991, Gooc-ba-chốp xin từ chức, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, chấm dứt chế độ XHCN đã tồn tại 74 năm ở Liên bang Xô viết.	
GV dùng bản đồ các nước Đông Âu (đã phóng to treo trên bảng). Giới thiệu vị trí các nước Đông Âu để HS theo dõi, sau đó yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi.		**II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu.**

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
– Em hãy trình bày quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.	Trả lời:	***1. Quá trình***
	– Từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ XX, các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế và chính trị gay gắt.	– Từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80 các nước Đông Âu khủng hoảng kinh tế, chính trị gay gắt.
	+ Sản xuất công nông nghiệp giảm sút.	– Sản xuất giảm sút.
	+ Buôn bán với nước ngoài giảm sút.	– Nợ nước ngoài tăng.
	+ Nợ nước ngoài tăng lên.	– Đình công, biểu tình của quần chúng kéo dài.
	Ví dụ: Ru-ma-ni năm 1989 nợ nước ngoài 11 tỉ USD, 1980 nợ 21 tỉ USD.	– Chính phủ đàn áp quần chúng đấu tranh, nhưng không đề ra được cải cách.
	+ Đình công và biểu tình của quần chúng kéo dài.	
	+ Chính phủ nước này đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng, nhưng lại không đề ra được cải cách.	
	– Cuối 1988, cuộc khủng hoảng tới đỉnh cao.	– Cuối 1988, cuộc khủng hoảng tới đỉnh cao.
	+ Bắt đầu từ Balan sau đó lan nhanh sang Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Cộng hoà dân chủ Đức, Ru-	+ Bắt đầu từ Balan sau đó lan nhanh khắp Đông Âu.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	ma-ni, Bun-ga-ri, Nam Tư và An-ba-ni.	
	+ Quần chúng các nước biểu tình dồn dập, đòi:	+ Mũi nhọn đấu tranh nhằm vào Đảng Cộng sản.
	Cải cách kinh tế.	
	Thực hiện đa nguyên chính trị.	
	Tiến hành tổng tuyển cử, mũi nhọn đấu tranh nhằm vào Đảng Cộng sản.	
GV giải thích thêm:		
"Đa nguyên chính trị" là gì?		
– Đó là nhiều Đảng phái chính trị cùng tồn tại, cùng hoạt động làm mất quyền thống trị của Đảng Cộng sản.		
Ví dụ: Sau khi Liên Xô sụp đổ, trong các nước cộng hoà của Liên Xô cũ có tới gần 1.000 tổ chức, Đảng phái chính trị khác nhau hoạt động. Đảng Cộng sản các nước này mất quyền thống trị.		
(Giáo trình LS thế giới hiện đại, tập 3, NXB ĐHQG HN, 1996, trang		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
255).		
Hỏi:	Trả lời:	***2. Hậu quả***
Hậu quả của cuộc khủng hoảng ở các nước Đông Âu như thế nào?	– Lợi dụng cuộc khủng hoảng, CNĐQ và các thế lực chống CNXH kích động nhân dân, đẩy mạnh chống phá.	– Đảng Cộng sản các nước Đông Âu mất quyền lãnh đạo.
	– Đảng Cộng sản các nước mất quyền lãnh đạo.	– Thực hiện đa nguyên chính trị.
	– Các thế lực chống CNXH thắng thế, nắm quyền.	– Các thế lực chống CNXH thắng thế, nắm chính quyền.
	– Thực hiện đa nguyên chính trị.	– 1989 chế độ XHCN sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu.
	– Năm 1989, chế độ XHCN ở hầu hết các nước Đông Âu sụp đổ.	– Tuyên bố từ bỏ CNXH và chủ nghĩa Mac Lênin.
Hỏi:	Trả lời:	
Sự sụp đổ của các nước Đông Âu đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như thế nào?	* Chính quyền mới ở các nước Đông Âu tuyên bố từ bỏ CNXH và chủ nghĩa Mac Lênin.	
	– Thực hiện đa nguyên chính trị.	
	– Chuyển sang kinh tế thị trường.	
	– Đổi tên nước và ngày Quốc khánh, chỉ gọi chung là nước cộng hoà.	
	– Hệ thống các nước	– Năm 1991, hệ thống

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV kết luận: Nguyên nhân sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu có nhiều nguyên nhân, nhưng có một số nguyên nhân chủ yếu. – Nguyên nhân sâu xa là mô hình CNXH có nhiều khuyết tật và thiếu sót, tuy có sự phù hợp nhất định trong một thời gian trước đó. Nhưng trong quá trình phát triển ngày càng bộc lộ sự thiếu tôn trọng đầy đủ quy luật phát triển khách quan về kinh tế, xã hội, chủ	XHCN không còn tồn tại. + 28/6/1991 khối SEV chấm dứt hoạt động. + 1/7/1991 Tổ chức Hiệp ước Vac-sa-va tuyên bố giải thể. – Đây là tổn thất hết sức nặng nề với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng tiến bộ, các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh cho hoà bình và độc lập dân tộc.	các nước XHCN bị tan rã và sụp đổ.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
quan duy ý chí, thực hiện cơ chế quan liêu bao cấp, làm cho nền kinh tế thiếu năng động. Từ nền kinh tế đó dẫn tới thụ động về xã hội, thiếu dân chủ và công bằng xã hội. – Những khuyết tật duy trì quá lâu, làm cho XHCN xa rời những tiến bộ văn minh của thế giới, nhất là sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học kĩ thuật đưa tới sự trì trệ, khủng hoảng về kinh tế, xã hội. – Sự chống phá của CNĐQ và các thế lực chống CNXH. – Đây là sự tổn thất nặng nề của phong trào cách mạng thế giới. Nhưng sự phục hưng của phong trào XHCN, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu, nó là cả một quá trình lâu dài, các nước này đang tìm cách khắc phục và đi lên.		

5. Củng cố

- Em hãy trình bày quá trình khủng hoảng và tan rã của các nước XHCN Đông Âu.
- Theo em, những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự tan rã và sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu là gì?

Chương II
CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 3 QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa ở châu Á, Phi và Mĩ La-tinh.
- Những diễn biến chủ yếu của quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước này, trải qua 3 giai đoạn phát triển, mỗi giai đoạn có nét đặc thù riêng.

2. Tư tưởng

- HS cần thấy rõ: Quá trình đấu tranh kiên cường, anh dũng để giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh,
- Chúng ta cần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh để chống kẻ thù chung là CNĐQ thực dân.
- Nâng cao lòng tự hào dân tộc, vì trong nửa sau thế kỷ XX, chúng ta đã đánh thắng 2 đế quốc lớn mạnh là Pháp và Mĩ, đó là nguồn cổ vũ lớn lao đối với các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh cho độc lập dân tộc.

3. Kĩ năng

Rèn luyện cho HS phương pháp tư duy, logic khái quát tổng hợp, phân tích các sự kiện lịch sử và kĩ năng sử dụng bản đồ.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Một số tranh ảnh về các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.
- Bản đồ thế giới châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu quá trình khủng hoảng và sụp đổ của các nước XHCN Đông Âu.
- Xác định vị trí của các nước Đông Âu trên bản đồ và theo em, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của các nước Đông Âu là gì?

3. Giới thiệu bài mới

- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra rất sôi nổi ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh làm cho hệ thống thuộc địa của CNĐQ tan ra từng mảng lớn và đi tới sụp đổ hoàn toàn.
- Cao trào đấu tranh này có thể chia thành 3 giai đoạn chính:

  – Giai đoạn I: Từ 1945 đến những năm 60 của thế kỷ XX.

  – Giai đoạn II: Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX.

  – Giai đoạn III: Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc mục I SGK và sau đó đặt câu hỏi:		**I. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX**
– Em hãy trình bày	Trả lời:	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh từ 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX?	– Ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, nhân dân một số nước Đông Nam Á đã đứng lên khởi nghĩa vũ trang dành độc lập:	– Châu Á:
	+ Indonexia tuyên bố độc lập (17/8/1945).	+ Indonexia tuyên bố độc lập (17/8/1945).
	+ Việt Nam (2/9/1945).	+ Việt Nam (2/9/1945).
	+ Lào (12/10/1945).	+ Lào (12/10/1945).
	– Sau đó phong trào nhanh chóng lan sang Nam Á và Bắc Phi:	+ Ấn Độ (1946 – 1950). + I-rắc (1958).
	+ Ấn Độ (1946 – 1950).	– Châu Phi:
	+ Ai Cập (1952).	+ Ai Cập (1952).
	+ An-giê-ri (1954 – 1962).	+ An-giê-ri (1954 – 1962).
	+ I-rắc (1958).	+ 17 nước châu Phi dành độc lập (1960).
	– Đặc biệt năm 1960, 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.	– Mĩ La-tinh:
	– Giữa những năm 60 của thế kỷ XX, hệ thống thuộc địa của CNĐQ trên thế giới đã bị sụp đổ.	+ Cu ba (1959).
	– Năm 1967, hệ thống thuộc địa chủ yếu chỉ còn ở vùng Nam châu Phi (5,2 triệu km^2) với 35	– Đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX hệ thống thuộc địa của CNĐQ căn bản bị sụp

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	triệu dân.	đổ.
GV giải thích thêm: – Năm 1960, 17 nước châu Phi dành độc lập cho nên người ta gọi đó là "năm châu Phi". – Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 15 (1960) đã thông qua văn kiện "tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân" trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. – Năm 1963, Liên hợp quốc thông qua tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc. Sau đó GV gọi HS lên bảng xác định vị trí các nước đã dành được độc lập trên bản đồ thế giới.		
GV gọi HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:	Trả lời:	**II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX**
– Em hãy trình bày phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên	– Nét nổi bật trong giai đoạn này là: nhân dân các nước Ăng-gô-la, Mô-	– Đầu những năm 60 nhân dân một số nước châu Phi dành độc lập

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
thế giới (từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX).	dăm-bích, Ghi-nê-bit-xao lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha (từ đầu những năm 60).	khỏi ách thống trị của Bồ Đào Nha:
	– Sự tan rã ách thống trị của Bồ Đào Nha là thắng lợi quan trọng của cách mạng châu Phi.	+ Ghi-nê-Bit-xao (9/1974). + Mô-dăm-bích (6/1975). + Ăng-gô-la (11/1975).
GV yêu cầu HS xác định vị trí của 3 nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghi-nê Bit-xao trên bản đồ châu Phi.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III, sau đó đặt câu hỏi:	Trả lời:	**III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX**
– Em hãy trình bày phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới (từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX).	– Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ tồn tại dưới hình thức cuối cùng của nó là chế độ phân biệt chủng tộc (A pác thai).	– Trong thời kì này chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức chủ nghĩa phân biệt chủng tộc (A pác thai).
	– Tập trung ở 3 nước phía Nam châu Phi: Tây Nam Phi (Na-mi-bi-a), Rô-đê-di-a (Dim-ba-bu-ê), và Cộng hoà Nam Phi.	– Nhân dân các nước châu Phi dành được chính quyền: + Rô-đê-di-a (1980).
	– Sau nhiều năm đấu tranh kiên trì, nhân dân	+ Tây Nam Phi (1990).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	các nước này đã dành thắng lợi, nắm chính quyền, chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ sau hàng thế kỷ tồn tại.	+ Cộng hoà Nam Phi (1993).
GV minh hoạ thêm: – Tháng 11/1993, với sự nhất trí của 21 chính đảng, bản dự thảo Hiến pháp cộng hoà Nam Phi được thông qua, chấm dứt 341 năm tồn tại của chế độ A pác thai. – Tháng 4/1991, Nen-Xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên của cộng hoà Nam Phi. – Thắng lợi này có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đánh dấu sự tan rã của chế độ phân biệt chủng tộc đầy dã man và bất công.		
Hỏi: – Sau khi hệ thống thuộc địa sụp đổ, nhiệm vụ của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh là gì?	Trả lời: – Nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân các nước này là: + Củng cố độc lập. + Xây dựng và phát triển đất nước tránh khỏi sự	– Sau khi hệ thống thuộc địa sụp đổ hoàn toàn, nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh đã đấu tranh kiên trì, củng cố độc lập. – Xây dựng và phát

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ thêm: – Tình hình kinh tế của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh còn gặp nhiều khó khăn. – Nợ nước ngoài chồng chất, khó có khả năng thanh toán. + 1965: 38,1 tỉ USD. + Những năm: 80 451 tỉ USD. + Đầu những năm 90: 1.300 tỉ USD. + Công nghiệp và xuất khẩu của các nước này là: 10 → 12% của thế giới. + Dân số chiếm 70% của thế giới. Tuy vậy, hiện nay đã có một số nước vươn lên thoát khỏi nghèo đói, thành nước NIC. GV yêu cầu HS xác định vị trí 3 nước Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a, và cộng hoà Nam Phi trên bản đồ.	nghèo đói.	triển đất nước để khắc phục đói nghèo.

5. Củng cố

- Hãy nêu các giai đoạn phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và một số sự kiện lịch sử tiêu biểu (phần này GV có thể chia nhóm cho HS thảo luận, chia mỗi nhóm trình bày sự phát triển của một giai đoạn). Cuối cùng GV tổng kết.
- GV yêu cầu HS xác định vị trí các quốc gia của châu Á, Phi, Mĩ La-tinh đã dành được độc lập và hướng dẫn các em chọn một số phong trào cách mạng điển hình (nêu những nét cơ bản nhất của phong trào đó).

  Ví dụ: Châu Á: Việt Nam.

  Châu Phi: Cộng hòa Nam Phi.

  Mĩ La-tinh: Cu ba.
- GV gợi ý HS trả lời câu hỏi: nhiệm vụ chủ yếu của các nước châu Á, Phi, Mĩ La-tinh sau khi dành được độc lập là gì?

6. Bài tập

HS lập bảng thống kê phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc châu Á, châu Phi, Mĩ La-tinh theo mẫu sau:

Giai đoạn	*Châu Á*	*Châu Phi*	*Mĩ La-tinh*

Bài 4

CÁC NƯỚC CHÂU Á

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Những nét khái quát về tình hình các nước châu Á (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay). Đặc biệt là 2 nước lớn: Trung Quốc, Ấn Độ.
- Sự ra đời của nước Cộng hoà nhân dân Trung hoa (từ 1945 đến nay).

2. Tư tưởng

Giáo dục cho HS tinh thần đoàn kết quốc tế, đặc biệt là đoàn kết với các nước trong khu vực để cùng hợp tác phát triển, xây dựng xã hội giàu đẹp, công bằng, văn minh.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp những sự kiện lịch sử và sử dụng bản đồ.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Tranh ảnh về các nước châu Á và Trung Quốc.
- Bản đồ châu Á và bản đồ Trung Quốc.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu các giai đoạn phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh (từ 1945 đến nay).
- Cho ví dụ phong trào cách mạng điển hình và xác định vị trí của nước đó trên bản đồ thế giới hoặc bản đồ châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh.

3. Giới thiệu bài mới

- Châu Á với diện tích rộng lớn và dân số đông nhất thế giới.
- Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, châu Á đã có nhiều biến đổi sâu sắc, trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, các dân tộc châu Á đã dành được độc lập. Từ đó đến này, các nước đang ra sức củng cố độc lập, phát triển kinh tế và xã hội. Hai nước lớn nhất châu Á là Trung Quốc và Ấn Độ đã đạt được những thành tựu lớn trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, vị thế của các nước này ngày càng lớn trên trường quốc tế.

Hôm nay, chúng ta học bài 4: Các nước châu Á.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
GV giới thiệu châu Á bằng bản đồ thế giới hoặc bản đồ châu Á để HS nhận thấy rõ châu Á và các nước châu Á.		**Tình hình chung** ***1. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc châu Á (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến đầu những năm 50).***
Sau đó GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:	Trả lời:	
– Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Á từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến đầu những năm 50 của thế kỷ XX phát triển như thế nào?	– Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, một cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc bùng lên và lan nhanh khắp châu Á, điển hình như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonexia.	– Cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc dấy lên khắp châu Á.
		– Cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã dành được độc lập: Trung Quốc, Ấn Độ…
Hỏi:	Trả lời:	***2. Tình hình các nước***

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Từ nửa sau thế kỷ XX đến nay, tình hình châu Á phát triển như thế nào?	– Thời kì này tình hình châu Á phát triển không ổn định.	***châu Á từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay***
	– Nhiều cuộc chiến tranh xâm lược đã diễn ra: Đông Nam Á và Tây Á (Trung Đông).	– Tình hình châu Á không ổn định.
	– Các nước đế quốc cố duy trì ách thống trị, chiếm giữ vị trí chiến lược quan trọng để ngăn cản phong trào cách mạng trong khu vực.	– Nhiều cuộc chiến tranh xâm lược xảy ra ở Đông Nam Á và Trung Đông.
	– Nhiều vụ tranh chấp biên giới hoặc ly khai xảy ra: Ấn Độ và Paskixtan, Xrilanca, Philipin, Indonexia.	– Các nước đế quốc cố chiếm lấy những vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng.
		– Một số vụ tranh chấp biên giới và ly khai xảy ra.
Hỏi: Những thành tựu kinh tế, xã hội của các nước châu Á (từ 1945 đến nay) như thế nào?	Trả lời: – Từ 1945 đến nay, một số nước châu Á đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xingapo.	***3. Những thành tựu kinh tế, xã hội của Châu Á (1945 đến nay)*** – Một số nước đạt được thành tựu to lớn về kinh tế: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xingapo.
GV phân tích thêm: – Sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, nhiều		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
người dự đoán rằng "thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của châu Á".		
Hỏi: – Tình hình phát triển kinh tế của Ấn Độ (từ 1945 đến nay) như thế nào?	Trả lời: – Ấn Độ là nước lớn thứ 2 châu Á.	– Kinh tế Ấn Độ phát triển nhanh chóng:
	– Từ sau khi dành được độc lập (1950) đã thực hiện các kế hoạch dài hạn để phát triển kinh tế, xã hội.	+ Thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn để phát triển kinh tế.
	– Thực hiện cuộc "cách mạng xanh" đã tự túc được lương thực cho 1 tỉ người (trước đây thường xuyên thiếu đói).	+ Thực hiện cuộc "cách mạng xanh" đã tự túc được lương thực.
	– Sản phẩm công nghiệp chính của Ấn Độ là hàng dệt, thép, máy móc, thiết bị giao thông và xe hơi.	+ Mấy thập niên gần đây, công nghệ thông tin phát triển mạnh.
	– Những thập niên gần đây, công nghệ thông tin phát triển mạnh.	+ Ấn Độ có xu thế vươn lên thành cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân và công nghệ vũ trụ.
	– Ấn Độ đang vươn lên hàng các cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân và công nghệ vũ trụ.	
GV giới thiệu nước Cộng hoà Nhân dân		**Trung Quốc** ***1. Sự ra đời của nước***

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Trung Hoa cho HS bằng bản đồ Trung Quốc (đã phóng to treo trên bảng). Sau đó GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		***Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*** – Sau kháng chiến chống Nhật. – Nội chiến cách mạng bùng nổ (1946-1949).
– Em hãy trình bày về sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa?	Trả lời: – Sau kháng chiến chống Nhật thắng lợi, Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến cách mạng kéo dài 3 năm (1946 → 1949) giữa Đảng Cộng sản và Trung Hoa Quốc dân Đảng. Cuối cùng Trung Hoa Quốc dân Đảng thất bại, Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan.	– Cuối cùng Trung Hoa Quốc dân Đảng thất bại, Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan.
	– Chiều 1/10/1949, cuộc mít tinh của hơn 30 vạn nhân dân thủ đô Bắc Kinh tại quảng trường Thiên An Môn, Mao Trạch Đông đã trịnh trọng tuyên bố nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.	– 1/10/1949 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.
GV giải thích thêm: Mao Trạch Đông là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc tuyên bố nước Cộng hoà Nhân		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
dân Trung Hoa ra đời.		
Hỏi: – Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời có ý nghĩa lịch sử như thế nào đối với Trung Quốc và thế giới?	Trả lời: – Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời kết thúc ách nô địch hơn 100 năm của đế quốc nước ngoài và hàng ngàn năm của chế độ phong kiến Trung Quốc.	** Ý nghĩa lịch sử:* Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời: – Trong nước:
		+ Kết thúc ách thống trị hơn 100 năm của đế quốc nước ngoài và hàng ngàn năm của chế độ phong kiến Trung Quốc.
	– Đưa nước Trung Hoa bước sang một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập tự do.	+ Đưa nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.
	– Hệ thống các nước XHCN nối liền từ Âu sang Á.	– Quốc tế: Hệ thống các nước XHCN nối liền từ Âu sang Á.
GV dùng bản đồ thế giới để làm rõ ý này (Hệ thống các nước XHCN nối liền từ Âu sang Á).		
GV yêu cầu HS đọc mục 2 SGK và đặt câu hỏi:	Trả lời:	***2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)***
– Em hãy trình bày nhiệm vụ của nhân dân	– Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	** Nhiệm vụ:* – Đưa đất nước thoát

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Trung Hoa trong thời kì (1949-1959).	thành lập, nhiệm vụ to lớn của nhân dân Trung Hoa là khôi phục kinh tế, đưa đất nước Trung Hoa thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển kinh tế, xã hội.	khỏi nghèo nàn, lạc hậu. – Tiến hành công nghiệp hoá và phát triển kinh tế, xã hội.
	– Từ năm 1950, Trung Hoa bắt đầu khôi phục kinh tế.	* *Thực hiện:*
	– Tiến hành cải cách ruộng đất. – Hợp tác hoá nông nghiệp.	– Năm 1950 bắt đầu khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất, hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.
	– Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.	– Xây dựng công nghiệp dân tộc, phát triển văn hoá giáo dục.
	– Xây dựng công nghiệp dân tộc, phát triển văn hoá giáo dục.	– Năm 1952, hoàn thành khôi phục kinh tế.
Hỏi:	Trả lời:	* *Thành tựu:*
Nêu những thành tựu bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH ở Trung Quốc (1953 – 1957)	– Từ 1953 $\rightarrow$ 1957 Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, thu được thắng lợi to lớn.	– Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Bộ mặt đất nước thay đổi rõ rệt. – Trong thời gian này 246 công trình được xây dựng và đưa vào sản xuất. – Sản lượng công nghiệp tăng 140%, nông nghiệp tăng 25% so với năm 1952.	– Đất nước thay đổi rõ rệt. – 246 công trình được xây dựng và đưa vào sản xuất. – Công nghiệp tăng 140%, nông nghiệp tăng 25% (so với 1952).
GV minh hoạ thêm: – Năm 1952 Trung Quốc hoàn thành khôi phục kinh tế. – Sản lượng công nghiệp tăng gấp 2 lần so với 1949. – Năm 1957, sản lượng công nghiệp tăng 10,7 lần (so với 1949). – Tự sản xuất 60% thiết bị máy móc cần thiết. – 19% số hộ nông dân gia nhập hợp tác xã.		
Hỏi: Chính sách đối ngoại của Trung Quốc thời kì này là gì?	Trả lời: – Trung Quốc thực hiện chính sách đối ngoại tích cực, nhằm củng cố hoà bình và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới. – Địa vị quốc tế của	** Chính sách đối ngoại:* – Thực hiện chính sách đối ngoại tích cực, củng cố hoà bình và đẩy mạnh cách mạng thế giới. – Địa vị quốc tế ngày

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Trung Quốc ngày càng tăng và khẳng định vững chắc.	càng tăng và vững chắc.
GV yêu cầu HS đọc SGK mục 3 và đặt câu hỏi:		
– Em hãy trình bày tình hình đất nước Trung Quốc trong thời kì (1959-1978)?	Trả lời: – Từ 1959 đến 1978 Trung Quốc trải qua thời kì biến động kéo dài.	***3. Đất nước trong thời kì biến động (1959-1978)*** – Trung Quốc trải qua thời kì biến động kéo dài.
	– Sự kiện mở đầu là Trung Quốc đề ra đường lối "Ba ngọn cờ hồng" với mục đích xây dựng nhanh chóng CNXH.	+ Mở đầu là đường lối "Ba ngọn cờ hồng". + Phát động toàn dân làm gang thép.
	– Đặc biệt là phong trào "Đại nhảy vọt", phát động phong trào toàn dân làm gang thép.	+ Kinh tế đất nước rối loạn.
	+ Trong 2 tháng 11 và 12 năm 1958, cả nước có hơn 1 triệu lò luyện thép nhỏ, sau 4 tháng hoạt động, 11 triệu tấn thép ra lò nhưng kém chất lượng không sử dụng được.	+ Sản xuất giảm sút.
	– Kinh tế đất nước rối loạn, sản xuất giảm sút, nạn đói xảy ra khắp nơi.	+ Nạn đói nghiêm trọng xảy ra, hàng chục triệu người chết đói.
	– Nội bộ Đảng Cộng sản bất đồng, tranh dành quyền lực gay gắt, đỉnh	+ Nội bộ Đảng Cộng sản lục đục, tranh dành quyền lực gay gắt, đỉnh

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV giải thích thêm: "Đường lối ba ngọn cờ hồng": – Một là: đường lối chung (dốc hết sức lực để xây dựng CNXH với phương châm: nhiều, nhanh, tốt, rẻ). – Hai là: Đại nhảy vọt (toàn dân làm gang thép để 15 năm sau Trung Quốc sẽ vượt Anh về gang thép). – Ba là: công xã nhân dân, đó là một tổ chức hợp nhất ở nông thôn, giữa sản xuất và chính quyền. * Về nạn đói ở Trung Quốc: – Cuối 1958, hơn 30 triệu người bị chết đói, đồng ruộng bỏ hoang, nhà máy đóng cửa vì thiếu nguyên liệu,	cao là cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" (1966-1968). Cuộc cách mạng này gây tình trạng hỗn loạn trong cả nước, để lại nhiều thảm hoạ nghiêm trọng đối với nhân dân và đất nước.	cao là cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" (1966–1968).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
lương thực và phải tập trung vào luyện thép. (Giáo trình LSTG hiện đại, tập 4, NXB ĐHQG, Hà Nội, 1996 trang 24).		
Hỏi: Em hãy nêu hậu quả nặng nề của đường lối "Ba ngọn cờ hồng" và "Đại cách mạng văn hoá vô sản" ở Trung Quốc.?	Trả lời: – Kinh tế và chính trị hỗn loạn trong cả nước.	– Hậu quả của đường lối "Ba ngọn cờ hồng" và "Đại cách mạng văn hoá vô sản". + Kinh tế và chính trị hỗn loạn trong cả nước.
	– Để lại nhiều thảm hoạ nghiêm trọng về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.	+ Nội bộ Đảng lục đục, nhân dân đói khổ.
GV yêu cầu HS đọc SGK mục 4 và đặt câu hỏi:	Trả lời:	***4. Công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay).***
– Trung Quốc đề ra đường lối cải cách mở cửa từ bao giờ? Nội dung của đường lối đó là gì?	– Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối đổi mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế–xã hội.	– Tháng 12/1978, Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới. * *Nội dung:*
	– Nội dung của đường lối đổi mới: + Xây dựng CNXH theo mầu sắc của Trung Quốc. + Lấy phát triển kinh tế	+ Xây dựng CNXH theo kiểu Trung Quốc. + Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. + Thực hiện cải cách

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	làm trung tâm. + Thực hiện cải cách mở cửa, nhằm mục tiêu hiện đại hoá Trung Quốc, đưa đất nước trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh.	mở cửa. + Hiện đại hoá đất nước.
Hỏi: Em hãy nêu những thành tựu to lớn về kinh tế mà Trung Quốc đã đạt được trong quá trình đổi mới (1979 đến nay).	Trả lời: – Kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới: 9,6%/năm.	** Thành tựu:* – Kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới: 9,6%/năm.
	– Đứng hàng thứ 7 thế giới. – Tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 1997 so với 1978 tăng 15 lần. – Đời sống nhân dân được cải thiện.	– Tiềm lực kinh tế đứng thứ 7 thế giới. – Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.
GV hướng dẫn HS xem hình 7 và 8 SGK (Bộ mặt của Trung Quốc đã có nhiều thay đổi).		
– Những thành tựu đối ngoại của Trung Quốc thời kì này như thế nào?	Trả lời: – Về đối ngoại: đạt nhiều kết quả, củng cố địa vị Trung Quốc trên trường quốc tế. – Bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, Indonexia, Việt Nam.	** Đối ngoại:* Đạt nhiều kết quả: – Địa vị trên trường quốc tế nâng cao. – Bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam…

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV kết luận: Hiện nay Trung Quốc là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định cao vào bậc nhất thế giới (trên 9%/năm). Năm 2001 GDP đạt 9593,3 tỉ nhân dân tệ, gấp 3 lần 1989.	– Mở rộng quan hệ, hợp tác trên thế giới. – Thu hồi Hồng Kông (7/1997) và Ma Cao (12/1999).	– Mở rộng quan hệ, hợp tác trên thế giới. – Thu hồi Hồng Kông (7/1997) và Ma Cao (12/1999).

5. Củng cố

- Em trình bày về sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
- Nêu những thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc (từ 1978 đến nay).
- Ý nghĩa của những thành tựu đó khi Trung Quốc bước sang thế kỷ XXI.



Bài 5 CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945.
- Sự ra đời của Hiệp hội các nước Đông Nam Á – ASEAN và vai trò của nó đối với sự phát triển của các nước trong khu vực.

2. Tư tưởng

- Thông qua bài giảng HS thấy tự hào về những thành tựu mà nhân dân các nước Đông Nam Á đã đạt được trong thời gian gần đây.
- Để phát huy những thành quả đã đạt được, các nước Đông Nam Á cần củng cố và tăng cường sự đoàn kết hữu nghị và hợp tác phát triển giữa các nước trong khu vực.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích khái quát tổng hợp sự kiện lịch sử và kĩ năng sử dụng bản đồ cho HS.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ Đông Nam Á và bản đồ thế giới.
- Một số tài liệu về các nước Đông Nam Á và ASEAN.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày: những nét nổi bật của châu Á từ sau 1945 đến nay.
- Nêu những thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978 → nay).

3. Giới thiệu bài mới

Từ sau năm 1945, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của Đông Nam Á phát triển mạnh, nơi đây được coi như khởi đầu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Sau khi dành được độc lập, các nước Đông Nam Á đã thực hiện xây dựng đất nước, phát triển kinh tế và văn hoá đạt được những thành tựu to lớn. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã chứng minh điều đó.

Hôm nay, chúng ta nghiên cứu về các nước Đông Nam Á.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ Đông Nam Á giới thiệu về các nước này cho HS và yêu cầu HS đọc SGK mục I, sau đó đặt câu hỏi:		**I. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945**
– Em hãy trình bày những nét chủ yếu về các nước Đông Nam Á trước 1945?	Trả lời: – Đông Nam Á gồm 11 nước với 4,5 triệu km2 và 536 triệu dân (năm 2002).	***1. Đông Nam Á trước 1945*** – Gồm 11 nước
	– Trước 1945, hầu hết các nước Đông Nam Á là thuộc địa của các nước Đế quốc (trừ Thái Lan).	– Hầu hết là thuộc địa của đế quốc (trừ Thái Lan).
Hỏi: Em hãy trình bày tình hình Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?	Trả lời: – Tháng 8/1945, sau khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, các nước Đông Nam Á nhanh chóng nổi dậy dành chính quyền.	***2. Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai*** – Sau khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, một loạt các nước Đông Nam Á nổi dậy dành chính quyền.
	– 17/8/1945 Indonexia tuyên bố độc lập.	+ Indonexia (8/1945).
	– 19/8/1945 Việt Nam tổng khởi nghĩa dành chính quyền nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời (2/9/1945).	+ Việt Nam (8/1945). + Lào (10/1945).
	– 12/10/1945 Lào tuyên bố độc lập.	
	– Nhân dân Mã Lai, Miến Điện, Philipin đều	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	nổi dậy đấu tranh.	
Hỏi: Sau khi một số nước dành được độc lập, tình hình khu vực này ra sao?	Trả lời: – Sau khi dành được độc lập, một số nước Đông Nam Á lại phải đứng lên kháng chiến chống bọn đế quốc trở lại xâm lược: Indonexia, Lào, Việt Nam.	– Sau khi một số nước dành độc lập, bọn đế quốc trở lại xâm lược, nhân dân lại phải đứng lên chống xâm lược: Việt Nam, Indonexia…
	– Một số nước khác, đế quốc phải trả lại độc lập cho nhân dân: Philipin, Miến Điện, Mã Lai.	– 7/1946 Anh trao trả độc lập cho Philipin, Miến Điện (1/1948) và Mã Lai (8/1957).
	– Đến giữa những năm 50 của thế kỷ XX, các nước Đông Nam Á lần lượt dành độc lập.	– Giữa những năm 50 các nước Đông Nam Á lần lượt dành độc lập.
GV yêu cầu HS xác định vị trí những nước đã dành được độc lập trên bản đồ.		
Hỏi: – Từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX, đường lối đối ngoại của các nước Đông Nam Á có gì thay đổi?	Trả lời: – Từ giữa những năm 50 trong bối cảnh "chiến tranh lạnh", tình hình Đông Nam Á phức tạp, căng thẳng và phân hoá (Mĩ can thiệp).	– Từ đây tình hình Đông Nam Á căng thẳng và có sự phân hoá (do Mĩ can thiệp).
	– Tháng 9/1954, Mĩ, Anh, Pháp thành lập khối quân sự SEATO (khối quân sự Đông Nam Á) nhằm ngăn chặn	– Tháng 9/1954 khối quân sự Đông Nam Á thành lập (SEATO) nhằm:

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	CNXH và đẩy lùi phong trào đấu tranh giải phóng trong khu vực.	+ Ngăn chặn CNXH. + Đẩy lùi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
	– Thái Lan, Philipin gia nhập khối SEATO.	+ Thái Lan, Philipin gia nhập khối SEATO.
	– Tình hình rất căng thẳng khi Mĩ tiến hành xâm lược Việt Nam, Lào, Campuchia.	+ Mĩ xâm lược Đông Dương.
	– Indonexia và Miến Điện thực hiện chính sách hoà bình trung lập.	+ Indonexia và Miến Điện hoà bình trung lập.
GV kết luận: Như vậy, từ cuối những năm 50, trong đường lối ngoại giao của các nước Đông Nam Á bị phân hoá. GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và kể tên 10 nước ASEAN sau đó đặt câu hỏi:		
– Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh nào?	Trả lời: – Sau khi dành độc lập, cần phải phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, nhiều nước Đông Nam Á đã chủ trương thành lập một Liên minh khu vực để cùng nhau hợp tác, phát triển đồng thời hạn	**II. Sự ra đời của tổ chức ASEAN** ***1. Hoàn cảnh thành lập*** – Sau khi dành độc lập một số nước Đông Nam Á có nhu cầu hợp tác phát triển.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài với khu vực.	
	– Cho nên: 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á ra đời (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN), tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước: Indonexia, Thái Lan, Malaixia, Philipin, Xingapo.	– Ngày 8/8/1967 ASEAN ra đời gồm 5 nước: Indonexia, Thái Lan, Malaixia, Philipin, Xingapo.
Hỏi:	Trả lời:	***2. Mục tiêu hoạt động***
– Mục tiêu hoạt động của ASEAN là gì?	– Trong bản tuyên ngôn thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) đã nêu rõ: Mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế và văn hoá, thông qua những nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.	– Phát triển kinh tế và văn hoá, thông qua sự hợp tác hoà bình ổn định giữa các thành viên.
Hỏi:	Trả lời:	** Nguyên tắc:*
Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ ASEAN là gì?	– Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ của ASEAN đã được thông qua trong hội nghị Ba li (Indonexia) 2/1976 là tôn trọng chủ quyền,	– Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của nhau. – Giải quyết mọi tranh chấp bằng phương pháp

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết mọi tranh chấp bằng phương pháp hoà bình, luôn hợp tác và phát triển có kết quả.	hoà bình. – Hợp tác và phát triển.
Hỏi: – Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN như thế nào?	Trả lời: – Từ 1975 →1978 quan hệ được cải thiện.	– Quan hệ Việt Nam và ASEAN:
	– Từ 1979 quan hệ căng thẳng (đối đầu) về vấn đề Capuchia.	+ Trước 1979 là quan hệ "đối đầu".
	– Từ cuối những năm 80 chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại" hợp tác cùng tồn tại hoà bình.	+ Cuối thập kỉ 80 chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại" hợp tác cùng tồn tại hoà bình để phát triển.
GV giới thiệu trụ sở ASEAN tại Giacacta (Indonexia), đó là nước lớn nhất và đông dân cư nhất Đông Nam Á.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi:		
– Tổ chức ASEAN đã phát triển như thế nào?	Trả lời: – Sau khi ASEAN thành lập (8/1967). – Năm 1984 Brunây xin	**III. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"** – Tháng 1/1984,

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (thành viên thứ 6).	Brunay xin gia nhập ASEAN.
	– Năm 1991, tình hình Campuchia được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện.	– 7/1995, Việt Nam. – 9/1997, Lào và Myanma.
	– Xu hướng của ASEAN trong thời gian này là mở rộng, kết nạp thêm các thành viên.	– 4/1999, Campuchia. – Hiện nay ASEAN có 10 nước.
	– Tháng 7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN (thành viên thứ 7).	
	– Tháng 9/1997, Lào và Myanma gia nhập ASEAN (thành viên thứ 8 và thứ 9).	
	– Tháng 4/1999, Campuchia gia nhập ASEAN (thành viên thứ 10).	
Hỏi:	Trả lời:	
Hoạt động chủ yếu của ASEAN hiện nay là gì?	– Hoạt động chủ yếu của ASEAN hiện nay là:	– Hoạt động chủ yếu:
	+ Hợp tác kinh tế, xây dựng một Đông Nam Á hoà bình, ổn định để cùng nhau phát triển phồn vinh.	Hợp tác kinh tế, xây dựng một Đông Nam Á hoà bình, ổn định để cùng nhau phát triển phồn vinh.
Hỏi: – Những hoạt động cụ	Trả lời: – Năm 1992 ASEAN	– 1992 (AFTA) khu vực mậu dịch chung của

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
thể của ASEAN trong thập kỷ 90 đã có những nét gì mới?	quyết định biến Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch chung (AFTA) trong vòng 10 → 15 năm.	Đông Nam Á ra đời.
	– Năm 1994 ASEAN lập diễn đàn khu vực (ARF) gồm 23 quốc gia trong và ngoài khu vực, tạo nên môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác, phát triển.	– 1994, diễn đàn khu vực ARF gồm 23 nước trong và ngoài khu vực để cùng nhau hợp tác phát triển.
	– Lịch sử Đông Nam Á bước sang thời kì mới.	– Lịch sử Đông Nam Á bước sang thời kì mới.
GV hướng dẫn HS xem hình 11. Hội nghị cấp cao ASEAN VI họp tại Hà Nội, thể hiện sự hợp tác hữu nghị, giúp đỡ nhau cùng phát triển của ASEAN.		

5. Củng cố

- Trình bày tình hình các nước Đông Nam Á trước và sau 1945 (xác định vị trí những nước đã dành được độc lập trên bản đồ).
- Trình bày về sự ra đời, mục đích hoạt động và quan hệ của ASEAN với Việt Nam.
- Tại sao nói: Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX "một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á".

6. Bài tập

- Vẽ bản đồ Đông Nam Á và đề tên các thủ đô của từng nước trong khu vực này.
- Nêu những nét biến đổi cơ bản của tình hình Đông Nam Á trong thời

kì này.

- GV hướng dẫn HS xác định 3 biến đổi lớn:
- Cho đến nay các nước Đông Nam Á đều dành được độc lập.
- Từ khi dành được độc lập, các nước Đông Nam Á đều ra sức xây dựng nền kinh tế – xã hội đạt được nhiều thành tựu to lớn (Xingapo được xếp vào hàng các nước phát triển trên thế giới.)
- Từ 1999 đến nay ASEAN đã có 10 thành viên cùng hợp tác hữu nghị, giúp đỡ nhau phát triển, xây dựng một Đông Nam Á hùng mạnh (phần này GV cần dành thời gian để chữa bài tập trên lớp).



Bài 6 CÁC NƯỚC CHÂU PHI

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Tình hình chung của các nước châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.

  + Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

  + Sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước này.

- Cuộc đấu tranh kiên trì để xoá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi.

2. Tư tưởng

Giáo dục cho HS tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và ủng hộ nhân dân châu Phi, trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và chống đói nghèo, bệnh tật.

3. Kĩ năng

Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ, khai thác tư liệu và tranh ảnh, tổng hợp, so sánh, phân tích các sự kiện.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ châu Phi và bản đồ thế giới.
- Tài liệu tranh ảnh về châu Phi.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày những nét chủ yếu của tình hình Đông Nam Á từ sau 1945 đến nay.
- Trình bày về hoàn cảnh ra đời và mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN.

3. Giới thiệu bài mới

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi phát triển mạnh, hầu hết các nước châu Phi đã dành được độc lập. Nhưng trên con đường phát triển, các nước châu Phi còn gặp nhiều khó khăn, vấn đề chủ yếu của các nước này hiện nay là chống đói, nghèo, lạc hậu.

Hôm nay, chúng ta học bài các nước châu Phi.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ châu Phi, giới thiệu về các nước châu Phi, sau đó gọi HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi.		**I. Tình hình chung** ***1. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Châu Phi***
– Em hãy trình bày về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước châu Phi.	Trả lời: – Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi ở	– Phong trào phát triển sôi nổi, nổ ra nhanh nhất ở Bắc Phi. + 18/6/1953, cộng hoà Ai Cập ra đời.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	châu Phi. – Phong trào nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi.	+ Angiêri đấu tranh dành độc lập (1954 – 1962).
	+ Mở đầu là cuộc binh biến tháng 7/1952 ở Ai Cập do Đại tá Nát-xe chỉ huy, chế độ quân chủ bị lật đổ, nước cộng hoà Ai Cập ra đời ngày 18/6/1953.	+ Năm 1960, 17 nước châu Phi dành độc lập.
	+ Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Angiêri (1954 → 1962).	+ Hệ thống thuộc địa châu Phi tan rã, các nước dành được độc lập chủ quyền.
	+ Năm 1960, có 17 nước châu Phi dành độc lập, người ta gọi là "năm châu Phi". + Hệ thống thuộc địa châu Phi tan rã, các dân tộc châu Phi dành được độc lập và chủ quyền.	
Hỏi: – Sau khi dành được độc lập, các nước châu Phi xây dựng đất nước và phát triển kinh tế – xã hội như thế nào?	Trả lời: – Trong công cuộc xây dựng đất nước, kinh tế – xã hội đã thu được nhiều thành tích, nhưng những thành tích này chưa làm thay đổi căn bản bộ mặt châu Phi.	***2. Công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế – xã hội ở châu Phi*** – Đạt được nhiều thành tích, nhưng Châu Phi vẫn nằm trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, bệnh tật.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Nhiều nước còn nằm trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu.	+ 1/4 dân số đói kinh niên.
	– Từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, tình hình châu Phi càng khó khăn và không ổn định.	+ 32/57 quốc gia nghèo nhất thế giới.
	+ Các cuộc xung đột nội chiến đẫm máu xảy ra, do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tình trạng đói nghèo, nợ nần chồng chất, bệnh dịch hoành hành.	– Từ cuối thập kỷ 80, xung đột sắc tộc và nội chiến xảy ra nhiều nơi.
	+ Từ 1987 → 1997, châu Phi có 14 cuộc xung đột và nội chiến. Điển hình là xung đột giữa 2 bộ tộc Hu-tu và Tu-xi ở Ru-an-đa (với dân số 7,4 triệu người đã có 80 vạn người chết, 1,2 triệu người phái tị nạn, lang thang).	– Đầu thập kỉ 90, châu Phi nợ chồng chất: 300 tỉ USD.
	– Hiện nay châu Phi có 57 quốc gia, nhưng 32 nước xếp vào nhóm nghèo nhất thế giới, 1/4 dân số đói ăn kinh niên.	
	– Đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, số nợ của các nước châu Phi đã lên tới 300 tỉ USD.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ thêm: – Hiện nay các nước châu Phi còn rất khó khăn trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế- xã hội, là châu lục nghèo và kém phát triển nhất thế giới. – Sản lượng lương thực bình quân đầu người hiện nay chỉ bằng 70% của những năm 70. Vào đầu những năm 60, châu Phi đã tự túc được lương thực và có xuất khẩu. Hiện nay 2/3 dân số châu Phi không đủ ăn, 1/4 dân số đói kinh niên (150 triệu người). – Châu Phi tỉ lệ tăng dân số cao nhất thế giới, ví dụ: Ru-an-đa 5,2%/năm, Ănggôla, Nigiêria, Mali là 5,1%/năm. – Tỉ lệ người mù chữ cao nhất thế giới: + Ghi-nê 70%, Môritani 69%, Xênêgan 68%, Marốc 64%, Cộng hoà Nam Phi 50%, Angiêri		

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
46%. (Lịch sử thế giới cận đại tập 4, NXB ĐHQG HN, 1996 trang 144, 145).		
Hỏi: – Hiện nay được sự giúp đỡ của các cộng đồng quốc tế, châu Phi khắc phục sự nghèo đói và xung đột sắc tộc như thế nào?	Trả lời: – Châu Phi đang tìm kiếm các giải pháp, đề ra cải cách để khắc phục xung đột và khắc phục những khó khăn về kinh tế. – Thành lập tổ chức thống nhất châu Phi nay gọi là Liên minh châu Phi (AV).	– Để khắc phục xung đột và nghèo đói, tổ chức thống nhất châu Phi được thành lập, nay gọi là Liên minh châu Phi viết tắt là AV.
GV kết luận: – Có thể nói rằng: Cuộc đấu tranh để xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu ở châu Phi còn lâu dài và gian khổ hơn là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.		
GV dùng bản đồ châu Phi, xác định rõ vị trí của cộng hoà Nam Phi trên bản đồ và đặt câu hỏi. Em biết gì về cộng hoà Nam Phi?	Trả lời: – Cộng hoà Nam Phi nằm ở cực Nam châu Phi. + Diện tích 1,2 km^2, dân số 43,6 triệu người, trong đó 75,2% là người da đen, 11,2% da màu, 13,6% da trắng.	**II. Cộng hoà Nam Phi** ***1. Khái quát*** – Nằm ở cực Nam châu Phi. + Diện tích 1,2 triệu $km^{2.}$ + Dân số 43,6 triệu người, trong đó 75,2% da đen.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Năm 1662, người Hà Lan đến Nam Phi lập ra xứ Kếp.	+ 1662 người Hà Lan đến Nam Phi.
	– Đầu XX, Anh chiếm Nam Phi.	– Đầu XX, Anh chiếm Nam Phi.
	– 1910 Liên bang Nam Phi được thành lập nằm trong khối Liên hiệp Anh.	– 1961 cộng hoà Nam Phi ra đời.
	– 1961, Liên bang Nam Phi rút ra khỏi khối Liên hiệp Anh (do nhân dân đấu tranh mạnh) cộng hoà Nam Phi thành lập.	
Hỏi: – Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở cộng hoà Nam Phi diễn ra như thế nào?	Trả lời: – Trong hơn 3 thế kỷ chính quyền thực dân da trắng Nam Phi đã thi hành chế độ phân biệt chủng tộc rất táo bạo, gay gắt với người da đen và da màu.	***2. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi*** – Trong hơn 3 thế kỷ chính quyền thực dân da trắng thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc táo bạo.
	– Trước đây ở Nam Phi có 70 đạo luật phân biệt chủng tộc. + Người da đen không có quyền tự do dân chủ. + Sống trong khu biệt lập với người da trắng.	
	– Dưới sự lãnh đạo của "Đại hội dân tộc Phi"	– Dưới sự lãnh đạo của "Đại hội dân tộc Phi"

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	(ANC), người da đen đấu tranh bền bỉ chống chế độ phân biệt chủng tộc. Thế giới và Liên hợp quốc cũng lên án gay gắt chủ nghĩa Apacthai.	(ANC), người da đen đấu tranh kiên trì chống chủ nghĩa Apacthai.
	– Trước sự đấu tranh mạnh mẽ của người da đen, năm 1993 chính quyền da trắng đã tuyên bố xoá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc (Apacthai) trả lại tự do cho lãnh tụ ANC là Nenxơn Mandêla sau 27 năm cầm tù.	– Năm 1993, chính quyền tuyên bố xoá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
	– Sau cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên (4/1994), ông Nenxơn Mandêla là Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi.	– Tháng 4/1994, Nenxơn Mandêla (da đen) được bầu làm tổng thống Cộng hoà Nam Phi.
GV giới thiệu hình 13 SGK về tổng thống đầu tiên (người da đen) của Cộng hoà Nam Phi và đặt câu hỏi.		
– Ông Nenxơn Mandêla được bầu làm tổng thống, sự kiện này có ý nghĩa lịch sử gì?	Trả lời: – Chứng tỏ rằng: chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ sau hơn 3 thế kỷ tồn tại.	– Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn, chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hỏi: Hiện nay Cộng hoà Nam Phi phát triển như thế nào?	Trả lời: – Hiện nay là nước có thu nhập trung bình trên thế giới. – Có nhiều tài nguyên quý: vàng, kim cương, urani, khí tự nhiên… – Chính quyền mới ở Cộng hoà Nam Phi đã đưa ra chiến lược kinh tế vĩ mô (6/1996) với tên gọi "tăng trưởng việc làm và phân phối lại" để cải thiện mức sống cho nhân dân.	– Nam Phi là nước có thu nhập trung bình trên thế giới. – Có nhiều tài nguyên quý: vàng, kim cương, urani… – Chính quyền mới đã đưa ra chiến lược kinh tế vĩ mô để cải thiện đời sống cho dân (6/1996).

5. Củng cố

- Em hãy trình bày về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc châu Phi (bằng bản đồ).
- Tình hình kinh tế và xã hội của châu Phi hiện nay như thế nào? (nghèo đói, lạc hậu, nợ nần chồng chất).
- Trình bày về Cộng hoà Nam Phi: đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc và kết quả đã đạt được.?

6. Bài tập

- Sưu tầm những tài liệu và tranh ảnh của châu Phi (từ 1945 đến nay).
- Em hãy trình bày: những nét chính về sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước châu Phi sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Bài 7

CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Những nét khái quát về tình hình Mĩ La-tinh (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).
- Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Cuba và những thành tựu nhân dân Cuba đã đạt được hiện nay về kinh tế, văn hoá, giáo dục trước sự bao vây và cấm vận của Mĩ, Cabu vẫn kiên trì với con đường đã chọn (định hướng XHCN).

2. Tư tưởng

GV cho HS hiểu:

- Tinh thần đoàn kết và ủng hộ phong trào cách mạng của các nước Mĩ La-tinh (chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ).
- Từ cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Cuba và những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng CNXH về kinh tế, văn hoá, giáo dục HS thêm yêu mến, quý trọng và đồng cảm với nhân dân Cuba, ủng hộ nhân dân Cuba chống âm mưu bao vây và cấm vận của Mĩ.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ, tổng hợp, phân tích và so sánh (đặc điểm của các nước Mĩ La-tinh với châu Á và châu Phi).

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ thế giới và lược đồ khu vực Mĩ La-tinh.
- Những tài liệu về Mĩ La-tinh.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi (1945 đến nay).
- Hiện nay các nước châu Phi đang gặp những khó khăn gì trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế – xã hội?
- Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi đã đạt được những thắng lợi nào có ý nghĩa lịch sử to lớn?

3. Giới thiệu bài mới

Mĩ La-tinh là một khu vực rộng lớn, trên 20 triệu km^2 (1/7 diện tích thế giới) gồm 23 nước cộng hoà (từ Mêhicô đến cực Nam của Châu Mĩ), tài nguyên phong phú. Từ sau 1945, các nước Mĩ La-tinh không ngừng đấu tranh để củng cố độc lập, chủ quyền, phát triển kinh tế – xã hội nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc Mĩ. Trong cuộc đấu tranh đó, nổi bật lên tấm gương Cuba, điển hình của phong trào cách mạng khu vực Mĩ La-tinh.

Hôm nay, chúng ta học bài: Các nước Mĩ La-tinh.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ thế giới hoặc lược đồ Mĩ La - tinh giới thiệu về khu vực Mĩ La-tinh, sau đó yêu cầu HS đọc SGK mục I và sau đó đặt câu hỏi:		**I. Những nét chung** ***1. Phong trào đấu tranh củng cố độc lập chủ quyền***
– Em có nhận xét gì về sự khác biệt giữa tình hình châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ La-tinh.	Trả lời: – Khác với châu Á, Châu Phi, nhiều nước ở khu vực Mĩ La-tinh đã dành	– Nhiều nước đã dành được độc lập từ những thập niên đầu thế kỷ XIX: Braxin, Achentina,

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	được độc lập từ những thập niên đầu thế kỷ XIX: Braxin, Achentina, Pêru, Vênêxuêla…	Pêru, Vênêxuêla…
GV yêu cầu HS xác định những nước đã dành được độc lập từ đầu thế kỷ XIX trên bản đồ (treo trên bảng).		
Hỏi:	Trả lời:	
Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay tình hình cách mạng Mĩ La-tinh phát triển như thế nào?	– Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, cách mạng Mĩ La-tinh có nhiều biến chuyển mạnh mẽ.	– Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, cách mạng Mĩ La-tinh có nhiều biến chuyển mạnh mẽ.
	+ Mở đầu là cách mạng Cuba (1959).	– Mở đầu là cách mạng Cuba (1959).
	– Đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỷ XX, một cao trào đấu tranh đã bùng nổ ở Mĩ La-tinh, khu vực này được gọi là “Lục địa bùng cháy” của phong trào cách mạng khởi nghĩa vũ trang ở Bôlivia, Vênêxuêla, Côlômbia, Nicaragoa.	– Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, một cao trào đấu tranh bùng nổ ở khu vực này được gọi là “Lục địa bùng cháy”. – Khởi nghĩa vũ trang ở Bôlivia, Vênêxuêla…
	+ Kết quả: Chính quyền độc tài nhiều nước bị lật	– Kết quả: Chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ, chính quyền dân

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	đổ.	chủ nhân dân được thiết lập.
	– Chính quyền dân tộc dân chủ được thiết lập đã tiến hành nhiều cải cách tiến bộ: Chilê, Nicaragoa.	
GV yêu cầu HS xác định vị trí 2 nước: Chilê và Nicaragoa trên bản đồ và đặt câu hỏi.		
– Em hãy trình bày cụ thể những thay đổi của cách mạng Chilê và Nicaragoa trong thời gian này.	Trả lời: Do thắng lợi của cuộc bầu cử tháng 9/1970 ở Chilê, chính phủ Liên minh đoàn kết nhân dân do Tổng thống Agienđê lãnh đạo đã thực hiện những chính sách tiến bộ để củng cố độc lập và chủ quyền dân tộc (1970-1973). – Ở Nicaragoa, dưới sự lãnh đạo của mặt trận Xanđinô, nhân dân đã lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ, đưa đất nước vào con đường dân chủ.	
	– Nhưng cuối cùng do nhiều nguyên nhân, nhất là sự can thiệp của Mĩ, phong trào cách mạng	– Cuối cùng phong trào cách mạng Chilê và Nicaragoa bị thất bại vào những năm 1973 và

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Chilê và Nicaragoa đều thất bại vào những năm 1973 và 1991.	1991.
Hỏi: Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của các nước Mĩ La-tinh diễn ra như thế nào?	Trả lời: – Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, các nước này đã thu được những thành tựu quan trọng: + Củng cố độc lập, chủ quyền. + Dân chủ hoá sinh hoạt chính trị. + Tiến hành cải cách kinh tế.	***2. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của Mĩ La-tinh*** ** Thành tựu:* – Củng cố độc lập, chủ quyền. – Dân chủ hoá chính trị. – Cải cách kinh tế.
	+ Thành lập các tổ chức Liên minh khu vực về hợp tác và phát triển kinh tế.	– Các tổ chức Liên minh khu vực để phát triển kinh tế thành lập.
	– Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình chính trị và kinh tế của các nước này gặp khó khăn và căng thẳng.	– Đầu những năm 90 tình hình kinh tế và chính trị khó khăn, căng thẳng.
GV minh hoạ thêm – Bước vào thập niên 90, Mĩ La-tinh nợ nước ngoài 400 tỉ USD, kinh tế các nước này bị giảm		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
sút. – Năm 1989 buôn bán với thế giới chỉ chiếm 2,8% tổng giá trị buôn bán thế giới. – Tốc độ tăng trưởng kinh tế: thập kỷ 70 là 5,9%, thập kỷ 80 là 1%. – Lạm phát cao nhất thế giới: 1.000% (1983). Năm 1980 là 56,1%. – Hiện nay, Mĩ La-tinh có 2 nước NIC là Braxin và Mêhicô.		– Hiện nay các nước Mĩ La-tinh đang tìm cách khắc phục và đi lên, Braxin và Mêhicô là 2 nước công nghiệp mới.
GV giới thiệu đất nước Cuba (trên bản đồ Mĩ La-tinh) hoặc bản đồ thế giới, yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Em biết gì về đất nước Cuba?	Trả lời: – Cuba nằm ở vùng biển Caribê, hình dạng giống như con cá sấu, rộng 111.000 km2, với 11,3 triệu người (2002).	**II. Cuba – hòn đảo anh hùng** ***1. Khái quát*** – Cuba nằm ở vùng biển Caribê, hình dạng giống như con cá sấu. + Rộng: 111.000 km2 + 11,3 triệu người (2002).

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV minh hoạ thêm – Năm 1942, Critxtopcolong đặt chân đến Cuba, sau đó thực dân Tây ban nha thống trị Cuba hơn 400 năm. – Nhân dân Cuba đấu tranh mạnh mẽ để dành độc lập, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa năm 1895 do Hôxe–Macti và Maxio lãnh đạo. – Năm 1902, Tây ban nha phải công nhận độc lập cho Cuba, nhưng thực tế Cuba lại rơi vào ách thống trị thực dân mới của Mĩ.		
Hỏi: – Em hãy trình bày phong trào cách mạng Cuba (từ 1945 đến nay).	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, với sự giúp đỡ của Mĩ, tháng 3/1952, tướng Batixta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cuba. – Chính quyền này đã xoá bỏ hiến pháp: + Cấm các đảng phái tiến bộ hoạt động.	***2. Phong trào cách mạng Cuba (1945 đến nay)*** *a. Hoàn cảnh:* – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển. – Mĩ tìm cách đàn áp và thiết lập chế độ độc tài quân sự Batixta, chúng xoá bỏ hiến pháp, cấm các đảng phái hoạt

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	+ Bắt giam hàng chục vạn người yêu nước.	động, bắt giam hàng chục vạn người.
GV minh hoạ thêm Từ 1952 đến 1958, Batixta đã giết 2 vạn chiến sĩ yêu nước, cầm tù hàng chục vạn người.		
Hỏi: Em trình bày phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Cuba.	Trả lời: – Nhân dân Cuba kiên trì đấu tranh chống chế độ độc tài Batixta để dành chính quyền. – Mở đầu là cuộc tấn công pháo đài Môncađa (thuộc tỉnh Xanchiagô), ngày 26/7/1953, của 135 thanh niên yêu nước, dưới sự lãnh đạo của Phiđen Ca-xtơ-rô Cuộc tấn công không thắng lợi, nhưng nó mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang của Cuba.	*b. Diễn biến cách mạng* – 26/7/1953 quân cách mạng tấn công trại lính Môncađa mở đầu thời kì khởi nghĩa vũ trang.
	– Sau gần 2 năm bị giam cầm, năm 1955 Phiđen Ca-xtơ-rô được trả lai tự do và bị trục xuất sang Mêhicô. Tại đây, Phiđen đã thành lập 1 tổ chức cách mạng lấy tên là: "phong trào 26/7" tập hợp các chiến sĩ yêu nước, luyện tập quân sự,	– Sau đó Phiđen Ca-xtơ-rô bị bắt. – Năm 1955 Phiđen được trả tự do và bị trục xuất sang Mêhicô.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	chuẩn bị cho cuộc chiếu đấu mới.	
	– Tháng 11/1956, Phiđen cùng với 81 chiến sĩ yêu nước hoạt động, trên con tàu Gran-ma đổ bộ lên tỉnh Ô-ri-en-tê, phần lớn các chiến sĩ hy sinh, chỉ còn lại 12 người, Phiđen và các chiến sĩ của mình vẫn tiếp tục đấu tranh. Được sự giúp đỡ của nhân dân, phong trào cách mạng lan nhanh chóng ra khắp toàn quốc.	– Tháng 11/1956, Phiđen về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.
	– Cuối 1958, lực lượng cách mạng lớn mạnh liên tiếp tiến công địch.	– Cuối 1958 lực lượng cách mạng lớn mạnh tấn công nhiều nơi.
	– Ngày 1/1/1959 chế độ độc tài Batixta sụp đổ, cách mạng Cuba thắng lợi.	– Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Batixta sụp đổ, cách mạng Cuba thắng lợi.
GV minh hoạ thêm: Tại Mêhicô, Phiđen đã tập hợp những chiến sĩ yêu nước, quyên góp tiền mua sắm vũ khí, luyện tập quân sự. – Ngày 25/11/1956, 81 chiến sĩ yêu nước do Phiđen lãnh đạo đã đáp tàu Giama vượt biển về		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
nước, lênh đênh 7 ngày trên biển. Khi đặt chân lên bờ, họ bị quân của Batixta bao vây, tấn công. Trong cuộc chiến không cân sức, 26 người bị thiêu sống, 44 người hy sinh, chỉ còn 12 chiến sĩ rút về vùng rừng núi hoạt động.		
Hỏi:	Trả lời:	*c. Cuba xây dựng chế độ mới và xây dựng CNXH*
– Sau khi cách mạng thắng lợi, chính phủ cách mạng Cuba đã làm gì để thiết lập chế độ mới.	– Chính phủ cách mạng do Phiđen Caxtơrô đứng đầu, đã tiến hành cải cách dân chủ triệt để, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của nước ngoài.	– Sau khi cách mạng thành công, Cuba tiến hành cách mạng dân chủ, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của Tư bản nước ngoài.
	– Xây dựng chính quyền cách mạng các cấp.	– Xây dựng chính quyền mới, phát triển giáo dục.
	– Thanh toán nạn mù chữ phát triển giáo dục.	– 4/1961 tiến lên CNXH.
	– Tháng 4/1961 Cuba diệt gọn 1.300 tên lính đánh thuê của Mĩ trong vòng 72 giờ và Phiđen tuyên bố tiến lên CNXH.	
Hỏi:	Trả lời:	* *Thành tựu xây dựng*

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Em hãy nêu những thành tựu Cuba đã đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH?	– Mĩ thực hiện bao vây cấm vận, nhưng Cuba vẫn đạt được những thành tựu to lớn. – Xây dựng nền công nghiệp cơ cấu các ngành hợp lý. – Nông nghiệp đa dạng. – Giáo dục, y tế, văn hoá phát triển đạt trình độ cao của thế giới.	*CNXH* – Xây dựng công nghiệp cơ cấu hợp lý. – Nông nghiệp đa dạng. – Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển.
	– Sau khi Liên Xô tan rã, Cuba trải qua thời kì đặc biệt khó khăn, nhưng chính phủ đã thực hiện cải cách điều chỉnh, kinh tế vẫn tiếp tục đi lên: 1994: 0,4%/ năm 1995: 2,5%/ năm 1996: 7,8%/ năm	– Mĩ thực hiện chính sách thù địch, cấm vận, Cuba vẫn kiên trì với CNXH.

5. Củng cố

- Theo em, tình hình cách mạng Mĩ La-tinh có gì khác biệt với phong trào cách mạng ở châu Á và châu Phi? (GV chia nhóm để thảo luận vấn đề này).
- GV hướng dẫn các em đi vào những nội dung sau:
  + Châu Á hầu hết là thuộc địa của các nước đế quốc nửa cuối thế kỷ XIX, nhiều nước châu Á dành được độc lập.
  + Châu Phi: Phong trào cách mạng bùng nổ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phát triển không đều (chỉ mạnh ở Bắc Phi), cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc gay gắt. Hiện nay châu Phi vẫn là châu lục nghèo đói, bệnh tật, lạc hậu nhất thế giới.

+ Mĩ La-tinh đã dành được độc lập từ những thập niên đầu thế kỷ XIX từ tay Tây Ban Nha. Nhưng sau đó lại bị Mĩ thống trị "sân sau của Mĩ", kinh tế phát triển hơn châu Á và châu Phi.

- Vì sao nói cuộc tấn công pháo đài Môncađa (26/7/1953) đã mở ra một giai đoạn mới của phong trào cách mạng Cuba.
- Em hiểu biết gì về mối quan hệ đoàn kết hữu nghị giữa lãnh tụ Phiđen Caxtơrô, nhân dân Cuba với Đảng, chính phủ và nhân dân ta.

6. Bài tập

Em hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Mĩ La-tinh từ 1945 đến nay.?

Chương III
MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 8 NƯỚC MĨ

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, kinh tế Mĩ có bước phát triển nhảy vọt: giàu mạnh nhất về kinh tế, khoa học kĩ thuật và quân sự trong hệ thống các nước tư bản, trở thành siêu cường.
- Trong thời kì này, nước Mĩ thực hiện chính sách đối nội phản động, đẩy lùi và đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng.
- Chính sách đối ngoại: bành trướng thế lực với mưu đồ làm bá chủ, thống trị thế giới, nhưng trong hơn nửa thế kỷ qua, Mĩ đã vấp phải nhiều thất bại nặng nề.

2. Tư tưởng

- HS cần thấy rõ thực chất chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ.
- Về kinh tế Mĩ giàu mạnh, nhưng gần đây, Mĩ bị Nhật Bản và Tây Âu (EU) cạnh tranh ráo diết, kinh tế Mĩ giảm sút mặc dù vẫn đứng đầu thế giới nhưng so với trước năm 1973 gảim sút nhiều.
- Từ 1995 trở lại đây, Việt Nam và Mĩ đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức về nhiều mặt. Về kinh tế, ta đẩy mạnh hợp tác và phát triển để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước nhưng kiên quyết phản đối những mưu đồ "diễn biến hoà bình" bá quyền của Mĩ.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, kĩ năng sử dụng bản đồ.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ thế giới và bản đồ nước Mĩ.
- Những tài liệu nói về kinh tế, chính trị và đối ngoại của nước Mĩ (1945 đến nay).

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Mĩ La-tinh (1945 đến nay), trình bày bằng bản đồ.
- Trình bày những nét chính về cách mạng Cuba (1945 đến nay).

3. Giới thiệu bài mới

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, kinh tế Mĩ phát triển nhảy vọt, đứng đầu thế giới tư bản, trở thành siêu cường. Với sự vượt trội về kinh tế, khoa học kĩ thuật, hiện nay nước Mĩ đang giữ vai trò hàng đầu trong nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế.

Hôm nay chúng ta học bài về nước Mĩ (1945 đến nay).

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ thế giới giới thiệu về nước Mĩ (hoặc bản đồ nước Mĩ) sau đó gọi HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi		**I. Tình hình kinh tế nước Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai** ***1. Nguyên nhân phát triển kinh tế***
– Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển nhảy	Trả lời:	– Không bị chiến tranh

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
vọt của kinh tế Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay?	– Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ trở thành nước giàu mạnh nhất thế giới. – Thu được 114 tỉ USD (nhờ buôn bán vũ khí). – Không bị chiến tranh tàn phá, xa chiến trường (2 đại dương bao bọc) – Phát triển kinh tế trong điều kiện hoà bình, buôn bán vũ khí và hàng hoá cho các nước tham chiến.	tàn phá. – Giàu tài nguyên. – Thừa hưởng các thành quả khoa học kĩ thuật thế giới.
Hỏi: Em hãy nêu những thành tựu kinh tế Mĩ sau chiến tranh.	Trả lời: – 1945 → 1973 + Từ 1945 → 1950: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới: 56,47% (1948). – Sản lượng gấp 2 lần của 5 nước lớn trên thế giới cộng lại: Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật. – Nắm 3/4 trữ lượng vàng thế giới (24,6 tỉ USD) là chủ nợ duy nhất thế giới. – Có lực lượng quân sự mạnh và độc quyền về vũ	***2. Thành tựu*** – Kiếm được 114 tỉ USD nhờ buôn bán vũ khí. – Chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới. – Nông nghiệp gấp 2 lần của 5 nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật cộng lại. – Nắm 3/4 trữ lượng vàng thế giới, chủ nợ duy nhất của thế giới.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	khí nguyên tử thế giới.	
	+ Từ 1973 đến nay:	– Từ 1973 đến nay:
	Sản lượng công nghiệp giảm. Dự trữ vàng giảm, chỉ còn 11,9 tỉ USD (1974).	Công nghiệp giảm. Dự trữ vàng giảm.
Hỏi: Vì sao từ năm 1973 trở đi, kinh tế Mĩ suy giảm?	Trả lời: – Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu (EU) luôn cạnh tranh ráo riết với Mĩ.	** Nguyên nhân kinh tế Mĩ suy giảm:* – Bị Nhật Bản và Tây Âu cạnh tranh ráo riết.
	– Kinh tế không ổn định, vấp phải nhiều khủng hoảng, suy thoái.	– Thường xuyên khủng hoảng dẫn đến suy thoái. – Chi phí quân sự lớn.
	– Tham vọng làm bá chủ thế giới cho nên chi phí quân sự lớn (có hàng ngàn căn cứ quân sự trên thế giới).	– Chênh lệch giàu nghèo quá lớn.
	– Sự giàu nghèo chênh lệch quá lớn là nguồn gốc sinh ra sự mất ổn định kinh tế – xã hội.	
GV giải thích thêm: Theo con số chính thức Bộ Thương mại Mĩ công bố: năm 1972 chi 352 tỉ USD cho quân sự.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
hỏi. – Em hãy nêu những thành tựu chủ yếu về khoa học kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.	Trả lời: – Nước Mĩ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai của loài người, từ những năm 40 của thế kỷ XX.	**II. Sự phát triển về khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh** ** Thành tựu:*
	– Mĩ là nước đi đầu về khoa học – kĩ thuật và công nghệ thế giới thu được nhiều thành tựu kì diệu trong tất cả các lĩnh vực.	– Nước Mĩ là nước khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai (1945).
	+ Sáng chế các công cụ mới (máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động).	– Đi đầu về khoa học – kĩ thuật và công nghệ thế giới trên mọi lĩnh vực.
	+ Nguồn năng lượng mới (nguyên tử, mặt trời).	– Sáng chế công cụ mới (máy tính, máy tự động)
	+ Vật liệu tổng hợp mới.	– Năng lượng mới.
	+ "Cách mạng xanh".	– Vật liệu mới.
	+ Cách mạng trong giao thông và thông tin liên lạc.	– "Cách mạng xanh".
	+ Chinh phục vũ trụ (7/1969 đưa con người lên mặt trăng).	– Cách mạng giao thông và thông tin liên lạc.
	+ Sản xuất vũ khí hiện đại (tên lửa chiến lược, máy bay tàng hình,…)	– Chinh phục vũ trụ (7/1969 đưa con người lên mặt trăng).

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	– Nền kinh tế Mĩ không ngừng tăng trưởng.	– Sản xuất vũ khí hiện đại.
GV giới thiệu cho HS hình 16 SGK, đó là hình ảnh con tàu thoi của Mĩ đang được phóng lên vũ trụ, đó là biểu hiện sự tiến bộ vượt bậc khoa học – kĩ thuật Mĩ. GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi.		
– Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ thực hiện chính sách đối nội như thế nào?	Trả lời: – Ở Mĩ có chế độ 2 Đảng thay nhau cầm quyền: Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà.	**III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh** ***1. Chính sách đối nội***
	– Bề ngoài là 2 Đảng đối lập, nhưng thực chất 2 Đảng này thống nhất với nhau về mục đích và bảo vệ quyền lợi cho tư bản độc quyền.	– Hai Đảng: Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền.
	– Những năm đầu tiên sau chiến tranh, Mĩ ban hành một loạt các đạo luật phản động. + Cấm Đảng Cộng sản hoạt động. + Chống lại phong trào đình công, loại bỏ những	– Ban hành một loạt đạo luật phản động. – Cấm Đảng Cộng sản hoạt động. – Chống phong trào đình công. – Loại bỏ những người tiến bộ ra khỏi chính

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, sự tập trung sản xuất ở Mĩ rất cao, 10 tập đoàn tài chính lớn: Morgan, Rockfxler,.. khống chế toàn bộ nền kinh tế, tài chính Mĩ, các tập đoàn này phần lớn kinh doanh công nghiệp quân sự, sản xuất vũ khí, có liên hệ mật thiết với bộ quốc phòng, là cơ quan đặt mua hàng quân sự cho nên có mối liên hệ chặt chẽ, máu thịt giữa các tập đoàn tư bản kếch xù với lầu 5 góc. Người của các tập đoàn này nắm toàn bộ các chức vụ chủ chốt trong chính phủ, kể cả Tổng thống. – Điều đó quyết định	người tiến bộ ra khỏi bộ máy chính phủ. + Đàn áp phong trào công nhân. + Thực hiện phân biệt chủng tộc.	phủ. – Đàn áp phong trào công nhân. – Thực hiện phân biệt chủng tộc.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
chính sách xâm lược hiếu chiến của Mĩ, Mĩ là điển hình của CNTB lũng đoạn nhà nước.		
Hỏi: Thái độ của nhân dân Mĩ với những chính sách đối nội của chính phủ ra sao.	Trả lời: – Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân phát triển mạnh: năm 1963, 1969 – 1975 đặc biệt là phong trào phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam.	– Phong trào đấu tranh của nhân dân lên mạnh, đặc biệt là phong trào chống phân biệt chủng tộc và phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam trong những thập kỷ 60 và 70.
Hỏi: Chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai như thế nào?	Trả lời: – Với tiềm lực kinh tế và quôc phòng mạnh. – Đế quốc Mĩ đề ra "chiến lược toàn cầu" nhằm chống lại các nước XHCN, đẩy lùi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị thế giới. – Tiến hành "viện trợ"để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ. – Lập các khối quân sự. – Gây chiến tranh xâm lược. – Từ năm 1991 trở lại đây, Mĩ ráo riết tiến hành nhiều biện pháp, chính	***2. Chính sách đối ngoại*** – Mĩ đề ra "chiến lược toàn cầu" phản cách mạng nhằm làm bá chủ thế giới. – Chống các nước XHCN. – Tiến hành "viện trợ" để khống chế các nước này. – Thành lập các khối quân sự gây chiến tranh xâm lược. – Mĩ bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh Việt Nam. – Từ 1991 đến nay Mĩ xác lập thế giới "đơn cực" để chi phối và

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	sách để xác lập trật tự thế giới "đơn cực" do Mĩ hoàn toàn khống chế, nhưng thực tế và tham vọng còn có khoảng cách không nhỏ.	khống chế thế giới.

5. Củng cố

- Em hãy trình bày những thành tựu to lớn về kinh tế và khoa học – kĩ thuật của Mĩ (từ 1945 đến nay).
- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phát triển kinh tế Mĩ (1945 → 1973) và nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm kinh tế Mĩ (từ 1973 đến nay).

  (Câu này GV chia nhóm để HS thảo luận và GV tổng kết).
- Những nét chính về chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ (1945 đến nay).

6. Bài tập

Vì sao nước Mĩ lại trở thành nước tư bản giàu nhất thế giới (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).



Bài 9 **NHẬT BẢN**

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Nhật Bản là nước phát xít bại trận, kinh tế Nhật bị tàn phá nặng nề.
- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản đã thực hiện những cải cách dân chủ và vay vốn nước ngoài để khôi phục và phát triển kinh tế, cộng với truyền thống tự cường dân tộc, Nhật Bản đã vươn lên nhanh

chóng, trở thành siêu cường kinh tế, đứng thứ 2 thế giới (sau Mĩ) và đang ra sức vươn lên trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với tiềm lực kinh tế của mình.

2. Tư tưởng

HS cần hiểu rõ:

- Sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân có ý nghĩa quyết định đó là ý chí vươn lên tự cường lao động hết mình, tôn trọng kỷ luật của người Nhật.
- Từ năm 1993 đến nay, mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng mở rộng nhiều mặt: chính trị, văn hoá, kinh tế…với phương châm "hợp tác lâu dài, đối tác tin cậy".

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ và phương pháp tư duy, logic trong việc đánh giá, phân tích các sự kiện lịch sử và biết so sánh, liên hệ với thực tế.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Bản đồ Nhật Bản (hoặc bản đồ châu Á) và một số tranh ảnh, tài liệu về Nhật Bản.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Trình bày những thành tựu to lớn về kinh tế và khoa học – kĩ thuật của Mĩ (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).
- Nguyên nhân sự phát triển nhảy vọt của kinh tế Mĩ (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai).
- Nêu những nét cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mĩ (1945 đến nay).

3. Giới thiệu bài mới

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, kinh tế gặp rất nhiều khó khăn (bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh) nhưng Nhật Bản đã vươn lên nhanh chóng trở thành một siêu cường về kinh tế, đứng thứ 2 thế giới (sau Mĩ). Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển "thần kì" của đất nước này.

Hôm nay chúng ta học bài Nhật Bản.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
GV dùng bản đồ Nhật Bản hoặc bản đồ châu Á giới thiệu về đất nước Nhật Bản, sau đó gọi HS đọc SGK muc I và đặt câu hỏi		**I. Tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh** ***1. Tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai***
– Em cho biết tình hình nước Nhật sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?	Trả lời: – Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, Nhật là nước bại trận. – Lần đầu tiên trong lịch sử, Nhật Bản bị quân đội nước ngoài chiếm đóng. – Sau chiến tranh, Nhật bị mất hết thuộc địa. – Kinh tế bị tàn phá nặng nề. – Nạn thất nghiệp nghiêm trọng. – Thiếu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.	– Nhật bị Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản. – Mất hết thuộc địa. – Kinh tế bị tàn phá nặng nề. – Nạn thất nghiệp nghiêm trọng. – Thiếu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. – Lạm phát nặng nề.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ thêm: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, kinh tế Nhật bị tàn phá nặng nề: 34% máy móc, 25% công trình, 80% tàu biển bị phá huỷ. – Sản xuất công nghiệp năm 1946 chỉ bằng 1/4 so với trước chiến tranh. – Chủ quyền của Nhật chỉ còn trên 4 hòn đảo là: Hốccaiđô, Kiuxiu, Xicôcư, Hônxin (GV dùng bản đồ Nhật Bản xác định vị trí những hòn đảo này).	– Lạm phát nặng nề.	
Hỏi: Em hãy nêu những cải cách dân chủ ở Nhật Bản (Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai)	Trả lời: – Sau chiến tranh, dưới sự chiếm đóng theo chế độ quân quản của Mĩ, một loạt những cải cách dân chủ được thực hiện. – Ban hành hiến pháp (1946) có nhiều nội dung tiến bộ. – Thực hiện cải cách ruộng đất (1946 – 1949). – Xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt.	***2. Những cải cách dân chủ ở Nhật Bản*** (Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai) – Ban hành hiến pháp (1946) nhiều nội dung tiến bộ. – Thực hiện cải cách ruộng đất. – Xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Trừng trị tội phạm chiến tranh.	– Trừng trị tội phạm chiến tranh.
	– Giải giáp các lực lượng vũ trang.	– Giải giáp các lực lượng vũ trang.
	– Giải thể các công ty độc quyền lớn.	– Thanh lọc chính phủ.
	– Thanh lọc các phân tử phát xít ra khỏi chính phủ.	– Ban hành các quyền tự do dân chủ.
	– Ban hành các quyền tự do dân chủ (luật công đoàn, trường học tách khỏi ảnh hưởng tôn giáo, đề cao vai trò phụ nữ).	– Giải thể các công ty độc quyền lớn.
Hỏi: Ý nghĩa của những cải cách dân chủ đối với Nhật Bản.	Trả lời: – Những cải cách dân chủ có tác dụng to lớn đối với nước Nhật. – Nó đem lại luồng sinh khí mới đối với nhân dân. – Đó là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ.	* *Ý nghia lịch sử của cải cách dân chủ*: – Nhân dân phấn khởi. – Đó là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản vươn lên.
Hỏi: Em hãy nêu những thuận lợi cơ bản dẫn đến sự khôi phục và phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản (từ những năm 50 đến những năm 70 của thế kỷ XX).	Trả lời: – Do cuộc chiến tranh Triều Tiên (6/1950) Nhật Bản đã thu được những thuận lợi khổng lồ, nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ. Đó là "ngọn gió thần" thứ nhất thổi vào Nhật Bản.	**II. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh** ***1. Thuận lợi*** – Nhờ những đơn đặt hàng "béo bở" của Mĩ trong 2 cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
		– 1953) và chiến tranh Việt Nam (những năm 60 của thế kỷ XX)
	– Những năm 60 của thế kỷ XX, khi Mĩ gây chiến tranh ở Việt Nam, kinh tế Nhật lại có cơ hội mới để vươn lên vượt qua các nước Tây Âu, đứng thứ 2 thế giới sau Mĩ (nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ).	
Hỏi:	Trả lời:	***2. Thành tựu***
Những thành tựu kinh tế Nhật Bản (từ những năm 50 đến những năm 70 của thế kỷ XX)	– Tổng sản phẩm quốc dân (GDP) năm 1950 là 20 tỉ USD, bằng 1/17 của Mĩ.	– Tổng thu nhập quốc dân năm 1950 là 20 tỉ USD.
	– Năm 1968 là 183 tỉ USD, đứng thứ 2 thế giới sau Mĩ (830 tỉ USD).	– Năm 1968 là 183 tỉ USD, đứng thứ 2 thế giới.
	– Công nghiệp: + 1950 – 1960, tốc độ tăng trưởng 15%/ năm. + 1961 – 1970 là 13,5%/ năm.	– Bình quân đầu người đứng thứ 2 thế giới (1990). – Công nghiệp tăng trưởng nhanh.
	– Thu nhập bình quân đầu người năm 1990 là 23796 USD đứng thứ 2 thế giới(sau Thuỵ Sĩ).	+ 1950 → 1960, 15%/ năm. + 1961 → 1970 13,5%/ năm.
	– Nông nghiệp: + Năm 1967 – 1969, tự túc được 80% lương	– Nông nghiệp: + 1967 – 1969, tự túc 80% lương thực.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ thêm: – GDP của Nhật tăng rất nhanh. 1950: 20 tỉ USD 1968: 183 tỉ USD 1973: 402 tỉ USD 1989: 2828 tỉ USD – Hiện nay Nhật có tiềm lực kinh tế đứng thứ 2 thế giới (sau Mĩ). * Công nghiệp: – 1950: Tổng giá trị 4,1 tỉ USD bằng 1/28 của Mĩ. – 1969: Đứng thứ 2 thế giới, bằng 1/4 của Mĩ. – Hiện nay Nhật đứng đầu thế giới về tàu biển (trên 50%), ôtô, sắt, thép, xe máy, điện tử (máy thu thanh, thu hình, ghi âm, ghi hình, máy ảnh, đồng hồ…) – Từ những năm 70 trở đi, Nhật trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh	thực, 2/3 nhu cầu thịt, sữa và nghề đánh cá phát triển, đứng thứ 2 thế giới sau Pêru.	+ Đánh cá đứng thứ 2 thế giới.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
tề lớn của thế giới (Mĩ, Nhật, Tây Âu). – Dự trữ vàng và ngoại tệ vượt Mĩ. – Hàng hoá Nhật len lỏi, cạnh tranh khắp thị trường thế giới: ôtô, máy móc điện tử,…kể cả thị trường Mĩ và Tây Âu. – Tóm lại, từ một nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, chỉ vài thập kỷ, Nhật đã trở thành siêu cường kinh tế đứng thứ 2 thế giới. Đó là sự “thần kì” của Nhật Bản.		
Hỏi: Em hãy nêu những nguyên nhân phát triển chủ yếu của kinh tế Nhật sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.	Trả lời: – Kinh tế Nhật phát triển trong điều kiện quốc tế thuận lời.	***3. Nguyên nhân phát triển*** – Áp dụng những thành quả mới nhất của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất.
	– Những thành quả của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại được áp dụng vào sản xuất.	– Lợi dụng vốn đầu tư nước ngoài (vay Mĩ 14 tỉ USD).
	– Nhật có truyền thống văn hoá, giáo dục lâu	– Hệ thống quản lý

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	đời, sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới, nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc. – Hệ thống quản lý có hiệu quả của các công ty và xí nghiệp. – Nhà nước đề ra các chiến lược phát triển, nắm bắt được thời cơ và điều kiện cần thiết khi nền kinh tế tăng trưởng. – Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỷ luật và coi trọng tiết kiệm.	hiệu quả. – Nhà nước đề ra chiến lược phát triển năng động, hiệu quả. – Người lao động được đào tạo chu đáo, cần cù, tiết kiệm, kỉ luật cao. – Dân tộc Nhật có truyền thống tự cường.
GV giới thiệu hình 18, 19 cho HS và giải thích sự "thần kì" của kinh tế Nhật Bản qua các hình trên (so sánh với Việt Nam để HS thấy rõ Việt Nam cần phải vượt lên nhiều, xác định nhiệm vụ to lớn của thế hệ trẻ. – GV nhận định, tuy vậy, sau một thời gian tăng trưởng nhanh, kinh tế Nhật cũng gặp khó khăn và hạn chế.		
Hỏi:	Trả lời:	***3. Hạn chế***

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Những khó khăn và hạn chế của kinh tế Nhật là gì?	– Hầu hết năng lượng và nguyên liệu đều phải nhập từ nước ngoài – Luôn bị Mĩ và Tây Âu cạnh tranh ráo riết.	– Nghèo tài nguyên, hầu hết năng lượng và nguyên liệu đều phải nhập khẩu. – Thiếu lương thực. – Bị Mĩ và Tây Âu cạnh tranh ráo riết. – Đầu những năm 90 suy thoái kéo dài
GV minh hoạ thêm: Tuy vậy, sau một thời gian phát triển nhanh, đến đầu những năm 90, kinh tế Nhật lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.		
Hỏi: – Em hãy cho biết sự suy thoái của kinh tế Nhật đầu những năm 90.	Trả lời: – Tốc độ tăng trưởng liên tục giảm sút. +1991→1995: 1,4%/năm + 1996: 2%/năm + 1997: – 0,7%/năm + 1998: – 1%/năm + 1999: –1,19%/năm – Nhiều công ty bị phá sản. – Ngân sách bị thâm hụt.	
GV kết luận:		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hiện nay Nhật Bản đã khắc phục được suy thoái và đi lên.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày chính sách đối nội của Nhật từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.	Trả lời: – Nhờ những cải cách sau chiến tranh, Nhật Bản đã chuyển từ xã hội chuyên chế sang xã hội dân chủ.	**III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh** ***1. Đối nội***
	– Đảng Cộng sản và nhiều Đảng phái khác được công khai hoạt động.	– Sau những cải cách, xã hội chuyên chế chuyển sang xã hội dân chủ.
	– Phong trào bãi công và dân chủ phát triển rộng rãi.	– Các đảng phái được hoạt động công khai.
	– Đảng dân chủ tự do (LDP) đại diện cho giai cấp tư sản liên tục cầm quyền.	– Phong trào bãi công và dân chủ phát triển.
	– Từ 1993, đảng LDP mất quyền lập chính phủ, phải nhường chỗ hoặc liên minh với các Đảng phái đối lập.	– Đảng dân chủ tự do (LDP) liên tục cầm quyền.
		– Từ 1993, Đảng LDP mất quyền lập chính phủ phải nhường hoặc liên minh với các Đảng

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
		phái đối lập.
Hỏi: Em đánh giá thế nào về việc Đảng LDP mất quyền lập chính phủ.	Trả lời: – Đây là sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị Nhật Bản, tình hình chính trị Nhật Bản không thật sự ổn định, có lúc chỉ trong một thời gian, các chính phủ liên tiếp thay đổi, đòi hỏi một mô hình mới, với sự tham gia cầm quyền của nhiều chính Đảng.	– Đó là biểu hiện của tình hình chính trị không ổn định, đòi hỏi mô hình mới, với sự tham gia cầm quyền của nhiều chính Đảng.
Hỏi: Em hãy trình bày những nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật bại trận bị Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.	***2. Đối ngoại*** – Hoàn toàn lệ thuộc Mĩ. – Ngày 8/9/1951 "Hiệp ước an ninh" Nhật – Mĩ được kí kết.
	– Nhật hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh.	– Mĩ được phép đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật.
	– Ngày 8/9/1951 "Hiệp ước an ninh" Nhật – Mĩ được kí kết, với nội dung hiệp ước này: Nhật để Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật.	– Nhật ít phải chi phí quân sự (khoảng 1% GDP).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Nhờ đó, Nhật ít phải chi phí quân sự (khoảng 1% GDP), các nước khác chi từ 4 → 5% thậm chí 20%.	
	– Từ nhiều thập kỷ qua, Nhật đã thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị, tập trung vào phát triển kinh tế, đặc biệt là quan hệ kinh tế đối ngoại: trao đổi, buôn bán đầu tư và viện trợ vào các nước, đặc biệt là Đông Nam Á.	– Nhiều thập niên qua, Nhật thực hiện chính sách đối ngoại mềm mỏng, đặc biệt là kinh tế đối ngoại.
	– Từ đầu những năm 90, Nhật Bản đang vươn lên thành cường quốc chính trị để tương xứng với siêu cường kinh tế.	– Hiện nay, Nhật đang vươn lên thành cường quốc chính trị để tương xứng với siêu cường kinh tế.
GV kêt luận: Từ 1945 đến nay, Nhật Bản có những bước tiến "thần kì" về kinh tế, hiện nay vị thế của Nhật ngày càng cao trên trường quốc tế.		

5. Củng cố

- Em hãy nêu những thành tựu to lớn của sự phát triển kinh tế Nhật Bản (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).

- Nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật (1945 đến nay), theo em trong các nguyên nhân đó, có những nguyên nhân nào chung với các nước tư bản khác và những nguyên nhân riêng? (GV chia nhóm thảo luận và sau đó GV tổng kết).
- Nguyên nhân chung: Thừa hưởng các thành quả khoa học – kĩ thuật của thế giới vào sản xuất.
- Nguyên nhân riêng:

  + Truyền thống tự cường của người Nhật.

  + Cải cách dân chủ.

  + Mở rộng thị trường.

  + Ít chi phí quân sự.
- Những nét chủ yếu trong chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản (1945 đến nay).

6. Bài tập

- Hãy nêu ý nghĩa của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản (1945 đến nay).
- Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỷ XX (nêu rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan điển hình, xác định rõ nguyên nhân chủ yếu)?

Bài 10 CÁC NƯỚC TÂY ÂU

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Những nét khái quát nhất của các nước Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.
- Xu thế liên kết giữa các nước trong khu vực đang phát triển trên thế giới, Tây Âu là những nước đi đầu thực hiện xu thế này.

2. Tư tưởng

- Thông qua những kiến thức trong bài, HS cần nhận thức được mối quan hệ, nguyên nhân dẫn tới sự liên kết khu vực giữa các nước Tây Âu.
- Mối quan hệ giữa Tây Âu và Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước Tây Âu từ 1975 đến nay dần dần được thiết lập và ngày càng phát triển.
- Sự kiện mở đầu cho mối quan hệ này là năm 1990, hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao.
- Năm 1995, hai bên kí kết hiệp định khung, mở ra những triển vọng hợp tác, phát triển ngày càng lớn.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ và phương pháp tư duy tổng hợp, phân tích, so sánh.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Lược đồ các nước trong Liên minh Châu Âu năm 2004 và những tài liệu nói về EU.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Hãy nêu những cải cách dân chủ ở Nhật Bản và ý nghĩa lịch sử của nó (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai).
- Thành tựu "thần kì" của kinh tế Nhật Bản (từ 1945 đến nay).
- Nguyên nhân sự phát triển kinh tế Nhật Bản. (từ 1945 đến nay).

3. Giới thiệu bài mới

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, tình hình các nước Tây Âu đã có nhiều thay đổi to lớn và sâu sắc, một trong những thay đổi to lớn đó

là sự liên kết các nước châu Âu trong tổ chức liên minh châu Âu (EU), đây là liên minh lớn nhất, chặt chẽ nhất và có sự thành công lớn về kinh tế và chính trị trên thế giới. Hôm nay, chúng ta học về các nước Tây Âu.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV dùng bản đồ các nước Tây Âu (đã phóng to treo trên bảng), để giới thiệu về các nước Tây Âu cho HS. Sau đó yêu cầu HS đọc SGK mục I và trả lời câu hỏi:	Trả lời: – Cuối năm 1944 so với trước chiến tranh:	**I. Tình hình chung** ***1. Những thiệt hại của Tây Âu trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai*** – Cuối năm 1944 so với trước chiến tranh (1939) công nông nghiệp các nước đều giảm nhanh: Pháp, Ý.
– Em cho biết những thiệt hại của các nước Tây Âu trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.	+ Pháp: công nghiệp giảm 38%, nông nghiệp giảm 60%.	– Các nước đều là con nợ của Mĩ.
	+ Italia: công nghiệp giảm 30%, nông nghiệp chỉ bảo đảm 1/3 lương thực trong nước. Các nước đều mắc nợ tính đến tháng 6/1945, Anh nợ 21 tỉ bảng Anh.	
Hỏi: Để khôi phục kinh tế, các nước Tây Âu đã làm gì? Quan hệ giữa Tây Âu và Mĩ ra sao?	Trả lời: – Năm 1948, 16 nước Tây Âu đã nhận viện trợ Mĩ: Anh, Pháp, Ý, Tây Đức… theo kế hoạch "phục Hưng châu Âu" hay còn gọi là kế hoạch	***2. Các nước Tây Âu khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai*** – Năm 1948, 16 nước Tây Âu nhận việc trợ Mĩ theo kế hoạch Macsan.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Macsan do Mĩ vạch ra. – Kế hoạch này được thực hiện (1948 – 1951) với tổng số tiền là 17 tỉ USD.	
GV giải thích thêm: Macsan là ngoại trưởng Mĩ lúc đó đã đề xướng ra kế hoạch này.		
Hỏi: Sau khi nhận viện trợ Mĩ, quan hệ giữa Tây Âu và Mĩ thế nào?	Trả lời: – Để nhận được viện trợ Mĩ, các nước Tây Âu đều lệ thuộc Mĩ, tuân theo những điều kiện mà Mĩ đưa ra. – Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp. – Hạ thuế quan đối với hàng Mĩ nhập vào. – Gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.	– Sau kế hoạch Macsan, các nước Tây Âu đều lệ thuộc Mĩ, tuân theo những điều kiện mà Mĩ đưa ra.
Hỏi: Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai là gì?	Trả lời: – Nhiều nước tiến hành chiến tranh xâm lược, khôi phục lại ách thống trị đối với các thuộc địa trước đây. – Hà Lan trở lại xâm lược Indonexia (11/1945).	** Đối ngoại:* – Tiến hành xâm lược để khôi phục lại địa vị thống trị ở các nước thuộc địa trước đây. – Tháng 9/1945 Pháp trở lại Đông Dương, Anh trở lại Mã Lai…

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Pháp trở lại Đông Dương (9/1945). – Anh trở lại Mã Lai (9/1945). – Nhưng cuối cùng các nước thực dân Tây Âu thất bại, phải công nhận quyền độc lập của những nước này.	– Nhưng cuối cùng các nước Tây Âu thất bại, phải công nhận độc lập của những nước này.
Hỏi: Trong thời kì "chiến tranh lạnh" mâu thuẫn gay gắt giữa 2 phe XHCN và ĐQCN, các nước Tây Âu làm gì?	Trả lời: – Thời kì "chiến tranh lạnh" các nước Tây Âu gia nhập khối NATO do Mĩ lập ra (4/1949) nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN. – Tình hình Châu Âu căng thẳng, các nước đều chạy đua vũ trang thiết lập nhiều căn cứ quân sự.	– Thời kì "chiến tranh lạnh" các nước Tây Âu gia nhập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương – NATO (4/1949) nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN chạy đua vũ trang.
Hỏi: Tình hình nước Đức sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai ra sao?	Trả lời: – Sau khi phát xít Đức đầu hàng đồng minh vô điều kiện, 4 nước đồng minh là Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, phân chia lãnh thổ Đức thành 4 khu vực chiếm đóng theo chế độ quân quản.	* Tình hình nước Đức: – Bị chia thành 2 nước: + Cộng hoà liên bang Đức (Tây Đức) 9/1949. + Cộng hoà dân chủ Đức (Đông Đức) 10/1949. – Tây Đức gia nhập NATO, Mĩ, Anh, Pháp giúp Tây Đức khôi phục

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
		kinh tế. Mĩ cho vay 50 tỉ Mác.
	– Trong sự đối đầu gay gắt giữa Liên Xô và Mĩ, khu vực 3 nước: Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng đã hợp nhất thành nước cộng hoà Liên bang Đức (9/1949), khu vực Liên Xô chiếm đóng thành nước Cộng hoà dân chủ Đức (10/1949).	– Từ những năm 60, 70 kinh tế vươn lên hàng thứ 3 thế giới, sau Mĩ.
	– Thủ đô Beclin cũng bị chia thành Đông Bắc lin và Tây Bắc lin do 2 nước Đức cai quản	– Ngày 3/10/1990, hai nước Đức đã thống nhất thành Cộng hoà Liên bang Đức, hiện nay có tiềm lực kinh tế, quốc phòng mạnh nhất Tây Âu.
	– Anh, Pháp, Mĩ tìm mọi cách giúp đỡ Tây Đức gia nhập NATO, Mĩ cho Tây Đức vay 50 tỉ Mác.	
	– Nền kinh tế Cộng hoà liên bang Đức phục hồi nhanh chóng.	
	– Từ những năm 60, 70 kinh tế Tây Đức vươn lên hàng thứ 3 thế giới, sau Mĩ.	
	– Ngày 3/10/1990, hai nước Đức đã thống nhất	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	thành Cộng hoà Liên bang Đức, có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất Tây Âu.	
Hỏi: Em hãy nêu những nét nổi bật nhất của tình hình các nước Tây Âu từ sau 1945 đến nay là gì? (GV hướng dẫn để HS trả lời).	Trả lời: – Các nước Tây Âu bị thiệt hại nặng sau chiến tranh. – Mĩ viện trợ cho các nước này theo kế hoạch Macsan để hồi phục và phát triển kinh tế. – Tây Âu phát triển nhanh chóng về kinh tế. – Đặc biệt là Cộng hoà Liên bang Đức có tiềm lực kinh tế mạnh nhất Chấu Âu, kinh tế đứng thứ ba thế giới (sau Mĩ, Nhật).	
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đặc biệt từ 1950 trở đi một xu hướng mới phát triển ở các nước Tây Âu là gì?	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nhất là 1950 trở đi, kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi, một xu hướng mới phát triển ở Tây Âu là liên kết kinh tế giữa các nước trong khu vực.	**II. Sự liên kết khu vực**

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hỏi: Nguyên nhân dẫn đến sự liên kết khu vực các nước Tây Âu.	Trả lời: – Các nước Tây Âu có chung một nền văn minh, kinh tế không cách biệt, từ lâu đã có mối liên hệ mật thiết. – Sự hợp tác mở rộng thị trường là cần thiết, nhất là sự tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai giúp cho các nước Tây Âu tin cậy nhau hơn về chính trị, khắc phục những nghi kị, chia rẽ trong lịch sử. – Từ 1950 trở đi, sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, họ muốn thoát khỏi sự lệ thuộc Mĩ, cho nên phải liên minh với nhau.	***1. Nguyên nhân*** – Các nước Tây Âu có chung nền văn minh. – Kinh tế không cách biệt nhau lắm. – Từ lâu có mối quan hệ mật thiết. – Các nước đều muốn thoát khỏi sự lệ thuộc Mĩ. → cho nên cần liên kết khu vực.
Hỏi: Sự liên kết khu vực giữa các nước Tây Âu diễn ra như thế nào?	Trả lời: – Mở đầu là sự ra đời của cộng đồng than, thép châu Âu (4/1951) gồm 6 nước: Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hà Lan, Luýchxămbua. – Tháng 3/1957, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu ra đời (gồm 6 nước trên).	***2. Quá trình liên kết khu vực Tây Âu*** – Mở đầu là sự ra đời của cộng đồng than, thép châu Âu ra đời (4/1951) – Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (3/1957). – Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
		(25/3/1957).
	– Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời 25/3/1957 gồm 6 nước trên.	– Tháng 7/1967, 3 cộng đồng trên sáp nhập với nhau thành Cộng đồng châu Âu (EC).
	– Tháng 7/1967, 3 cộng đồng trên sáp nhập với nhau thành cộng đồng châu Âu (EC).	– Tháng 12/1991, đổi tên thành liên minh châu Âu (EU), hiện nay có 25 thành viên.
	– Tháng 12/1991, các nước EC họp hội nghị cấp cao tại Ma-a-xtơ-rich (Hà Lan) đánh dấu một mốc đột biến của quá trình liên kết quốc tế châu Âu (với 2 quyết định quan trọng về kinh tế – tài chính và chính trị và mang tên mới là Liên minh châu Âu (EU), đến năm 2004 đã có 25 nước thành viên.	– Xây dựng một thị trường chung và có đồng tiền chung châu Âu (1/1/1999 đồng EURO đã phát hành).
Hỏi:	Trả lời:	
Em cho biết nội dung chính của hội nghị Ma-a-xtơ-rich (Hà Lan)?	Hội nghị thông qua 2 quyết định quan trọng về kinh tế và tài chính xây dựng một thị trường nội địa châu Âu với một liên minh kinh tế và tiền tệ châu Âu có đồng tiền chung duy nhất 1/1/1999 đã phát hành đồng tiền chung châu Âu (EURO).	
	– Xây dựng một liên	– Tiến tới một nhà nước

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	minh chính trị, mở rộng sang liên kết đối ngoại và an ninh, tiến tới một nhà nước chung châu Âu. – Hội nghị quyết định đổi tên Cộng đồng châu Âu thành Liên minh châu Âu (viết tắt theo tiếng Anh là EU).	chung châu Âu. – Hiện nay EU là một trong ba trung tâm kinh tế lớn thế giới.

5. Củng cố

- Em trình bày những nét chung nhất về Tây Âu (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay).
- Tại sao các nước Tây Âu phải liên kết với nhau để phát triển.
- Quá trình liên kết của các nước Tây Âu diễn ra như thế nào?
- Xác định trên bản đồ: vị trí 6 nước đầu tiên của EU?

6. Bài tập

- Những mốc thời gian ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu và giải thích nguyên nhân cơ bản dẫn đến các nước Tây Âu liên kết với nhau.
- Hãy nêu nguyên nhân phát triển kinh tế chung nhất và những nét đặc thù của Mĩ, Nhật và Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.

  (GV hướng dẫn để HS trả lời).

Chương IV
QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 11 TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Sự hình thành trật tự thế giới mới – "Trật tự hai cực I-an-ta".
- Những quan hệ của "Trật tự thế giới hai cực": sự ra đời của tổ chức Liên hợp quốc, tình trạng "chiến tranh lạnh" đối đầu giữa hai phe XHCN và TBCN.
- Tình hình thế giới từ sau "chiến tranh lạnh", những hiện tượng mới và các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

2. Tư tưởng

Thông qua bài giảng giúp HS thấy rõ:

- Những nét khái quát của thế giới nửa sau thế kỉ XX với những diễn biến phức tạp.
- Đó là cuộc đấu tranh gay gắt vì những mục tiêu của loài người: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ hợp tác phát triển.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ tổng hợp, phân tích, nhận định những vấn đề lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Bản đồ thế giới và những tranh ảnh tài liệu nói về thời kì này: "chiến tranh lạnh" và Liên hợp quốc.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày những nét nổi bật nhất của tình hình các nước Tây Âu từ 1945 đến nay.
- Tại sao các nước châu Âu lại phải liên kết với nhau để phát triển.
- Em hiểu như thế nào về Liên minh châu Âu (EU) hiện nay?

3. Giới thiệu bài mới

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, một trật tự thế giới mới được thành lập, đó là "trật tự 2 cực Ianta", Liên Xô và Mĩ là 2 siêu cường đại diện cho 2 phe: XHCN và TBCN đứng đầu mỗi cực. Sự phân chia thành 2 phe đối lập nhau đã trở thành đặc trưng lớn nhất chi phối tình hình chính trị thế giới sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, tình hình thế giới từ 1945 đến nay diễn biến phức tạp. Hôm nay chúng ta học bài: Trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Sự hình thành trật tự thế giới mới**
– Em hãy trình bày về hoàn cảnh triệu tập Hội nghị Ianta?	Trả lời: – Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Hội nghị Ianta được triệu tập, gồm có nguyên thủ của 3 cường	***1. Hội nghị Ianta*** *a. Hoàn cảnh* – Chiến tranh thế giới lần thứ hai sắp kết thúc.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	quốc. – Liên Xô (Xta-lin) – Mĩ (Ru-dơ-ven) – Anh (Sốc-sin) Hội nghị bắt đầu từ 4 → 11/2/1945.	– Hội nghị Ianta được triệu tập (tại Liên Xô) gồm 3 nguyên thủ quốc gia: Liên Xô, Mĩ, Anh.
GV giải thích thêm: Ianta là địa danh họp hội nghị thượng đỉnh 3 nước: Liên Xô, Mĩ, Anh (tại Liên Xô). – Liên Xô: Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Xta-lin. – Mĩ: Tổng thống Ru-dơ-ven. – Anh: Thủ tướng Sốc-sin. GV giới thiệu hình 22 SGK về Hội nghị Ianta.		
Hỏi: Em hãy trình bày nội dung chủ yếu của Hội nghị Ianta?	Trả lời: – Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về khu vực ảnh hưởng giữa 2 cường quốc: Liên Xô và Mĩ. – Châu Âu: + Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát Đông Đức và phía Đông Châu Âu (Đông Âu).	***2. Nội dung*** – Hội nghị thông qua quyết định quan trọng về khu vực ảnh hưởng Liên Xô và Mĩ. – Châu Âu: + Liên Xô: Đông Đức và Đông Âu.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	+ Tây Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ, Anh.	+ Mĩ, Anh: Tây Đức và Tây Âu.
	– Châu Á:	– Châu Á:
	+ Duy trì nguyên trạng tại Mông Cổ.	+ Giữ nguyên trạng Mông Cổ.
	+ Trả lại Liên Xô phía Nam đảo Xa-kha-lin.	+ Trả lại Liên Xô phía Nam đảo Xa-kha-lin.
	+ Trả lại Trung Quốc, Mãn Châu, Đài Loan (trước đây Nhật chiếm đóng), thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc gồm quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.	+ Trả lại Trung Quốc, Mãn Châu, Đài Loan, thành lập chính phủ liên hiệp.
	+ Triều Tiên được công nhận là quốc gia độc lập, nhưng tạm thời do Liên Xô và Mĩ chia nhau kiểm soát, lấy vĩ tuyến 38^0 làm ranh giới.	+ Triều Tiên được công nhận độc lập, nhưng tạm thời do Liên Xô và Mĩ chiếm đóng.
	– Các vùng còn lại ở châu Á: Đông Nam Á và Nam Á… vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.	
GV giải thích thêm: Về việc kết thúc chiến tranh ở châu Âu và châu Á – Thái Bình Dương, Hội nghị nhất trí: – Tiêu diệt tận gốc, chủ		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
nghĩa phát xít Đức và Nhật, nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu, Liên Xô sẽ đánh Nhật ở châu Á. – Ba cường quốc thoả thuận cho Mĩ chiếm đóng Nhật Bản, Liên Xô và Mĩ cùng có quyền lợi ở Trung Quốc.		
Hỏi: – Em cho biết hệ quả của Hội nghị Ianta?	Trả lời: Tất cả những thoả thuận và quy định trên đã trở thành khuôn khổ trật tự thế giới mới, mà lịch sử gọi là trật tự hai cực Ianta do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.	***3. Hệ quả*** – Trật tự Ianta được hình thành do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.
GV yêu cầu HS đọc mục II SGK và đặt câu hỏi:		
– Liên hợp quốc ra đời trong hoàn cảnh nào và nhiệm vụ chủ yếu của nó là gì?	Trả lời: – Hội nghị Ianta đã quyết định thành lập Liên hợp quốc. – Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng	**III. Sự thành lập Liên hợp quốc** – Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới. – Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước, trên

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	độc lập, chủ quyền của các dân tộc, thực hiện sự hợp tác quốc tế, văn hoá – xã hội và nhân đạo.	cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết.
GV giới thiệu thêm về Liên hợp quốc: – Từ ngày 25/4 đến 26/6/1945, Hội nghị đại biểu của 50 nước họp tại San Franxixco (Mĩ) để thông qua hiến chương và thành lập Liên hợp quốc (hiện nay có 191 thành viên). GV giới thiệu hình 23 về cuộc họp Đại hội đồng Liên hợp quốc (mỗi năm họp 1 lần gồm các thành viên).		
Hỏi: Từ khi ra đời đến nay, vai trò to lớn của Liên hợp quốc là gì?	Trả lời: – Hơn nửa thế kỷ qua, Liên hợp quốc đã có vai trò to lớn: + Giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới.	– Vai trò của Liên hợp quốc: + Giữ gìn hoà bình và an ninh thế giới.
	+ Đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apacthai.	+ Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa Apacthai.
	+ Giúp đỡ các nước phát	+ Giúp các nước phát

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	triển kinh tế, văn hoá nhất là đối với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.	triển kinh tế.
GV giải thích thêm: – Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (7/1977) là thành viên thứ 149.		
Hỏi: Em hãy nêu những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam mà em biết (GV hướng dẫn để HS trả lời).	Trả lời: Trong hơn 20 năm qua, Liên hợp quốc đã giúp Việt Nam hàng trăm triệu đôla và cử nhiều chuyên gia giúp Việt Nam xây dựng đất nước.	– Liên hợp quốc đã giúp Việt Nam hàng trăm triệu đôla để phát triển kinh tế, văn hoá.
GV minh hoạ thêm: Chương trình phát triển Liên hợp quốc UNDP viện trợ khoảng 270 triệu USD, quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF giúp khoảng 300 triệu USD, quỹ dân số thế giới UNFPA 86 triệu USD, tổ chức Nông lương thế giới FAO 76,7 triệu USD. (thông qua việc điều tra 60 dự án do UNDP tài trợ). GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
hỏi.		
Hoàn cảnh nào Mĩ đề ra cuộc "chiến tranh lạnh".	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ và Liên Xô từ đồng minh chống phát xít đã nhanh chóng chuyển sang đối đầu gay gắt. Đó chính là "chiến tranh lạnh" giữa 2 phe XHCN và ĐQCN kéo dài phần lớn thời gian nửa sau thế kỷ XX.	**III. "Chiến tranh lạnh"** ***1. Hoàn cảnh ra đời*** – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mĩ và Liên Xô đối đầu nhau.
Hỏi: Em hiểu như thế nào về "chiến tranh lạnh"?	Trả lời: – "Chiến tranh lạnh" là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN.	
Hỏi: – "Chiến tranh lạnh" của Mĩ được thực hiện như thế nào?	Trả lời: – Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, tăng cường ngân sách quân sự gây chiến tranh. – Thành lập các khối quân sự cùng các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước XHCN đã đàn áp phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.	***2. Thực hiện*** – Mĩ và các nước đế quốc chạy đua vũ trang. – Thành lập một loạt các khối quân sự để chống Liên Xô, các nước XHCN và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV giải thích thêm: Ngoài việc chạy đua vũ trang và thành lập một loạt các khối quân sự, NATO (khối quân sự Bắc Đại Tây Dương), SEATO (khối quân sự Đông Nam Á), CENTO (khối quân sự Trung Cận Đông)…Mĩ và các nước Phương Tây còn tiến hành bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị và hoạt động phá hoại (đảo chính) lật đổ "chiến tranh tâm lý" chống các nước XHCN. – Cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ với các "chính sách thế mạnh", "chính sách đẩy lùi CNCS", "chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh" đã dẫn đến "chạy đua vũ trang" và tình trạng đối đầu giữa hai khối quân sự NATO và Vác-sa-va trở nên hết		– Thực hiện bao vây, cấm vận kinh tế, cô lập chính trị và hoạt động phá hoại chống Liên Xô và các nước XHCN.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
sức căng thẳng, các mối quan hệ quốc tế rất phức tạp.		
Hỏi:	Trả lời:	***3. Hậu quả***
Trong tình hình Mĩ thực hiện "chiến tranh lạnh" Liên Xô và các nước XHCN làm gì?	– "Chiến tranh lạnh" mang lại hậu quả rất nặng nề, thế giới luôn ở tình trạng căng thẳng, thậm chí có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới mới.	– Thế giới luôn ở tình trạng căng thẳng (nguy cơ chiến tranh).
	– Các cường quốc chi một khối lượng khổng lồ tiền, của, sức người để sản xuất các loại vũ khí huỷ diệt, xây dựng hàng ngàn căn cứ quân sự.	– Các cường quốc chi khối lượng khổng lồ tiền, của và huy động sức người để chế tạo vũ khí huỷ diệt.
	– Trong lúc đó loài người đang nhiều người còn đang bị đói nghèo, bệnh dịch,…	– Xây dựng hàng ngàn căn cứ quân sự.
		– Trong lúc đó hàng tỉ người còn đang bị đói nghèo, bệnh dịch,…
GV yêu cầu HS đọc SGK mục IV và đặt câu hỏi:		
Em hãy nêu những xu hướng biến chuyển của thế giới thời kì sau	Trả lời: – Sau 4 thập niên chạy đua vũ trang quá tốn	**IV. Thế giới sau "chiến tranh lạnh"** – Hoà hoãn và hoà dịu

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
"chiến tranh lạnh".	kém, tổng thống Mĩ Busơ và tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Gooc-ba-chôp đã cùng nhau tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh" (12/1989).	quốc tế (chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại").
		– Thế giới đang tiến tới xác lập "thế giới đa cực". Nhưng Mĩ muốn xác lập thế giới một cực để dễ thống trị thế giới.
	– Từ đó, thế giới biến chuyển theo các xu hướng sau:	
	+ Hoà hoãn và hoà dịu quốc tế. (Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, các nước lớn tránh xung đột trực tiếp, các xung đột quân sự giải quyết bằng thương lượng hoà bình).	– Các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy phát triển kinh tế là trọng điểm, đẩy mạnh sản xuất, tham gia các Liên minh khu vực để phát triển.
	+ Sự tan rã của trật tự Ianta, thế giới đang tiến tới xác lập thế giới đa cực, nhưng Mĩ chủ trương thế giới đơn cực để dễ bề thống trị thế giới.	
	– Sau "chiến tranh lạnh", do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật, hầu hết các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm như EU (châu Âu), ASEAN (Đông Nam Á).	– Từ đầu những năm 90 nhiều khu vực xảy ra xung đột quân sự và nội chiến (Nam Phi, châu Phi, Trung Á).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Tuy hoà bình thế giới củng cố, nhưng từ đầu những năm 90 nhiều khu vực lại xảy ra xung đột quân sự và nội chiến: Liên bang Nam Tư cũ, châu Phi, một số nước Trung Á. – Nguyên nhân là do những mâu thuẫn về dân tộc, tôn giáo và tranh chấp biên giới, lãnh thổ, nhiều cuộc xung đột kéo dài gây đau khổ cho nhân dân.	
GV giải thích thêm: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, và "thế giới hai cực Ianta", đứng đầu 2 cực là Liên Xô và Mĩ. – Từ năm 1991, Liên Xô sụp đổ, "thế giới hai cực" chuyển thành "thế giới đơn cực", hiện nay thế giới có xu thế chuyển thành "thế giới đa cực", Mĩ, Nhật, Tây Âu và một vài nước đang vươn lên nhanh chóng như: Đức, Trung Quốc.		
Hỏi:	Trả lời:	– Xu thế chung hiện

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Nhìn chung, tình hình hiện nay của thế giới là gì?	– Xu thế chung hiện nay của thế giới là: + Hoà bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc bước vào thế kỷ XXI, Việt Nam cũng trong tình trạng đó.	nay của thế giới là: hoà bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế, vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc.

5. Củng cố

- Hãy nêu những quyết định và hệ quả của Hội nghị Ianta?
- Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc là gì?
- Các xu thế của thế giới sau "chiến tranh lạnh" là gì?

6. Bài tập

- Theo em, xu thế chung nhất của thế giới hiện nay là gì? (từ "đối đầu" → "đối thoại", hoà bình, hợp tác, phát triển).
- Nhiệm vụ to lớn của nhân dân ta hiện nay là gì?

Chương V
CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KĨ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 12 NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KĨ THUẬT

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Nguồn gốc, những thành tựu chủ yếu, ý nghĩa lịch sử và tác động của ``pcuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của loài người (từ 1945 đến nay). Bộ mặt thế giới đã thay đổi rất nhiều bởi sự phát triển như vũ bão của khoa học – kĩ thuật hơn nửa thế kỷ qua.

2. Tư tưởng

- Thông qua những kiến thức trong bài, HS cần xác định rõ ý chí vươn lên không ngừng, cố gắng phấn đấu không mệt mỏi để tiếp thu những thành tựu khoa học – kĩ thuật mới, sự phát triển trí tuệ không có giới hạn của con người sẽ phục vụ cuộc sống đòi hỏi ngày càng cao của chính con người.
- Từ đó HS nhận thức được, cần phải cố gắng, chăm chỉ học tập, có ý chí và hoài bão vươn lên bởi vì hiện nay XH đang đòi hỏi nguồn nhân lực lao động có chất lượng cao, nắm được những tri thức mới về khoa học – kĩ thuật để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS phương pháp tư duy, tổng hợp, phân tích so sánh, liên hệ những kiến thức đã học với thực tế.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Một số tranh ảnh về những thành tựu mới của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai:

- Các công cụ sản xuất mới.
- Năng lượng mới.
- Vật liệu mới.
- Du hành vũ trụ.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày về Hội nghị Ianta và những quyết định của Hội nghị.
- Hệ quả của Hội nghị Ianta.
- Em hãy nêu những xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

3. Giới thiệu bài mới

- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của loài người bắt đầu từ năm 1945, hiện nay đang phát triển như vũ bão, làm cho bộ mặt thế giới có nhiều thay đổi.
- Cuộc cách mạng này, bắt đầu từ nhu cầu ngày càng cao của con người, lao động giản đơn không đáp ứng được. Mặt khác, do nạn bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và nhu cầu của cuộc chiến tranh hiện đại cần có những vũ khí mới, thông tin liên lạc mới. Cho nên con người đã tiến hành cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu từ năm 1945, nơi khởi đầu cuộc cách mạng này là Mĩ và nó nhanh chóng lan ra khắp thế giới. Hôm nay chúng ta học bài: Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc mục I SGK và đặt câu hỏi:		**I. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học**
– Em hãy nêu những thành tựu chủ yếu về khoa học cơ bản của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của loài người.	Trả lời: – Nửa thế kỷ qua, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai đã đạt được những thành tựu kì diệu trên tất cả các lĩnh vực. – Khoa học cơ bản: + Có những phát minh to lớn, đánh dấu bước nhảy vọt của Toán học, Lý học, Hoá học, Sinh học. + Dựa vào những phát minh mới, con người đã ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất để phục vụ cuộc sống. Ví dụ: Tháng 3/1997 các nhà khoa học đã tạo được một con cừu bằng phương pháp sinh sản vô tính.	***1. Khoa học cơ bản*** – Có những phát minh to lớn, đánh dấu bước nhảy vọt trong Toán học, Lý học, Hoá học, Sinh học. – Những thành tựu đó đã được ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất phục vụ cuộc sống. – Tạo được con cừu bằng phương pháp vô tính (3/1997).
GV hướng dẫn HS xem hình 24, con cừu Đô-li, động vật đầu tiên ra đời bằng phương pháp vô tính, các nhà khoa học		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
đã lấy ruột tế bào ở tuyến vú của một con cừu đang mang thai.		
	HS Trả lời tiếp: – Tháng 6/2000, tiến sĩ Cô-lin giám đốc sở nghiên cứu gen nhân loại quốc gia Mĩ đã công bố "Bản đồ gen người" mới được hoàn chỉnh. – Theo đó, con người có từ 34 đến 40 ngàn gen và đã giải mã được 99% gen người. – Với thành tựu to lớn này, loài người có thể chữa được những căn bệnh nan y, ung thư, tiểu đường, tim mạch,… có thể kéo dài tuổi thọ cho con người.	– Tháng 6/2000, tiến sĩ Cô-lin (Mĩ) đã công bố "Bản đồ gen người" → tương lai loài người sẽ chữa trị được những căn bệnh nan y.
Hỏi: Em cho biết những thành tựu mới về công cụ sản xuất?	Trả lời: Những phát minh mới về công cụ sản xuất có tầm quan trọng bậc nhất, đó là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động – Người ta tính ra rằng, khoảng 8 đến 10 năm, tốc độ vận hành và độ tin	***2. Công cụ sản xuất*** – Những phát minh mới về công cụ sản xuất có tầm quan trọng bậc nhất: máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	cậy của máy tính có thể nâng cấp lên 10 lần so với trước, thu nhỏ và giá thành hạ xuống chỉ còn 1/10.	
	– Máy tính trải qua nhiều thế hệ: 2/1946, 3/2002, người Nhật đã sử dụng cỗ "máy tính mô phỏng thế giới" (ESC) đặt trong mái vòm rộng 3250m^2, trị giá 350 triệu USD, giải được 35 ngàn tỉ phép tính trong 1 giây, với nhiệm vụ nghiên cứu tình trạng nóng dần lên của trái đất, dự báo chính xác thảm hoạ của thiên tai, nghiên cứu các dự án sinh học.	– Tháng 3/2002, người Nhật sử dụng cỗ máy tính lớn nhất thế giới, giải được 35 ngàn tỉ phép tính/ giây để nghiên cứu sự nóng lên của trái đất và thảm hoạ thiên tai. – Nghiên cứu sinh học.
GV giải thích thêm: – Các nhà khoa học còn tạo ra các Rôbôt "người máy" đảm nhận những công việc con người không đảm nhận được: lặn sâu xuống đáy biển (6–7km), làm việc trong các nhà máy điện nguyên tử,…		
Hỏi: Em cho biết những	Trả lời: – Nguồn năng lượng	***3. Năng lượng mới*** – Năng lượng thiên

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
nguồn năng lượng mới con người đã tạo ra để phục vụ đời sống trong cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai.	thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, con người đã tìm ra những nguồn năng lượng mới rất phong phú.	nhiên ngày càng cạn kiệt, con người đã tìm ra những nguồn năng lượng mới rất phong phú: Năng lượng nguyên tử, mặt trời, gió, thuỷ triều,…
	+ Năng lượng nguyên tử. + Năng lượng mặt trời. + Năng lượng gió. + Năng lượng thuỷ triều. Trong đó năng lượng nguyên tử là quan trọng nhất.	
GV giới thiệu cho HS xem hình 25, Nhật Bản đã sử dụng năng lượng mặt trời rất phổ biến.		
Hỏi: – Con người đã sáng tạo ra những vật liệu mới chủ yếu nào, trong công cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần này?	Trả lời: – Vật liệu tự nhiên đang vơi cạn, con người tạo ra những vật liệu mới.	***4. Vật liệu mới*** – Chất dẻo (Polime) quan trọng hàng đầu trong cuộc sống và trong công nghiệp.
	– Chất Po-li-me (chất dẻo) đang giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong đời sống con người và công nghiệp. – Nhiều loại chất dẻo nhẹ hơn nhôm 2 lần,	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	nhưng độ bền và sức chịu nhiệt lại hơn hẳn loại thép tốt nhất. – Chất dẻo này dùng để chế tạo vỏ xe tăng, các động cơ tên lửa và máy bay siêu âm (chất ti tan).	– Chất titan dùng cho ngành hàng không và vũ trụ.
GV minh họa thêm: – Gần đây người ta chế ra chất têphotông làm chất cách điện rất tốt, không cháy, không thấm nước, đốt nóng 350^0 hay làm lạnh -200^0 mà vẫn không việc gì. – Về kim loại: cách đây 2000 năm, con người chỉ biết đến 7 thứ: sắt, chì, kẽm, đồng, vàng, bạc, thuỷ ngân. Ngày nay, trên 80 thứ kim loại, trong đó nhôm và titan được mệnh danh là "kim loại của thời đại nguyên tử và vũ trụ". + Titan là kim loại dùng trong ngành hàng không và vũ trụ. Nó nhẹ bằng 1/2 của thép, độ nóng chảy cao hơn thép. + Hiện nay, các nhà		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
thiết kế đang nghiên cứu và chế tạo loại máy bay dùng động cơ tên lửa, bay ở độ cao 80km, với tốc độ 2vạn km/giờ (gọi là máy bay tên lửa).		
Hỏi: – Em trình bày về "Cuộc cách mạng xanh" của loài người?	Trả lời: – Thành tựu mới của "Cuộc cách mạng xanh" trong nông nghiệp": + Với những biện pháp cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, hoá học hoá và phương pháp lai tạo giống mới, chống sâu bệnh. Nhờ "Cách mạng xanh", nhiều nước đã khắc phục được nạn thiếu đói kéo dài. + Ví dụ ở Mĩ: Năm 1945, 1 lao động nông nghiệp nuôi được 14,6 người. Năm 1977 tăng lên 56 người.	***5. "Cách mạng xanh"*** – Tạo ra những giống lúa mới, con giống mới, năng suất cao. – Giải quyết được vấn đề lương thực cho nhiều quốc gia.
Hỏi: – Những thành tựu về giao thông vận tải và thông tin liên lạc.	Trả lời: – Trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần này, loài người đã đạt được thành tựu "thần kì"	***6. Giao thông vận tải và thông tin liên lạc*** – Con người đã đạt được những thành tựu "thần kì"

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	về giao thông vận tải và thông tin liên lạc	
	+ Những loại máy bay siêu âm khổng lồ.	+ Máy bay siêu âm khổng lồ.
	+ Tàu hoả tốc độ cao.	+ Tàu hoả tốc độ cao.
	+ Những phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hết sức hiện đại qua vệ tinh nhân tạo.	+ Những phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hiện đại qua vệ tinh.
GV minh hoạ thêm:		
– Để tránh ô nhiễm môi trường, hiện nay người ta đã chế tạo ô tô chạy bằng năng lượng mặt trời (triển lãm năm 1973 tại Pari), có nhà bác học đã chế tạo ô tô chạy bằng pin nhiên liệu, mà thường được gọi là "ô tô chạy bằng nước lã".		
– Tàu hoả chạy tới 300km/giờ (tới đích đúng giờ tuyệt đối), nếu sai trên 30 giây phải phạt tiền, loại này xuất hiện ở Nhật, Anh, Pháp,…		
Hỏi:	Trả lời:	***7. Chinh phục vũ trụ***
– Em biết gì về những thành tựu trong lĩnh vực	– Trong nửa thế kỷ con người đã đạt được những	– Đạt được nhiều thành

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
chinh phục vũ trụ?	thành tựu kì diệu về chinh phục vũ trụ.	tựu kì diệu.
	+ 1957, vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất phóng vào vũ trụ.	+ 1957, vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất phóng vào vũ trụ.
	+ 1961, con người đã bay vào vũ trụ (Gagarin).	+ 1961, con người đã bay vào vũ trụ.
	+ 1969, con người đã đặt chân lên mặt trăng.	+ 1969, con người đã đặt chân lên mặt trăng…
	+ Hiện nay, con người đang nghiên cứu những bí ẩn của sao Kim, sao Hoả, sao Thuỷ, sao Mộc.	
GV minh họa thêm: Với tốc độ phát triển của các ngành khoa học ngày nay, người ta dự kiến: năm 2005 Mặt trăng sẽ đón đoàn du lịch đầu tiên của trái đất.		
GV yêu cầu HS nêu những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai và xác định nhiệm vụ chủ yếu của em hiện nay là gì để tiến kịp với sự phát triển như vũ bão	Phần này HS chia nhóm thảo luận, sau đó GV tổng kết.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
của khoa học – kĩ thuật. GV yêu cầu HS đọc mục II SGK và đặt câu hỏi:		
– Em hãy nêu ý nghĩa to lớn của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai?	Trả lời: – Đó là mốc chói lọi trong lịch sử tiến hoá của văn minh nhân loại.	**II. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật** ***1. Ý nghĩa***
	– Mang lại những tiến bộ phi thường, những thành tựu kì diệu và thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.	– Đó là mốc đánh dấu trong lịch sử tiến hoá của văn minh nhân loại. – Thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.
	– Trong cuộc cách mạng này, con người thực hiện những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và năng suất lao động.	+ Con người có những bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và năng suất lao động.
	– Nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người với những hàng hoá mới và tiện nghi mới.	– Mức sống và chất lượng cuộc sống nâng cao.
	– Có những thay đổi lớn trong cơ cấu dân cư lao động: cư dân nông và công nghiệp giảm, tỉ lệ dân cư trong các ngành	– Cơ cấu dân cư thay đổi: lao động nông công nghiệp giảm, lao động dịch vụ tăng.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV minh hoạ thêm: Chỉ trong vòng 20 năm (1970 – 1990), sản xuất thế giới tăng 2 lần, ngang với 2000 lần khối lượng của vật chất sản xuất ra trong 230 năm của thời đại công nghiệp (1740 – 1970). – Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần này đưa loài người bước sang nền văn minh thứ ba – "văn minh hậu công nghiệp" hay còn gọi là "văn minh trí tuệ". Nền văn minh này đang xuất hiện những ngành khoa học mũi nhọn: tin học, điện lượng tử, sinh học phân tử, đại dương học, kĩ thuật hạt nhân, sinh thái học, khoa học vũ trụ,… – Cuộc cách mạng công nghiệp này đã nâng năng suất lao động lên hàng trăm lần, cuộc cách mạng về điện tử và tin học đang tăng năng	dịch vụ cao lên, đặc biệt ở các nước phát triển.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
suất lao động lên hàng triệu lần, trong nền văn minh mới, lao động trí tuệ là phổ biến, giảm lao động cơ bắp.		
Hỏi: – Em hãy nêu những hậu quả của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai?	Trả lời: – Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần này đạt được những thành tựu kì diệu, nhưng nó cũng có những hậu quả nhất định. + Chế tạo ra những loại vũ khí và các phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt cuộc sống. + Ô nhiễm môi trường nặng nề, xuất hiện những bệnh hiểm nghèo.	***2. Hậu quả*** – Chế tạo ra những loại vũ khí và phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt cuộc sống. – Ô nhiễm môi trường nặng nề, xuất hiện những bệnh hiểm nghèo.

5. Củng cố

- – Em hãy nêu những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của loài người?
- – Ý nghĩa và hậu quả của cuộc cách mạng này?

6. Bài tập

Em hãy nêu những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật và những hạn chế của việc áp dụng những tiến bộ khoa học vào sản xuất (ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh hiểm nghèo, vũ khí huỷ diệt).

Bài 13



TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Giúp HS củng cố những kiến thức đã học về lịch sử thế giới hiện đại (phần từ 1945 đến nay).
- HS cần nắm được: Tình hình thế giới từ 1945 đến nay có những diễn biến phức tạp, nhưng đặc điểm chủ yếu nhất, là thế giới chia thành 2 phe: XHCN và TBCN do 2 siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu.
- Hai siêu cường luôn "đối đầu" nhau trong tình trạng "chiến tranh lạnh" căng thẳng và quyết liệt.
- Xu thế của thế giới hiện nay là chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại" để loài người đạt được mục tiêu: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Tư tưởng

- HS cần nhận thức được cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt với những diễn biến phức tạp giữa một bên là lực lượng XHCN độc lập dân tộc, dân chủ tiến bộ với một bên là CNĐQ và các thế lực phản động.
- HS cần nhận thức được Việt Nam hiện nay ngày càng có quan hệ mật thiết với khu vực và thế giới.

3. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng tổng hợp, phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh để HS thấy rõ:

- Mối liên hệ giữa các chương và các bài.
- Bước đầu làm quen với việc phân tích các sự kiện lịch sử theo logic: Bối cảnh, diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Bản đồ thế giới và một số tranh ảnh, tài liệu phục vụ cho bài giảng.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của loài người.?
- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần này có vị trí, ý nghĩa to lớn như thế nào đối với loài người?

3. Giới thiệu bài mới

- Chúng ta đã học giai đoạn thứ hai của lịch sử thế giới hiện đại (1945 đến nay) trong vòng nửa thế kỷ, thế giới đã diễn ra rất nhiều các sự kiện lịch sử phức tạp. Nhưng chủ yếu nhất là thế giới đã chia thành 2 phe: XHCN và TBCN "đối đầu" nhau, nhất là thời kì "chiến tranh lạnh", tình hình thế giới rất căng thẳng.
- Từ đầu thập kỷ 90 đến nay, xu thế chung của thế giới là chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại" để thực hiện mục tiêu: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tuy vậy, tình hình thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp. Hôm nay chúng ta học bài Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc mục I SGK và sau đó đặt câu hỏi:		**I. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay**
– Em hãy cho biết sự ra đời, phát triển và những sai lầm dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu?	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, CNXH đã trở thành một hệ thống thế giới trải dài qua nhiều nước từ châu	***1. Hệ thống các nước XHCN*** – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống các nước XHCN hình thành

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Âu sang châu Á, tới khu vực Mĩ La-tinh.	
	– Trong nhiều thập niên của nửa sau thế kỷ XX, các nước XHCN trở thành lực lượng hùng mạnh về chính trị, quân sự và kinh tế, có ảnh hưởng quan trọng đến tiến trình phát triển của thế giới.	– Trong nhiều thập niên của nửa sau thế kỷ XX, hệ thống XHCN có ảnh hưởng quan trọng đến tiến trình phát triển của thế giới.
Hỏi: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu là gì?	Trả lời: – Do phạm phải những sai lầm nghiêm trọng trong đường lối, chính sách,…sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. – CNXH sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu là sự tổn thất nặng nề chưa từng thấy trong lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.	– CNXH sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu (1989) và Liên Xô (1991) là do sai lầm trong đường lối chính sách, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.
Hỏi: – Em cho biết phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh (từ 1945 đến nay)	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu phi và Mĩ La-tinh đã	***2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh (từ 1945 đến nay)*** – Phong trào đấu tranh

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	dành được thắng lợi to lớn. Đó là: + Sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa thế giới và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc (Apacthai). + Hơn 100 quốc gia dành độc lập. + Hiện nay, các quốc gia này ngày càng có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống chính trị thế giới. + Nhiều nước, sau khi dành độc lập đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế – xã hội: Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN.	đạt được thắng lợi to lớn: + Hệ thống thuộc địa và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã sụp đổ. + Hơn 100 quốc gia dành độc lập. + Một số quốc gia đã dành được thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước: Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN.
GV minh họa thêm: Sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và một vài nước ASEAN điển hình là Singapo và Thái Lan,... + Trung Quốc hiện nay có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và cao vào bậc nhất thế giới, khoảng 9%/năm.		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
+ Ấn Độ đang vươn lên hàng các cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân và công nghệ vũ trụ. + Singapo là nước có thu nhập bình quân đầu người cao thứ hai thế giới, sau Thuỵ Sĩ (trên 28.000 đôla/người/năm).		
Hỏi: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, các nước Mĩ, Nhật, Tây Âu phát triển như thế nào?	Trả lời: – Sau khi hồi phục kinh tế, các nước này phát triển nhanh chóng về kinh tế: Mĩ, Nhật, Cộng hoà liên bang Đức.	***3. Sự phát triển của các nước tư bản chủ yếu: Mĩ, Nhật, Tây âu*** – Sau khi hồi phục, các nước tư bản nhanh chóng phát triển kinh tế.
	+ Mĩ trở thành nước giàu nhất thế giới, có mưu đồ làm bá chủ thế giới, nhưng Mĩ cũng vấp phải thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975).	+ Mĩ giàu nhất thế giới, có mưu đồ làm bá chủ thế giới.
	+ Các nước tư bản có xu thế liên kết với nhau theo khu vực để phát triển: EEC (Cộng đồng kinh tế châu Âu) hiện nay là liên minh châu Âu (EU).	+ Nhật, Cộng hoà liên bang Đức vươn lên nhanh chóng.
	+ Thế giới hiện nay có 3 trung tâm kinh tế lớn là: Mĩ, Nhật, Tây Âu.	+ Hiện nay thế giới có 3 trung tâm kinh tế lớn là: Mĩ, Nhật, Tây Âu.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hỏi: Quan hệ quốc tế (từ 1945 đến nay) như thế nào?	Trả lời: – Đó là sự xác lập trật tự thế giới hai cực Ianta do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu. – Thế giới chia thành hai phe đối đầu nhau, tình hình thế giới rất căng thẳng, thời kì "chiến tranh lạnh". – Thế giới đã chấm dứt "chiến tranh lạnh" từ 1989, xu thế của thế giới hiện nay là hoà hoãn, chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại". – Về cơ bản, nguy cơ chiến tranh bị đẩy lùi.	***4. Quan hệ quốc tế (1945 đến nay)*** – Trật tự hai cực Ianta được xác lập. – Tình hình thế giới rất căng thẳng, thời kì "chiến tranh lạnh". – Xu thế của thế giới hiện nay là chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại". – Về cơ bản, nguy cơ chiến tranh bị đẩy lùi.
GV phân tích thêm: – Tuy vậy, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, một số cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo vẫn xảy ra: Nam Tư cũ, Tây Á, châu Phi.		
Hỏi: – Em cho biết những thành tựu điển hình của cuộc cách mạng khoa học– kĩ thuật lần thứ hai và ý nghĩa lịch sử to lớn của nó?	Trả lời: – Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện: + Khoa học cơ bản: có	***5. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai và ý nghĩa lịch sử của nó*** – Đạt được nhiều thành tựu to lớn và toàn diện: + Khoa học cơ bản: có

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	nhiều phát minh mới về Toán học, Lý học, Sinh học.	nhiều phát minh mới.
	+ Một số ngành khoa học mới ra đời: điều khiển học, khoa học vũ trụ và khoa học chinh phục vũ trụ.	+ Một số ngành khoa học mới ra đời: điều khiển học, khoa học vũ trụ và khoa học chinh phục vũ trụ.
	+ Nhiều công cụ mới ra đời: máy tính điện tử, máy tự động, Rôbôt.	+ Nhiều công cụ mới, nguyên liệu và nhiên liệu mới ra đời.
	+ Nhiều năng lượng mới ra đời: năng lượng nguyên tử, mặt trời, sức gió, nhiệt hạch.	+ Thực hiện "cách mạng xanh" để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm.
	+ Nhiều vật liệu mới ra đời: Polime, titan.	+ Giao thông vận tải và giao thông liên lạc phát triển vượt bậc.
	+ "Cách mạng xanh" giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm thế giới, nhiều nước thoát khỏi đói nghèo.	
	+ Giao thông vận tải và thông tin liên lạc có nhiều tiến bộ (máy siêu âm khổng lồ, tàu hoả chạy tốc độ cao, thông tin liên lạc phát sóng vô tuyến hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo)	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Cuộc cách mạng này có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nhân loại.	* *Ý nghĩa:* – Đó là mốc đánh dấu sự tiến bộ của nhân loại.
	+ Đánh dấu mốc tiến bộ của nhân loại, đem lại những thay đổi to lớn đối với loài người.	– Thay đổi công cụ và công nghệ, nguyên liệu, năng lượng, thông tin vận tải.
	+ Loài người bước sang nền văn minh thứ ba "văn minh hậu công nghiệp" hay còn gọi là "văn minh trí tuệ".	– Loài người bước sang nền văn minh thứ ba "văn minh hậu công nghiệp" hay còn gọi là "văn minh trí tuệ".
Hỏi: – Em hãy nêu những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại?	Trả lời: – Câu hỏi này GV dành thời gian cho HS thảo luận nhóm và sau đó GV tổng kết.	
GV tổng kết: – Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN. – Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển. – Sự phát triển nhanh chóng của các nước: Mĩ, Nhật, Tây Âu. – Quan hệ quốc tế phức tạp. – Từ 1945 đến 1989 quan hệ hai hệ thống		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
XHCN và ĐQCN là quan hệ "đối đầu", từ 1991 đến nay chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại". – Những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai làm thay đổi bộ mặt thế giới và cuộc sống loài người. GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay như thế nào?	Trả lời: – Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay diễn ra phức tạp. + Năm 1991, trật tự hai cực Ianta bị phá vỡ, nó là mốc đánh dấu cho sự phân kì lịch sử. + Giai đoạn từ 1945 đến 1991 là giai đoạn thế giới bị chia thành hai phe: XHCN và TBCN, trong khuôn khổ của trật tự hai cực Ianta thế giới bị tác động và chịu sự chi phối của yếu tố này. + Từ 1991 đến nay, trật tự thế giới cũ đã tan rã, trật tự thế giới mới đang hình thành, đó là trật tự	**II. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay** – Từ 1945 đến 1991, thế giới chịu sự chi phối của trật tự hai cực Ianta. – Từ 1991 đến nay, trật tự thế giới mới đang hình thành thế giới đa cực.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	thế giới đa cực với nhiều trung tâm.	
Hỏi: Xu thế mới của thế giới hiện nay là gì?	Trả lời: – Ngày nay, các cường quốc đang ra sức vươn lên, điều chỉnh các mối quan hệ theo hướng hoà hoãn, thoả hiệp giữa các nước lớn.	– Xu thế của thế giới hiện nay là chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại", là: Hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.
	– Dưới tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật, hầu hết các quốc gia đang ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm, tích cực mở rộng các quan hệ quốc tế để hợp tác phát triển.	– Hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm để phát triển.
	– Tuy vậy, thế giới "sau chiến tranh lạnh" nguy cơ chiến tranh đã bị đẩy lùi nhưng một số nơi trên thế giới vẫn xảy ra xung đột sắc tộc, dân tộc.	
	– Nhìn chung xu thế của thế giới ngày nay là: Hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.	

5. Củng cố

- Em hãy nêu: Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại (từ 1945 đến nay)?
- Xu thế chung của thế giới hiện nay là gì?

6. Bài tập

- Tại sao nói: "Hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc".

(GV gợi ý cho HS trả lời: kinh tế thế giới ngày càng quốc tế hoá cao độ, xu thế sẽ hình thành thị trường thế giới, hàng hoá vào các nước sẽ nhiều hơn, hàng hoá chất lượng cao và giá cả hợp lý hơn. Nhưng trong các nước đó không có chính sách đầu tư phát triển tốt cho kinh tế quốc gia thì sẽ bị hàng nhập khẩu làm cho sản xuất trong nước khó khăn, công nghiệp cổ truyền không phát triển được.).

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Chương I

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930

Bài 14 VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được những kiến thức cơ bản sau:

- Nguyên nhân, nội dung, đặc điểm của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.
- Những thủ đoạn của thực dân Pháp về chính trị, văn hóa, giáo dục phục vụ cho chương trình khai thác lần này.
- Sự phân hoá giai cấp và thái độ, khả năng cách mạng của các giai cấp (trong chương trình khai thác lần hai).

2. Tư tưởng

- Giáo dục cho HS lòng căm thù đối với bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột dân tộc ta.
- HS có sự đồng cảm với sự vất vả, cực nhọc của người lao động sống dưới chế độ thực dân phong kiến.

3. Kĩ năng

Rèn luyện cho HS kĩ năng quan sát lược đồ, trình bày một vấn đề lịch sử bằng lược đồ và sau đó rút ra nhận định, đánh giá sự kiện lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Lược đồ về nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai.
- Một số tài liệu và hình ảnh về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp và đời sống cực khổ của nhân dân trong thời kì này.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em cho biết những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại (1945 đến nay).
- Xu thế của thế giới hiện nay là gì?
- Tại sao nói: "Hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc".?

3. Giới thiệu bài mới

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp đã tiến hành chương trình "Khai thác lần thứ hai" ở Việt Nam, tấn công quy mô và toàn diện vào nước ta, biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá ế thừa và thị trường đầu tư tư bản có lợi cho chúng. Với chương trình khai thác lần này, kinh tế, xã hội và văn hoá giáo dục biến đổi sâu sắc.

Hôm nay, chúng ta học bài "Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất" (Bài lịch sử Việt Nam đầu tiên của chương trình lớp 9).

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp**
– Thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác lần thứ hai đối với nước ta trong hoàn cảnh nào? Nhằm mục đích gì?	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918), thực dân Pháp là nước thắng trận nhưng bị thiệt hại rất nặng nề. – Cho nên, sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp đã tăng cường bóc lột nhân dân trong nước và thuộc địa để bù đắp vào sự thiếu hụt do thiệt hại của chiến tranh gây ra.	***1. Hoàn cảnh và mục đích*** – Hoàn cảnh: Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp bị thiệt hại nặng nề. – Mục đích: Vơ vét và bóc lột thuộc địa để bù đắp vào sự thiệt hại trong chiến tranh.
GV minh hoạ thêm: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Pháp là con nợ lớn của Mĩ: năm 1920, số nợ quốc gia đã lên tới 300 tỉ Phơrăng, Pháp bị tiêu huỷ hàng chục tỉ Phơrăng. Sau cách mạng tháng Mười Nga (1917), Pháp mất thị trường đầu tư lớn nhất của mình ở châu Âu là Nga.		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hỏi: – Nội dung của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp là gì?	Trả lời: – Thực dân Pháp tăng cường đầu tư vốn vào Việt Nam.	***2. Nội dung*** – Thực dân Pháp tăng cường đầu tư vốn vào nông nghiệp, mà trọng tâm là cao su.
	+ Từ 1924 → 1930, vốn đầu tư gấp 6 lần (1898-1918), nhiều nhất là đầu tư vào nông nghiệp, chủ yếu là đầu tư vào cao su và khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than). + Năm 1927 số vốn đầu tư vào nông nghiệp là 400 triệu Phơrăng, gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Diện tích trồng cao su: 1918: 15.000 ha 1930: 120.000 ha Nhiều công ty cao su ra đời: Công ty Đất Đỏ, công ty Mi-sơ-lanh, công ty Cây nhiệt đới,…	
GV giải thích thêm: – Trọng tâm của chương trình khai thác lần thứ nhất (đầu thế kỉ XX), thực dân Pháp hoàn chỉnh bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương.		
– *Về kinh tế*: chúng chủ	– *Về khai thác mỏ*: Các	– Tăng cường khai thác

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
yếu đầu tư vào khai thác mỏ mà trọng điểm là khai thác mỏ than.	công ty than trước đây được bỏ thêm vốn, một số công ty mới ra đời: Công ty than Hạ Long – Đồng Đăng, Công ty than và kim khí Đông Dương…	mỏ, chủ yếu là mỏ than.
GV minh họa thêm: – Khai thác than: + 1919: 665.000 tấn. + 1929: 1.972.000 tấn. – *Khai thác thiếc*: tăng gấp 3 lần, kẽm: 1,5 lần, vonfram: 1,2 lần. (Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 2, NXBGD, 1998, trang 214).		
	– *Về công nghiệp*: + Mở thêm một số cơ sở công nghiệp nhẹ: dệt Nam Định, rượu Hà Nội, nhà máy xay xát Chợ Lớn,…	– *Công nghiệp*: Chỉ đầu tư vào công nghiệp nhẹ, không đầu tư vào công nghiệp nặng để nền kinh tế phát triển không cân đối, phụ thuộc kinh tế chính quốc.
	– *Thương nghiệp*: + Phát triển hơn trước chiến tranh, để nắm chặt thị trường, thực dân Pháp đánh thuế rất nặng vào những hàng hoá người Việt Nam quen dùng như hàng Trung Quốc, Nhật Bản, hàng Pháp nhập vào	– *Thương nghiệp*: phát triển hơn. + Đánh thuế nặng vào hàng các nước nhập vào Việt Nam trước đây: Trung Quốc, Nhật Bản,… + Hàng hoá Pháp nhập vào Việt Nam tăng lên.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Việt Nam tăng lên.	
	– *Giao thông vận tải:* + Đầu tư thêm vào đường sắt xuyên Đông Dương và một số đoạn đường sắt: Đông Dương – Na Sầm (1922), Vinh – Đông Hà (1927).	– *Giao thông vận tải*: Đầu tư thêm vào đường sắt xuyên Đông Dương và một số đoạn cần thiết.
	– *Về Ngân hàng:* + Ngân hàng Đông Dương có cổ phần hầu hết các công ty, xí nghiệp lớn. Nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương.	– Ngân hàng Đông Dương nắm mọi huyết mạch kinh tế, độc quyền phát hành đồng bạc.
	– *Chính sách thuế:* + Chúng tìm mọi cách vơ vét tiền của của dân. + Đánh thuế nặng hơn: thuế ruộng đất, thuế thân, thuế rượu, muối, thuốc phiện,…	– Tăng cường bóc lột thuế má.
Hỏi: GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ (hình 27) để trình bày chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, chúng tập trung vào những nguồn lợi nào? (GV gọi HS khá và	Trả lời: – Chúng tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, chủ yếu là cao su. – Tăng cường khai thác mỏ (than chủ yếu). – Công nghiệp nhẹ. – Thương nghiệp phát triển hơn (xuất khẩu lúa	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
hướng dẫn HS trả lời). GV kết luận: – Chương trình khai thác lần thứ hai, tấn công quy mô và toàn diện vào nước ta, kinh tế Việt Nam có những bước phát triển nhất định (ngoài ý muốn chủ quan của thực dân Pháp). Tất cả thay đổi về kinh tế đã kéo theo những thay đổi về chính trị, văn hoá, giáo dục và xã hội (GV có thể lấy 4 hình trong sách Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 2, NXBGD, 1998, trang 228, 229). Những hình ảnh này minh họa về Việt Nam thời kì thực dân Pháp tiến hành khai thác lần thứ hai. Cầu Long Biên, phố Hàng Đào, Tràng Tiền,	gạo và công nghiệp nhẹ). – Ngân hàng Đông Dương chi phối mọi huyết mạch kinh tế. – Tăng cường bóc lột thuế má để làm giàu cho chính quốc.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Bảo tàng nông nghiệp thương mại trong những năm 20 của thế kỷ XX. GV yêu cầu HS đọc SGK, mục II và đặt câu hỏi:		
– Trong chương trình khai thác lần thứ hai, thực dân Pháp đã thực hiện những chính sách cai trị như thế nào, đối với nước ta?	Trả lời: – Về chính trị: + Mọi quyền hành đều do người Pháp nắm, vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn, tay sai.	**II. Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục** – Chính trị: + Mọi quyền hành đều tập trung vào tay người Pháp, vua quan là bù nhìn, tay sai.
	+ Nhân dân ta không được hưởng chút quyền tự do, dân chủ nào, mọi hành động yêu nước bị chúng thẳng tay đàn áp.	+ Mọi quyền tự do, dân chủ bị bóp nghẹt. + Thẳng tay đàn áp cách mạng.
	+ Thực hiện chính sách "chia để trị" chia nước ta ra làm ba xứ để trị với 3 chế độ khác nhau: xứ Bắc kì, Trung kì, Nam kì. + Chia rẽ dân tộc, tôn giáo. + Dựa vào bọn phong kiến để đàn áp, bóc lột.	+ Thực hiện chính sách "chia để trị".
Hỏi: – Những chính sách về	Trả lời: – Chúng triệt để thi hành	– Văn hoá, giáo dục: + Thi hành chính sách

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai là gì?	chính sách văn hoá, nô dịch, gây tâm lý tự ti, khuyến khích các tệ nạn mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, trai gái,…	văn hoá nô dịch, ngu dân. + Trường học mở rất hạn chế.
	– Trường học mở hạn chế, chủ yếu là các trường tiểu học, trung học rất hạn chế ở các thành phố lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,… Các trường Đại học, Cao đẳng thực chất là những trường chuyên nghiệp.	
	– Sách báo xuất bản công khai để tuyên truyền cho chính sách "khai hoá" của thực dân Pháp, ảo tưởng với bọn thực dân cướp nước và bọn bù nhìn bán nước.	– Công khai tuyên truyền cho chính sách "khai hoá" của thực dân Pháp.
GV minh hoạ thêm: – Niên khóa 1922 – 1923 Việt Nam có 3.039 trường tiểu học, 7 trường Cao đẳng tiểu học (trường Bảo hộ Hà Nội, trường Nữ học Hà Nội, trường Quốc học Huế,…), 2 trường Trung học: An-be Xa-rô (Hà Nội) và Satxơlulôba		

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
(Sài Gòn). – Tổng số sinh viên các trường Cao đẳng: 436 người. – Năm 1929 – 1930, số sinh viên là: 551 người (Đại cương lịch sử Việt Nam, NXBGD, 1998, trang 223).		
Hỏi: Tất cả những thủ đoạn chính trị, văn hoá, giáo dục ở nước ta nhằm mục đích gì? (GV hướng dẫn HS trả lời).	– Mục đích: củng cố bộ máy cai trị ở thuộc địa, mà sợi chỉ đỏ xuyên suốt là chính sách văn hoá nô dịch (đào tạo tay sai phục vụ cho chúng) và ngu dân để dễ bề thống trị.	
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi: – Em hãy trình bày sự phân hoá giai cấp trong lòng xã hội Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thái độ chính trị của từng giai cấp (trước tiên trình bày về giai cấp phong kiến).	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, xã hội Việt Nam phân hoá sâu sắc hơn. + Giai cấp địa chủ phong kiến ngày càng câu kết chặt chẽ hơn với thực dân Pháp. Chúng chia nhau chiếm đoạt ruộng đất của nông dân.	**III. Xã hội Việt Nam phân hoá** ***1. Giai cấp phong kiến*** – Câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp. – Chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. – Tăng cường áp bức bóc lột. → Nhìn chung giai cấp phong kiến là đối tượng của cách mạng (trừ một bộ phận nhỏ yêu nước).

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Đẩy mạnh bóc lột kinh tế. Tăng cường kìm kẹp, đàn áp chính trị đối với nông dân. → Nhìn chung giai cấp phong kiến là đối tượng của cách mạng (trừ một bộ phận nhỏ địa chủ yêu nước).	
GV minh hoạ thêm: – Địa chủ thời kì này chiếm khoảng 7% dân số, chiếm hơn 50% diện tích canh tác. – Nông dân chiếm hơn 90% dân số, chỉ có 42% diện tích canh tác.		
Hỏi:	Trả lời:	***2. Giai cấp tư sản***
Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời và phát triển thế nào? thái độ chính trị của họ ra sao?	– Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.	– Ra đời sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.
	+ Lúc đầu họ là tiểu chủ, thầu khóan, đại lý cho tư bản Pháp, khi giàu lên họ đứng ra kinh doanh độc lập trở thành nhà tư sản: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu,…	– Gồm 2 bộ phận: + Tầng lớp tư sản mại bản, có quyền gắn chặt với đế quốc (đối tượng cách mạng).
	Giai cấp tư sản Việt Nam	+ Tầng lớp tư sản dân

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV minh hoạ thêm: – Tổng số vốn kinh doanh của Tư sản Việt Nam chỉ bằng 5% vốn của Tư bản nước ngoài. – Tư sản Việt Nam chỉ chiếm 0,1% dân số. (Nguyễn Công Bình *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*, NXB Văn – Sử – Địa, H, 1957, trang 109). GV kết luận: Giai cấp Tư sản Việt Nam nhỏ yếu về kinh tế, bạc nhược về chính trị cho nên thái độ chính trị của họ là hai mặt, cải lương.	có 2 bộ phận: Tư sản mại bản có quyền lợi gắn chặt với Đế quốc (đối tượng cách mạng). Tư sản dân tộc Việt Nam, họ có khuynh hướng kinh doanh độc lập, ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng thái độ chính trị không kiên định, dễ thoả hiệp.	tộc, kinh doanh độc lập, thái độ chính trị cải lương, dễ thoả hiệp.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Hỏi: Giai cấp Tiểu tư sản ra đời và phát triển như thế nào?	Trả lời: – Do các thành phần kinh tế phát triển, các cơ quan hành chính văn hoá, giáo dục mở rộng, tầng lớp tiểu tư sản thành thị đông lên. – Họ bị thực dân Pháp bạc đãi, khinh miệt, chèn ép, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường thất nghiệp, trong đó bộ phận trí thức, HS, sinh viên là quan trọng nhất, họ tiếp thu những tư tưởng văn hoá tiên tiến, hăng hái cách mạng, là lực lượng quan trọng trong quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.	***3. Giai cấp tiểu tư sản*** – Giai cấp tiểu tư sản hình thành sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. – Họ bị thực dân bạc đãi, chèn ép, khinh miệt, đời sống bấp bênh. – Quan trọng nhất là tầng lớp tiểu tư sản trí thức, họ hăng hái cách mạng, tiếp thu những tư tưởng văn hoá mới, là lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ.
Hỏi: Giai cấp nông dân Việt Nam phát triển như thế nào? Thái độ chính trị của họ ra sao?	Trả lời: – Giai cấp nông dân chiếm trên 90% dân số, bị thực dân Pháp và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, sưu cao, thuế nặng, phu phen, tạp dịch, bị cướp đoạt ruộng đất. – Họ bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. – Họ là lực lượng cách	***4. Giai cấp nông dân*** – Chiếm trên 90% dân số. – Bị thực dân Pháp và phong kiến áp bức nặng nề. – Bị bần cùng hoá không lối thoát. – Họ là lực lượng cách mạng hùng hậu.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	mạng hùng hậu.	
Hỏi: Giai cấp công nhân phát triển như thế nào? Thái độ chính trị của họ ra sao?	Trả lời: – Giai cấp công nhân ra đời từ đầu thế kỷ XX, phát triển nhanh chóng trong thời kì khai thác lần thứ hai cả về số và chất lượng. – Phần lớn công nhân sống tập trung ở các vùng mỏ, đồn điền, các thành phố công nghiệp: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn – Chợ Lớn. – Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân thế giới và có những đặc điểm riêng: + Chịu 3 tầng áp bức: Đế quốc, phong kiến, tư sản. + Gần gũi với nông dân. + Kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc. – Trên cơ sở đó, giai cấp công nhân nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.	***5. Giai cấp công nhân*** – Hình thành từ đầu thế kỷ XX, phát triển nhanh chóng về số và chất lượng, sống tập trung ở các đô thị và khu công nghiệp. – Có đặc điểm chung của giai cấp công nhân thế giới và đặc điểm riêng: + Chịu 3 tầng áp bức: Đế quốc, phong kiến, tư sản. + Gần gũi với nông dân. + Kế thừa truyền thống yêu nước. – Nhanh chóng nắm quyền lãnh đạo cách mạng.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh họa thêm: – Bộ phận đông nhất của công nhân Việt Nam là công nhân đồn điền, chiếm 36,8%, công nhân mỏ: 24% – công nhân các ngành khác: 39,2% (*Một số vấn đề lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, NXBLĐ, H, 1974, tr 23). GV kết luận: Như vậy, dưới tác động của chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, kinh tế Việt Nam phát triển ở mức độ nhất định (ngoài ý muốn chủ quan của thực dân Pháp). Điều đó làm cho xã hội Việt Nam phân hoá sâu sắc hơn.		

5. Củng cố

- Nêu nội dung chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp ở nước ta?
- Mục đích của các thủ đoạn chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp trong thời kì khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam là gì?

- Em hãy trình bày sự phân hoá giai cấp trong lòng xã hội Việt Nam (từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất).

6. Bài tập

Xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã phân hoá như thế nào? Thái độ chính trị của mỗi giai cấp (Phần bài tập này, GV dành thời gian chữa vào bài sau).

Bài 15 PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 - 1925)

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được những vấn đề sau:

- Cách mạng tháng Mười Nga 1917 thành công và sự tồn tại vững chắc của nhà nước Xô viết đầu tiên, phong trào cách mạng thế giới đã ảnh hưởng thuận lợi đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Những nét chính trong phong trào đấu tranh của tư sản dân tộc, tiểu tư sản và phong trào công nhân Việt Nam từ 1919 đến 1925.

2. Tư tưởng

Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, kính yêu và khâm phục các bậc tiền bối cách mạng, luôn phấn đấu, hy sinh cho cách mạng (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Tôn Đức Thắng, Phạm Hồng Thái).

3. Kĩ năng

Rèn luyện cho HS kĩ năng trình bày các sự kiện lịch sử tiêu biểu và có sự đánh giá đúng đắn về các sự kiện.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

Một số tài liệu và chân dung các nhân vật lịch sử tiêu biểu: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Tôn Đức Thắng, Phạm Hồng Thái.

C- TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã phân hoá như thế nào? Thái độ chính trị của các giai cấp. (GV dành thời gian chữa câu hỏi này cho HS, vì đây là kiến thức cơ bản và bài tập của bài trước).

3. Giới thiệu bài mới

- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tình hình thế giới có nhiều ảnh hưởng thuận lợi đối với cách mạng Việt Nam. Đặc biệt là với chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam phân hoá sâu sắc hơn, tất cả các giai cấp đều đã có mặt, phát triển và biến động.
- Trong phong trào đấu tranh chống lại sự áp bức của thực dân Pháp, mỗi giai cấp đã nói lên tiếng nói và yêu cầu riêng của giai cấp mình, phong trào cách mạng Việt Nam có bước phát triển mới. Hôm nay chúng ta học bài: Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1919 – 1925).

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi: – Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam như thế nào?	Trả lời: – Dưới ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước phương Tây đã có sự gắn bó mật thiết để	**I. Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới** – Phong trào giải phóng dân tộc phương Đông và phong trào công nhân phương Tây gắn bó mật thiết với nhau.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.	
	– Phong trào cách mạng phát triển mạnh khắp thế giới: Châu Âu, Á, Mĩ, Phi.	– Phong trào cách mạng lan rộng khắp thế giới.
	– Trong hoàn cảnh đó, tháng 3/1919 quốc tế cộng sản ra đời, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng thế giới.	– 3/1919, quốc tế cộng sản ra đời. – 12/1920, Đảng Cộng sản Pháp ra đời.
	– Đảng Cộng sản Pháp ra đời (12/1920).	– 7/1921, Đảng Cộng sản Pháp ra đời.
	– Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời.	
	→ Tất cả những điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự truyền bá chủ nghĩa Mac Lênin vào Việt Nam.	
GV kết luận: → Tất cả những điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Việt Nam. GV yêu cầu HS đọc SGK, mục II và đặt câu hỏi:		
– Em cho biết những nét khái quát của phong trào dân chủ công khai (1919– 1925)?	Trả lời: – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều tầng	**II. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 - 1925)** ***1. Khái quát*** – Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	lớp nhân dân tham gia với những hình thức phong phú, sôi nổi, trước hết là ở thành thị.	trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia với những hình thức phong phú.
Hỏi: Em hãy trình bày phong trào đấu tranh của giai cấp Tư sản (1919 – 1925).	Trả lời: – Giai cấp tư sản vươn lên nhanh chóng. Họ đã phát động các phong trào:	***2. Phong trào của giai cấp tư sản*** – *Mục đích:*
	+ Chấn hưng nội hoá.	+ Đòi chấn hưng nội hoá.
	+ Bài trừ ngoại hoá (1919).	+ Bài trừ ngoại hoá.
	+ Chống độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam kì của tư bản Pháp (1923).	+ Họ muốn vươn lên, dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho giai cấp mình.
	– Giai cấp tư sản muốn dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình.	– Trong đấu tranh, họ đã thành lập Đảng lập hiến (1923).
	Một số tư sản và địa chủ Nam kì (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long…) đã thành lập Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng, đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng làm áp lực với Pháp nhưng sẵn sàng thoả hiệp	– Tính chất cải lương, thoả hiệp.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	với Pháp khi được chúng nhượng cho một số quyền lợi.	
GV kết luận: Nói chung, Tư sản dân tộc Việt Nam sau chiến tranh đã có những cố gắng nhất định để chống sự cạnh tranh và chèn ép của tư bản nước ngoài. Nhưng, đấu tranh chủ yếu nhằm thoả mãn những yêu cầu tối thiểu về quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng trong kinh doanh và hoạt động chính trị với tư bản Pháp.		
Hỏi: Em trình bày phong trào đấu tranh của giai cấp Tiểu tư sản? (1919–1925).	Trả lời: – Các tầng lớp tiểu tư sản gồm: HS, sinh viên, GV, nhà văn, nhà báo,… được tập hợp trong các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, hội Phục Việt, Đảng thanh niên.	***3. Phong trào của Tiểu tư sản*** – Mục tiêu: Chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do, dân chủ. – Trong đấu tranh, các tổ chức chính trị xuất hiện: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng thanh niên…
	– Họ cho xuất bản những tờ báo tiến bộ “Chuông rè”, “An Nam trẻ”, “Người nhà quê”.	– Nhiều tờ báo và nhà xuất bản tiến bộ ra đời, kêu gọi quần chúng đấu tranh.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Lập ra những nhà xuất bản tiến bộ: Cường học thư xã, Nam đồng thư xã.	– Tháng 6/1924, tiếng bom Sa Điện của liệt sĩ Phạm Hồng Thái báo hiệu một thời kì đấu tranh mới bắt đầu.
	– Tháng 6/1924, tiếng bom của liệt sĩ Phạm Hồng Thái tại Sa Điện (Quảng Châu – Trung Quốc) đã cổ vũ, thúc đẩy phong trào tiến lên, báo hiệu một thời kì đấu tranh mới bắt đầu.	– Phong trào đòi thả Phan Bội Châu (1925). – Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).
	– Cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926).	
GV minh hoạ thêm: – Tháng 6/1924, tổ chức Tâm Tâm xã (trí thức Việt Nam yêu nước ở Quảng Châu) cử Phạm Hồng Thái và Lê Hồng Sơn giết toàn quyền Méc-lanh ở Sa điện (Quảng Châu). Sự việc không thành, Phạm Hồng Thái đã anh dũng hy sinh trên dòng sông Châu Giang. Sự kiện này, tuy không đạt được mong muốn nhưng đã		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước của hàng vạn đồng bào trong nước. (Nếu có ảnh Phạm Hồng Thái, GV giới thiệu cho HS). * *Về Phan Bội Châu*: (GV giới thiệu chân dung Phan Bội Châu). – Phan Bội Châu là một chiến sĩ yêu nước có tiếng tăm đối với cách mạng Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu đã có cảm tình với cách mạng tháng Mười Nga. – Năm 1920, cụ đã đến Đại sứ Nga ở Bắc Kinh giới thiệu với họ hai cuốn sách cụ viết: Điều tra chân tướng Nga-la-tư và chủ nghĩa xã hội, đồng thời hỏi thể lệ đưa HS Việt Nam sang Nga du học, uy tín của cụ rất lớn trong dân.		
– Tháng 6/1925, thực dân Pháp bắt Phan Bội Châu từ Trung Quốc bí mật đưa cụ về nước	(Phần này xem thêm SGV để minh hoạ cho HS).	

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
định thủ tiêu.		
Hỏi: – Em cho biết những điểm tích cực và hạn chế của phong trào dân tộc dân chủ công khai? (GV hướng dẫn để HS trả lời).	Trả lời: – *Tích cực:* + Phong trào thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ và những tư tưởng cách mạng mới trong nhân dân. – *Hạn chế:* + Phong trào của tư sản còn mang tính chất cải lương (dễ thoả hiệp với thực dân Pháp). + Phong trào của tiểu tư sản còn mang tính xốc nổi, ấu trĩ (chưa có chính Đảng).	***4. Những tích cực và hạn chế của phong trào*** – *Tích cực:* Thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng dân tộc, dân chủ, tư tưởng cách mạng mới trong nhân dân. – *Hạn chế:* + Phong trào của tư sản còn mang tính chất cải lương. + Phong trào của tiểu tư sản: xốc nổi, ấu trĩ.
GV kết luận: Phong trào dân tộc dân chủ (1919 – 1925) phát triển sôi nổi, nhưng cũng nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp. Phong trào của tiểu tư sản tuy sôi nổi những còn xốc nổi và ấu trĩ. Phong trào của tư sản mang tính chất cải lương, dễ thoả hiệp bởi vì họ yếu về thế lực		

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
kinh tế và bạc nhược về chính trị. GV yêu cầu HS đọc SGK, mục III và đặt câu hỏi:		
– Bối cảnh lịch sử của phong trào công nhân Việt Nam trong mấy năm đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất.	Trả lời: – *Thế giới:* + Các cuộc đấu tranh của thuỷ thủ Pháp, Trung Quốc làm việc tại các cảng lớn: Hương Cảng, Áo môn, Thượng Hải đã có ảnh hưởng quan trọng, động viên công nhân Việt Nam đấu tranh	**III. Phong trào công nhân (1919 - 1925)** ***1. Bối cảnh*** – *Thế giới*: Ảnh hưởng của phong trào thuỷ thủ Pháp và Trung Quốc làm việc ở các cảng lớn của Trung Quốc.
	– *Trong nước:* + Những năm đầu sau chiến tranh, tuy phong trào đấu tranh còn lẻ tẻ, tự phát nhưng ý thức giai cấp đã phát triển cao hơn, tạo điều kiện cho các tổ chức và phong trào chính trị cao hơn sau này. + Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập công hội bí mật do cụ Tôn Đức Thắng đứng đầu để lãnh đạo phong trào đấu tranh.	– *Trong nước:* + Phong trào tuy còn tự phát nhưng ý thức cao hơn. + 1920, công hội bí mật ra đời ở Sài Gòn lãnh đạo đấu tranh (cụ Tôn Đức Thắng đứng đầu).

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV giới thiệu với HS chân dung cụ Tôn Đức Thắng và một số nét khái quát về cụ.		
Hỏi:	Trả lời:	**2. Diễn biến**
Em hãy trình bày những phong trào đấu tranh điển hình của công nhân Việt Nam? (1919 – 1925).?	– Mở đầu là phong trào đấu tranh của công nhân viên chức Bắc kì đòi nghỉ ngày chủ nhật có trả lương thắng lợi (1922).	– 1922, công nhân Bắc kì đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật thắng lợi.
	– Năm 1924, nhiều cuộc bãi công của các nhà máy dệt, rượu xay xát diễn ra ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương…	– 1924, nhiều cuộc bãi công nổ ra ở Hà Nội, Nam Định, Hải Dương. …
	– Quan trọng nhất là cuộc bãi công của công nhân thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn) với mục đích đòi tăng lương, giảm giờ làm và ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào cách mạng Trung Quốc. Phong trào này thắng lợi đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam. Phong trào đã có tổ chức và mục đích chính trị rõ ràng. Nó là mốc đánh dấu phong trào	– Tháng 8/1925, phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son (Sài Gòn). – Đó là mốc đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam bước đầu chuyển từ “tự phát” sang “tự giác”.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	công nhân Việt Nam bước đầu chuyển từ "tự phát" sang "tự giác".	
Hỏi: – Theo em, phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son (8/1925) có điểm gì mới hơn so với phong trào công nhân trước đó? (GV gợi ý để HS trả lời).	Trả lời: – Phong trào đã kết hợp đấu tranh kinh tế (đòi tăng lương, giảm giờ làm) với mục đích chính trị (ủng hộ cách mạng Trung Quốc). Họ đã có sự thông cảm với những người cùng cảnh ngộ trên thế giới.	
GV kết luận: Như vậy, sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển sôi nổi, phong phú với nhiều loại hình mới: phong trào đâú tranh của giai cấp tư sản, tiểu tư sản và công nhân, họ đều muốn đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ và đòi quyền lợi cho giai cấp mình.		

5. Củng cố

- Trình bày những ảnh hưởng to lớn của cách mạng thế giới đối với cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

- Mục tiêu, tính chất, tác dụng, hạn chế của phong trào dân chủ công khai (GV gợi ý để HS trả lời).
- Em trình bày về cuộc đấu tranh của công nhân hãng đóng tàu Ba Son (Sài Gòn). Theo em, phong trào này có điều gì mới so với các phong trào công nhân Việt Nam trước đó?

6. Bài tập

- Căn cứ vào đâu để khẳng định phong trào công nhân nước ta phát triển lên một bước cao hơn sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (GV gợi ý để HS trả lời).
- Phong trào phát triển sôi nổi hơn, ý thức giai cấp cao hơn.
- Có tổ chức hơn "công hội" bí mật (Sài Gòn).
- Chuyển từ đấu tranh kinh tế sang kết hợp giữa đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị.



Bài 16 HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM (1919 -1925)

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc (1911 – 1920).
- Sau gần 10 năm bôn ba hải ngoại, Người đã tìm thấy chân lý cứu nước, sau đó người tích cực chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Hiểu được chủ trương và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

2. Tư tưởng

Giáo dục cho HS lòng khâm phục, kính yêu lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các chiến sĩ cách mạng.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng quan sát tranh ảnh và trình bày một vấn đề lịch sử bằng bản đồ.
- Bước đầu rèn luyện cho HS cách phân tích, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Lược đồ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước.
- Tài liệu và tranh ảnh về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
- Băng hình về Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước (nếu có điều kiện).

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Căn cứ vào đâu để khẳng định phong trào công nhân nước ta phát triển lên một bước cao hơn sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.
- Cuộc bãi công của công nhân hãng đóng tàu Ba Son (8/1925) có điểm gì mới hơn so với các phong trào công nhân trước đó ở nước ta?

3. Giới thiệu bài mới

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo và bế tắc về đường lối, nhiều chiến sĩ đã ra đi tìm đường cứu nước nhưng không thành công. Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục và trân trọng các bậc tiền bối, nhưng Người không đi theo con đường mà nhiều chiến sĩ đương thời đã đi. Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911), Người đã tìm ra con đường cách mạng đúng đắn, cứu dân tộc thoát khỏi vòng nô lệ. Sau một thời gian bôn ba khắp năm châu, bốn bể

(1911 – 1917), cuối 1917 Người từ Anh trở về Pháp, rồi sau đó sang Liên Xô, trở về Trung Quốc và thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tiền thân của Đảng CSVN.

Hôm nay chúng ta học bài: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925.

4. Bài mới

Tiết 1
NGUYỄN ÁI QUỐC Ở PHÁP (1917 – 1923)

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
Sau khi giới thiệu bài mới, GV có thể cho HS xem một đoạn băng hình về những hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (nếu có điều kiện). Nếu không thì dùng một số hình ảnh về Nguyễn Ái Quốc để giới thiệu cho HS. – Sau đó yêu cầu HS đọc SGK, mục I và đặt câu hỏi: Em hãy trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 – 1920).	Trả lời: – Sau khi Chiến tranh thế giới kết thúc, các nước đế quốc thắng trận họp nhau tại Vécxai để chia phần. Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị một bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận quyền tự do, bình đẳng, quyền tự quyết của Việt Nam, tuy không được chấp nhận nhưng bản yêu sách đó có tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân thuộc địa.	**I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923)** – 18/6/1919 Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai bản yêu sách đòi quyền tự do, bình đẳng, tự quyết của dân tộc Việt Nam.
	– Tháng 7/1920, Người đọc *Sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, Người nhận biết ngay đó	– Tháng 7/1920, Người đọc sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Người nhận biết ngay

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	là chân lý của cách mạng.	đó là chân lý của cách mạng.
	– Người hoàn toàn tin theo Lênin, dứt khoát đứng về Quốc tế thứ ba.	
	– Tháng 12/1920, trong Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp ở thành phố Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, tin theo Lênin, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.	– Tháng 12/1920, Người tham gia Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp ở Tua. + Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba. + Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.
	– Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động cách mạng của Người. Người từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đã đến với chủ nghĩa Mac Lênin, đi theo con đường cách mạng vô sản.	+ Người từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến với chủ nghĩa Mac Lênin.
GV giới thiệu với HS hình 28, Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua (12/1920) hoặc toàn cảnh Đại hội Tua và chân dung của Người thời kì này (tìm trong cuốn *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, NXBGD, H,		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
1998, tr 244 và 246).		
Hỏi: Sau khi tìm thấy chân lý cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động gì ở Pháp? (1921 → 1923).	Trả lời: – Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng CS Pháp, Người cùng một số nhà lãnh đạo cách mạng thuộc địa đã sáng lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pari để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. – Truyền bá chủ nghĩa Mac Lênin vào các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.	– Năm1921, Người sáng lập ra *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pari để đoàn kết lực lượng đấu tranh và truyền bá chủ nghĩa Mac – Lênin vào thuộc địa.
	– Năm 1922, *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* cho ra đời tờ báo "Le Paria" – "Người cùng khổ" do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm (kiêm chủ bút) đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh.	– Năm 1922, Người sáng lập ra báo "Người cùng khổ" để truyền bá những tư tưởng cách mạng mới vào thuộc địa, trong đó có Việt Nam.
GV minh hoạ thêm: Báo "Le Paria" - "Người cùng khổ" là cơ		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
quan ngôn luận của *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa*, số báo đầu tiên phát hành ngày 1/4/1922 đến 1926 đã phát hành trước 38 số, mỗi số in từ 1.000 đến 5.000 bản, trong đó một nửa số báo được gửi đi thuộc địa Pháp ở châu Phi và Đông Dương.		
	– Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc còn viết bài cho các báo "*Nhân đạo*" – cơ quan ngôn luận của Đảng CS Pháp, báo "*Đời sống công nhân*" của Tổng liên đoàn Lao động Pháp…và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. – Mặc dù bị ngăn cấm, các sách báo tiến bộ vẫn được truyền về trong nước.	– Nguyễn Ái Quốc viết bài cho báo "*Nhân đạo*", "*Đời sống công nhân*" và cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. – Những sách báo này được truyền về trong nước, thức tỉnh quần chúng đứng lên đấu tranh.
Hỏi: – Theo em, con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì mới và khác với lớp người đi trước? (GV hướng dẫn để HS trả lời).	Trả lời: – Hầu hết các chí sĩ đương thời sang các nước phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc) tìm đường cứu nước. – Nguyễn Ái Quốc sang	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV giải thích thêm: – Tại sao Nguyễn Ái Quốc sang phương Tây tìm đường cứu nước (đầu tiên là sang Pháp). – Người rất mẫn cảm về chính trị, Người rất trân trọng và khâm phục các chiến sĩ tiền bối, nhưng Người không tán thành con đường của bất kì người nào. – Người hiểu rằng: Chân lý cách mạng không phải ở phương Đông mà là ở phương Tây, các nước phương Tây giàu lên, mạnh lên nhờ con đường tư bản chủ nghĩa – con đường nhiều triển vọng (trước cách mạng XHCN	phương Tây (sang Pháp) rồi sau đó đi vòng quanh thế giới để tìm đường cứu nước. – Các chí sĩ trước Nguyễn Ái Quốc là 2 cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều không thành đạt, không tìm thấy con đường cứu nước chân chính cho dân tộc.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
tháng Mười Nga 1917, xã hội tư bản là tiến bộ hơn tất cả các xã hội trước đó), có khoa học kĩ thuật và văn minh phát triển. – Người nhận thức rõ rằng: Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, Người sang Pháp để tìm hiểu: Nước Pháp có thực sự "Tự do, bình đẳng, bác ái" hay không? Nhân dân Pháp sống như thế nào? sau đó Người sang Anh, Mĩ, đi vòng quanh thế giới tìm hiểu, tìm ra con đường cách mạng chân chính cho dân tộc.		

5. Củng cố

- Em hãy trình bày những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Pháp?
- Em giải thích vì sao Nguyễn Ái Quốc lại không sang phương Đông, mà Người lại sang phương Tây tìm đường cứu nước? (sang Pháp đầu tiên, GV gọi HS giỏi và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi này, HS trình bày bằng lược đồ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước).

Tiết 2

NGUYỄN ÁI QUỐC HOẠT ĐỘNG Ở LIÊN XÔ VÀ TRUNG QUỐC (1923 – 1925)

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Em hãy trình bày những hoạt động Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 – 1924)?	Trả lời: – Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, Người được bầu vào BCH, sau đó Người ở lại Liên Xô một thời gian, vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập.	**II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)** – Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân.
	– Tại Đại hội V của quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa.	– Năm 1924, Người dự Đại hội V của Quốc tế cộng sản, Người đọc bản tham luận về vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa.
	– Mối quan hệ giữa phong trào công nhân các nước đế quốc và phong trào cách mạng ở thuộc địa.	– Mối quan hệ giữa phong trào công nhân chính quốc và thuộc địa.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	– Vai trò và sức mạnh to lớn của nông dân thuộc địa.	– Vai trò to lớn của nông dân thuộc địa.
Hỏi: – Những quan điểm cách mạng mới Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được và truyền về trong nước sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất có vai trò quan trọng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?	Trả lời: – Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin về cách mạng giải phóng thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận và truyền về trong nước là bước chuẩn bị quan trọng về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.	– Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
GV kết luận: Như vậy, sau khi tìm thấy con đường cách mạng chân chính cho dân tộc – cách mạng vô sản: Nguyễn Ái Quốc chuyên tâm hoạt động theo hướng đó. Từ 1920 → 1924, Người đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của ĐCSVN. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.		
GV yêu cầu HS đọc	Trả lời:	**III. Nguyễn Ái Quốc ở**

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
SGK mục III và đặt câu hỏi: – Em hãy nêu những hoạt động chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?	– Sau một thời gian ở Liên Xô học tập kinh nghiệm xây dựng Đảng kiểu mới và thành lập chính quyền Xô viết	**Trung Quốc (1924 - 1925)** ***1. Sự thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên***
	– Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu – Trung Quốc.	
	– Người tiếp xúc với những nhà cách mạng Việt Nam có mặt ở đây, cùng với một số thanh niên ở trong nước sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó có hạt nhân là Cộng sản đoàn làm nòng cốt (6/1925).	– Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925), tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, có hạt nhân là Cộng sản đoàn.
GV minh họa: Tháng 12/1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu – Trung Quốc, Người đã cải tổ tổ chức Tâm tâm xã thành tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN), có hạt nhân là Cộng sản đoàn, gồm 7 đồng chí: Lê		

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lưu Quốc Long, Trương Văn Lĩnh, Lê Quang Đạt, Lâm Đức Thụ. – Lúc đầu, tổ chức VNCMTN gồm 90% là tiểu tư sản trí thức, chỉ có 10% là công nhân. (*Các tổ chức tiền thân của Đảng*, BNC LSĐTN H, 1997, tr 279).		
Hỏi: – Em hãy cho biết những hoạt động chủ yếu của tổ chức VNCMTN?	Trả lời: – Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo những cán bộ nòng cốt cho cách mạng. – Một số người được chọn đi học trường Quân sự ở Liên Xô và Trung Quốc. – Phần lớn sau khi kết thúc các khoá đào tạo (khoảng 2 → 3 tháng) các cán bộ cách mạng được đưa về nước hoạt động.	***2. Hoạt động*** *a. Huấn luyện* – Tổ chức VNCMTN rất chú ý công tác huấn luyện cán bộ cách mạng. – Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở các lớp huấn luyện, sau đó đưa cán bộ về hoạt động trong nước. – Một số người được chọn đi học trường Đại học Phương Đông và trường Quân sự ở Liên Xô và Trung Quốc.
GV minh hoạ thêm: – Từ năm 1925 → 1927 HVNCMTN đã tổ chức		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
được trên 10 lớp huấn luyện, với khoảng trên 200 hội viên. Mỗi lớp kéo dài khoảng 2 đến 3 tháng. Giảng viên chính là Nguyễn Ái Quốc, giảng viên phụ là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. – Cuối năm 1928, với phong trào "vô sản hoá" HVNCMTN đã tích cực đưa các hội viên vào các đồn điền, nhà máy, hầm mỏ để truyền bá chủ nghĩa Mac Lênin vào phong trào cách mạng. Mặt khác, hội viên được đào luyện trong đấu tranh, lập trường cách mạng kiên định, ý thức giai cấp nâng cao hơn. Nhờ vậy, cách mạng trong nước phát triển mạnh hơn.		
Hỏi: – Ngoài công tác huấn luyện, HVNCMTN còn chú ý đến công tác gì?	Trả lời: – Báo *Thanh niên* được xuất bản (6/1925) là cơ quan ngôn luận của HVNCMTN.	*b. Tuyên truyền* – Báo *Thanh niên* xuất bản tháng 6/1925. – Năm 1927, tác phẩm "*Đường Cách mệnh*" xuất bản đã vạch rõ những phương hướng cơ

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
		bản của cách mạng giải phóng dân tộc.
	– Cuốn *"Đường Cách mệnh"* của Nguyễn Ái Quốc (1927) tập hợp tất cả các bài giảng của Người ở Quảng Châu	– Báo Thanh niên và cuốn "*Đường Cách mệnh*" được bí mật truyền về trong nước, thúc đẩy nhân dân đứng lên đấu tranh.
	– Nội dung của cuốn "*Đường Cách mệnh*":	– Đầu 1929, HVNCMTN đã có cơ sở khắp toàn quốc, các tổ chức quần chúng xuất hiện: công hội, nông hội.
	+ Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra những phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc.	– HVNCMTN có vai trò quan trọng chuẩn bị tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.
	+ Báo *Thanh niên* và tác phẩm "*Đường Cách mệnh*" được bí mật truyền về trong nước, đây là những luồng gió mới thúc đẩy phong trào cách mạng trong nước phát triển sôi nổi hơn, mạnh mẽ hơn.	
	– Đến trước Đại hội lần thứ nhất của HVNCMTN (5/1929) Hội đã có cơ sở hầu khắp trong nước,	

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
GV minh hoạ thêm: – Địa bàn hoạt động của HVNCMTN được mở rộng trong toàn quốc (1929), Hội đã tăng cường truyền bá chủ nghĩa Mac Lênin và chủ trương đường lối của Hội thúc đẩy phong trào cách mạng chuyển nhanh theo xu hướng cách mạng vô sản, Hội đóng vai trò tích cực chuẩn bị, tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở Việt Nam.	nhiều đoàn thể quần chúng ra đời: công hội, nông hội, HS hội.	

5. Củng cố

- Em hãy nêu những hoạt động chủ yếu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, Liên Xô, và Trung Quốc.
- Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (GV gợi ý để HS trả lời).
- Người đã thành lập HVNCMTN, tiền thân của ĐCSVN sau này, trong tổ chức có hạt nhân là *Cộng sản đoàn*.
- Nguyễn Ái Quốc tổ chức các lớp huấn luyện chính trị để đào luyện cán bộ cách mạng.

- Báo *Thanh niên* và cuốn "*Đường Cách mệnh*" tuyên truyền những tư tưởng cách mạng mới – cách mạng vô sản, thúc đẩy quần chúng đấu tranh.

6. Bài tập

Việc thành lập *Cộng sản đoàn* làm nòng cốt cho HVNCMTN có ý nghĩa gì? (GV gợi ý để HS trả lời).

- Đó là những hạt nhân nòng cốt chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng, bởi vì tổ chức VNCMTN là một tổ chức yêu nước, có khuynh hướng vô sản, với 90% là tiểu tư sản trí thức. Trong cương lĩnh hoạt động HVNCMTN tự nhận là đại diện cho giai cấp vô sản Việt Nam.
- Em hãy lập niên biểu: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến 1925 theo mẫu dưới đây.

Thời gian	*Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc*
1911	
18/6/1919	
7/1920	
12/1920	
1921	
1922	
6/1923	
12/1924	
6/1925	

Bài 17 CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được:

- Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam, đó chính là hoàn cảnh lịch sử dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cách mạng ở trong nước *Tân Việt Cách mạng Đảng* (TVCMĐ) và *Việt Nam Quốc dân Đảng* (VNQDĐ).
- Chủ trương và hoạt động của hai tổ chức cách mạng này, sự khác biệt giữa các tổ chức cách mạng này với HVNCMTN.
- Sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam đã dẫn tới sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Đó là mốc đánh dấu sự phát triển mới của cách mạng nước ta.

2. Tư tưởng

- Qua các sự kiện lịch sử, giáo dục cho HS lòng kính yêu và khâm phục các bậc tiền bối, quyết tâm phấn đấu hy sinh cho độc lập dân tộc.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ và kĩ năng nhận định, đánh giá, phân tích khách quan những sự kiện lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Lược đồ khởi nghĩa Yên Bái.
- Một số hình ảnh về *Tân Việt Cách mạng Đảng*, *Việt Nam Quốc dân Đảng* và 3 tổ chức cộng sản.
- Chân dung các nhân vật lịch sử: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.
- Tại sao nói: Nguyễn Ái Quốc là người trực tiếp chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?
- GV dành thời gian chữa bài tập của tiết trước.

3. Giới thiệu bài mới

Năm 1925 đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, 3 tổ chức cách mạng đã lần lượt ra đời: HVNCMTN (1925), do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, TVCMĐ có nguồn gốc từ Hội Phục Việt (11/1925) đến tháng 7/1928 chính thức thành lập và VNQDĐ (12/1927).

Sau đó đến nửa cuối năm 1929, do sự phân hoá của *Tân Việt Cách mạng Đảng*, sự trưởng thành của HVNCMTN và sự tan rã của VNQDĐ, 3 tổ chức cộng sản đã ra đời ở Việt Nam.

Hôm nay chúng ta học bài: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 -1927)**
– Em hãy trình bày về phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1926 – 1927?	Trả lời: – Trong hai năm 1926 – 1927, liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh của công nhân viên chức và HS học nghề.	***1. Phong trào công nhân*** – Công nhân và HS học nghề liên tiếp nổi dậy đấu tranh: Dệt Nam Định, đồn điền cao su Phú Riềng,...

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	+ Công nhân Dệt Nam Định, đồn điền cao su Phú Riềng, đồn điền cà phê Rayna (Thái Nguyên).	– Phong trào phát triển với quy mô toàn quốc: + Công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng, dệt Nam Định, đóng tàu Ba Son,…
	– Phong trào công nhân đã phát triển với quy mô toàn quốc, có nhiều cuộc đấu tranh nổ ra từ Bắc chí Nam: công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy Dệt Nam Định, nhà máy Diêm, nhà máy Cưa Bến Thuỷ, xe lửa Tràng Thi, sửa chữa ôtô Avia Hà Nội, Ba Son (Sài Gòn), đồn điền Phú Riềng. – Các cuộc đấu tranh đều mang tính chất chính trị, vượt ra ngoài quy mô một xưởng, bước đầu liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương, trình độ giác ngộ của công nhân được nâng lên một bước.	– Các cuộc đấu tranh đều mang tích chất chính trị, vượt ra ngoài quy mô một xưởng, liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương. – Trình độ giác ngộ của công nhân được nâng lên, họ đã trở thành lực lượng chính trị độc lập.
GV minh hoạ thêm: Từ năm 1926 → 1927 toàn quốc đã nổ ra 27 cuộc đấu tranh của		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
công nhân. Họ nhằm 2 mục đích: – Tăng lương 20 → 40%. – Đòi ngày làm 8 giờ như công nhân Pháp.		
Hỏi: Phong trào yêu nước thời kì này phát triển như thế nào?	Trả lời: – Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân, phong trào đấu tranh của nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân khác cũng phát triển và kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ khắp cả nước.	***2. Phong trào yêu nước (1926 - 1927)*** – Phong trào đấu tranh của nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân đã kết thành một làn sóng chính trị khắp cả nước.
Hỏi: – Theo em, phong trào cách mạng nước ta trong những năm 1926 – 1927 có điểm gì mới so với thời gian trước đó? (GV hướng dẫn để HS trả lời).	Trả lời: – Phong trào công nhân, nông dân, tiểu tư sản đã kết thành làn sóng đấu tranh rộng lớn khắp toàn quốc, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập. (Phong trào đấu tranh mang tính thống nhất, giác ngộ giai cấp ngày càng cao).	
GV kết luận: – phong trào cách mạng		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
trong nước phát triển mạnh như vậy, đó là điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cách mạng ra đời ở Việt Nam.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:	p	
– Em hãy trình bày sự ra đời của tổ chức *Tân Việt Cách mạng Đảng*.	Trả lời: – Đầu những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào yêu nước dân chủ phát triển mạnh mẽ, Hội Phục Việt đã ra đời (11/1925) bao gồm: một số sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị cũ ở Trung kì, họ hoạt động trong phong trào đòi thả Phan Bội Châu, sau nhiều lần đổi tên, cuối cùng họ quyết định lấy tên là *Tân Việt Cách mạng Đảng* (7/1928).	**II. *Tân Việt Cách mạng Đảng* (7/1928)** ***1. Sự thành lập*** – Nguồn gốc: + Từ Hội Phục Việt được thành lập từ 7/1925. + Sau lần đổi tên, đến tháng 7/1928 chính thức mang tên *Tân Việt Cách mạng Đảng*. + Lúc đầu là tổ chức yêu nước, lập trường giai cấp chưa rõ ràng.
GV minh hoạ: Trong thời kì đầu mới thành lập *Tân Việt Cách mạng Đảng* là tổ chức yêu nước, chưa có		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
lập trường giai cấp rõ ràng, họ cho rằng: chủ nghĩa cộng sản quá cao, chủ nghĩa "Tam dân" của Tôn Trung Sơn quá thấp. (Nhượng Tống – *Tân Việt Cách mạng Đảng* Việt Nam thư xã xuất bản, 1945, tr 22).		
Hỏi: – *Tân Việt Cách mạng Đảng* phân hoá trong hoàn cảnh nào?	Trả lời: – Tân Việt tập hợp những trí thức yêu nước, tổ chức TVCMĐ ra đời khi tổ chứcVNCMTN đã phát triển mạnh về lý luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin, tổ chức này có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của TVCMĐ.	***2. Sự phân hoá*** – *Tân Việt Cách mạng Đảng* ra đời khi tổ chức VNCMTN đã phát triển mạnh về lý luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin.
	– Cuộc đấu tranh gay gắt đã diễn ra trong nội bộ TVCMĐ giữa hai khuynh hướng vô sản và tư sản. Cuối cùng khuynh hướng vô sản đã thắng thế, nhiều đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang HVNCMTN, tích cực chuẩn bị cho sự thành lập	– Tổ chức VNCMTN đã có sức hút mạnh mẽ với Tân Việt, nhiều người xin gia nhập HVNCMTN.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác Lênin.	
GV minh hoạ thêm: – TVCMĐ đã nhiều lần cử người sang Quảng Châu xin hợp nhất với VNCMTN nhưng không thành, và ngược lại VNCMTN cũng phái người về nước bàn hợp nhất với TVCMĐ những không thành, do hai tổ chức không đánh giá đúng vai trò của mỗi bên, cũng như quyền lãnh đạo tổ chức hợp nhất. Nhưng sau này lập trường của TVCMĐ chuyển mạnh sang khuynh hướng cách mạng vô sản.		
GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi:		**III. *Việt Nam Quốc dân Đảng* (1927) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)**
– Em trình bày về tổ chức *Việt Nam Quốc dân Đảng*?	Trả lời: – Nguồn gốc: + Từ nhóm *Nam Đồng thư xã*, nhà xuất bản tiến bộ tập hợp một nhóm thanh niên yêu nước chưa có đường lối chính	***1. Việt Nam Quốc dân Đảng (1927)*** *a. Sự thành lập* – Nguồn gốc từ nhóm Nam Đồng thư xã – nhà xuất bản tiến bộ.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	trị rõ rệt.	
	+ Do ảnh hưởng của phong trào cách mạng trong nước và ảnh hưởng “chủ nghĩa Tam dân” của Tôn Trung Sơn dẫn đến sự ra đời của *Việt Nam Quốc dân Đảng* (VNQDĐ) ngày 25/12/1927.	– Ngày 25/12/1927, *Việt Nam Quốc dân Đảng* ra đời.
	– Lãnh đạo: Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.	– Lãnh đạo: Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu,…
	– Xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại diện cho quyền lợi của tư sản dân tộc.	– Xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại diện quyền lợi cho tư sản dân tộc.
	– Thành phần: HS, sinh viên, công chức, tư sản lớp dưới làm nghề tự do và một số nông dân khá giả, thân hào địa chủ, binh lính.	– Thành phần: Tiểu tư sản trí thức, tư sản lớp dưới, thân hào địa chủ, phú nông, binh lính.
GV giải thích thêm: “Chủ nghĩa Tam dân” của Tôn Trung Sơn là “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”.		
Hỏi:	Trả lời:	*b. Hoạt động*
Em hãy trình bày hoạt	– Ngày 9/2/1929,	– Thiên về ám sát cá

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
động của *Việt Nam Quốc dân Đảng* trước khởi nghĩa Yên Bái?	VNQDĐ đã ám sát tên trùm mộ phu đồn điền Ba-danh. – Sau đó thực dân Pháp tiến hành vây ráp, bắt bớ, gần 1.000 đảng viên bị bắt, nhiều cơ sở bị phá vỡ, cán bộ từ trung ương đến địa phương hầu như đều bị sa lưới giặc. – Trước tình hình đó, VNQDĐ đã tiến hành khởi nghĩa.	nhân. + Vụ ám sát tên trùm mộ phu đồn điền Ba-danh (9/2/1929). – Sau đó tổ chức hầu như bị "trốc gốc", nhưng vẫn quyết định khởi nghĩa.
GV minh hoạ thêm: Trước sự khủng bố khốc liệt của kẻ thù, những người lãnh đạo VNQDĐ quyết định sống mái với quân thù, với phương châm 'không thành công thì cũng thành nhân" – âu là chết đi để làm gương cho người sau phấn đấu. Họ biết khó có thể thành công nhưng vẫn "liều một phen".		
Hỏi: Em hãy trình bày về cuộc khởi nghĩa Yên Bái (GV chọn HS giỏi	Trả lời: – Khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ đêm 9/2/1930 tại Yên Bái, sau đó là	***2. Khởi nghĩa Yên Bái (1930)*** – Khởi nghĩa bùng nổ đêm 9/2/1930, nghĩa

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
trình bày vấn đề này bằng lược đồ).	Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nội có ném bom phối hợp.	quân không chiếm được tỉnh lị, chỉ chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số lính Pháp.
	– Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lị. Hôm sau bị Pháp phản công tiêu diệt 10/2/1930.	– Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, ngày 10/2/1930, khởi nghĩa thất bại. – Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông bị xử tử.
	– Ở các nơi khác, quân khởi nghĩa cũng chỉ làm chủ được mấy huyện lị nhưng sau đó bị địch phản công chiếm lại. Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông bị xử tử.	
GV minh hoạ thêm: Nhận định về cuộc khởi nghĩa Yên Bái, đồng chí Lê Duẩn – nguyên Tổng bí thư Đảng CSVN đã nói: "Khởi nghĩa Yên Bái chỉ là một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn, không bao giờ		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
ngóc lên nổi. Khẩu hiệu: "không thành công cũng thành nhân" biểu lộ tính hấp tấp, tiểu tư sản, tính hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc non yếu của phong trào tư sản". (Lê Duẩn – *một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, NXB Sự thật, H, 1959, tr 41).		
Hỏi: – Vì sao cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại nhanh chóng?	Trả lời: – Nguyên nhân khách quan: Thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp cuộc khởi nghĩa vừa đơn độc, vừa non kém, không vững chắc về tổ chức và lãnh đạo. – Thiếu cơ sở trong quần chúng công nông, cơ sở chủ yếu là binh lính. – Để cả bọn mật thám nguyên hình chui vào Đảng, phá Đảng từ trong phá ra cho nên khởi nghĩa thất bại nhanh chóng.	* *Nguyên nhân thất bại:* – Khách quan: Thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp một cuộc khởi nghĩa địa phương, non yếu. – Chủ quan: + Lãnh đạo không thống nhất, non yếu. + Công tác tổ chức thiếu thận trọng, để cả bọn mật thám nguyên hình chui vào Đảng, phá Đảng từ trong phá ra. + Thiếu cơ sở quần

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV minh hoạ thêm: – Kế hoạch của VNQDĐ là đánh vào các đô thị lớn, những trung tâm quân sự của Pháp. – Lực lượng chủ yếu là binh lính. – Vũ khí tự chế tạo và cướp của giặc. – Các xưởng chế bom chế được hàng ngàn quả bom xi măng, ngoài ra còn rèn dao, kiếm, mã tấu, cất giấu ở những nơi kín đáo. – Giữa lúc chuẩn bị khởi nghĩa khẩn trương thì khi chế tạo bom do sơ suất làm chết 3 đảng viên ở Bắc Ninh và vụ ám sát tên Ba-danh (9/2/1929) làm cho Pháp tăng cường đàn áp, dẫn đến VNQDĐ bạo động non. GV yêu cầu HS đọc SGK mục IV và đặt câu hỏi:		chúng.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
– Em hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929?	Trả lời: – Từ cuối 1928 đến đầu 1929, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh.	**IV. Ba tổ chức cộng sản Đảng nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929** ***1. Hoàn cảnh*** – Cuối 1928 → đầu 1929 phong trào cách mạng trong nước phát triển mạnh.
	– Yêu cầu cấp thiết của phong trào là cần thành lập ngay một Đảng CS để tổ chức công nông và các lực lượng khác đứng lên chống đế quốc và phong kiến.	
	– Cuối tháng 3/1929, chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời tại số nhà 5Đ phố Hàm Long, gồm có 7 người, tích cực chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng.	– Yêu cầu cấp thiết của phong trào là cần thành lập ngay một Đảng CS để lãnh đạo cách mạng.
	– Tháng 5/1929, tại Đại hội lần thứ nhất của tổ chức VNCMTN, các hội viên của kì bộ "*Thanh niên*" Bắc kì (viết tắt của tổ chức *Việt Nam Cách mạng Thanh niên*) đã yêu cầu phải thành lập ngay một tổ chức cộng sản ở Việt Nam, yêu cầu chính đáng đó không được chấp nhận, đoàn đại biểu thanh niên Bắc kì tuyên bố ly khai Đại hội. Về	– Tháng 3/1929, Chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời tại số nhà 5Đ, phố Hàm Long, Hà Nội. – Tháng 5/1929, tại Đại hội lần thứ nhất của tổ chức Thanh niên Đoàn đại biểu Thanh niên Bắc kì tuyên bố ly khai Đại hội.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	trong nước họ kêu gọi nhân dân ủng hộ chủ trương thành lập Đảng.	
Hỏi: Tại sao đoàn Đại biểu thanh niên Bắc kì lại bỏ ĐH ra về?	Trả lời: – Do yêu cầu chính đáng của họ không được chấp nhận. – Điều kiện thành lập Đảng đã chín muồi tại Bắc kì. – Nếu không thành lập Đảng Cộng sản thì lãnh đạo sẽ bất cập với phong trào.	
GV minh hoạ thêm: – 7 người của chi bộ cộng sản đầu tiên là: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Cung, Đỗ Ngọc Du, Dương Hạc Đính, Nguyễn Tuân.		
Hỏi: – Em hãy trình bày sự ra đời của *Đông Dương Cộng sản Đảng*?	Trả lời: – Sau khi bỏ đại hội ra về, ngày 17/6/1929, đại biểu các tổ chức cơ sở đảng ở Bắc kì họp ĐH, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, thông qua bản tuyên ngôn và Điều lệ	***2. Sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam*** *a. Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929)* – Sau khi bỏ ĐH ra về, đoàn đại biểu Thanh niên Bắc kì tuyên bố thành lập *Đông Dương*

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Đảng, ra báo "Búa liềm" cơ quan ngôn luận của Đảng.	*Cộng sản Đảng*: 17/6/1929, tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội.
Hỏi: – Em hãy trình bày sự ra đời của *An Nam Cộng sản Đảng*?	Trả lời: – Sau khi *Đông Dương Cộng sản Đảng* tuyên bố thành lập: Tổng bộ Thanh niên và các hội viên thanh niên Nam kì cũng tuyên bố thành lập *An Nam Cộng sản Đảng* ở Hương Cảng Trung Quốc.	*b. An Nam Cộng sản Đảng (8/1929)* – 8/1929, *An Nam Cộng sản Đảng* ra đời tại Hương Cảng Trung Quốc.
Hỏi: *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* ra đời như thế nào?	Trả lời: – Hai tổ chức cộng sản nói trên ra đời đã tác động mạnh mẽ đến nội tình của tổ chức TVCMĐ. Cho nên tổ chức này tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* 9/1929.	*c. Đông Dương Cộng sản liên đoàn* – *Đông Dương Cộng sản Đảng* và *An Nam Cộng sản Đảng* ra đời đã tác động mạnh mẽ đến TVCMĐ. – 9/1929, *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* tuyên bố thành lập tại Hà Tĩnh.
GV kết luận: Như vậy, chỉ trong vòng 4 tháng, ở Việt Nam đã		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
có tới 3 tổ chức cộng sản ra đời. Sự kiện đó đã khẳng định bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng: hệ tư tưởng cộng sản đã dành được ưu thế trong phong trào dân tộc, nó chứng tỏ điều kiện thành lập Đảng Cộng sản hoàn toàn chín muồi trong cả nước. Xu thế ra đời của tổ chức cộng sản là tất yếu.		

5. Củng cố

- Em hãy trình bày về phong trào cách mạng Việt Nam 1926 – 1927?
- Sự ra đời và phân hoá của tổ chức *Tân Việt Cách mạng Đảng*?
- Nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

6. Bài tập

- Em hãy lập bảng so sánh về 3 tổ chức cách mạng xuất hiện ở Việt Nam (1925 – 1927) theo mẫu dưới đây:

So sánh 3 tổ chức cách mạng xuất hiện ở Việt Nam (1925 – 1927):

Thời gian	*Tên của tổ chức cách mạng*	*Thành phần*	*Phương châm hoạt động*	*Mục đích đấu tranh*
6/1925	*Hội Việt Nam*	Tiểu tư sản	Đi sâu vào quần	Sau khi đánh đổ

	Cách mạng Thanh niên	trí thức yêu nước (lớp dưới)	chúng công nông để gây dựng cơ sở cách mạng, tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh	ách thống trị đế quốc phong kiến và tư bản sẽ đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa cộng sản
Từ 7/1925 đến 7/1928	*Tân Việt Cách mạng Đảng*.	Tiểu tư sản trí thức (bậc trung) + chính trị phạm ở Trung kì.	Đi sâu vào quần chúng công nông để gây dựng cơ sở cách mạng, tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh.	Sau khi làm cách mạng thành công, sẽ đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa cộng sản.
25/12/1927	*Việt Nam Quốc dân Đảng*.	Tiểu tư sản trí thức (lớp trên) tư sản, hào phú, binh lính.	– Bạo động, ám sát cá nhân. – Cơ sở chủ yếu là binh lính, hầu như không có cơ sở công nhân.	Sau khi cách mạng thành công sẽ đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa tư bản.

- Lập Liên biểu về sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam (1929):

Thời gian	*Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản*	*Ý nghĩa lịch sử*
6/1929	*Đông Dương Cộng sản Đảng* ra đời tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội.	Đó là bước nhảy vọt mới của cách mạng Việt Nam. Điều kiện thành lập ĐCS đã chín muồi tại Bắc kì.
8/1929	*An Nam Cộng sản Đảng* ra đời tại Hương Cảng – Trung Quốc.	Chứng tỏ xu hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng lôi cuốn đông đảo hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
9/1929	*Đông Dương Cộng sản liên đoàn* ra đời tại Trung kì (Hà Tĩnh).	Chứng tỏ: điều kiện thành lập ĐCS đã chín muồi trong cả nước.

Chương II

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1939

Bài 18 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được những kiến thức cơ bản sau:

- Hoàn cảnh lịch sử, nội dung chủ yếu, ý nghĩa lịch sử của hội nghị thành lập Đảng.
- Nội dung chính của *Luận cương chính trị* tháng 10/1930

2. Tư tưởng

- Thông qua những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, phấn đấu không mệt mỏi cho sự ra đời của Đảng và hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930). Giáo dục cho HS lòng biết ơn và kính yêu đối với chủ tich Hồ Chí Minh, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng tranh ảnh lịch sử, lập niên biểu lịch sử và biết phân tích, đánh giá, nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Tranh ảnh lịch sử: số nhà 5Đ phố Hàm Long, Hà Nội, chân dung lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Trần Phú (1930) và một số đông chí dự hội nghị thành lập Đảng.
- Các tài liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú và một số cán bộ tiền bối của Đảng.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy nêu sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1926 – 1927?
- Tại sao đa số hội viên của *Tân Việt Cách mạng Đảng* lại gia nhập tổ chức VNCMTN?
- Tại sao chỉ trong 4 tháng ở Việt Nam đã có 3 tổ chức cộng sản ra đời? (GV dành thời gian để chữa bài tập tiết trước).

3. Giới thiệu bài mới

Nửa cuối năm 1929 ở Việt Nam có tới 3 tổ chức cộng sản ra đời, họ cùng chung một mục đích là phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Nhưng trong lãnh đạo đấu tranh, họ hay đố kị, khích bác lẫn nhau, có những lúc tranh dành cả đảng viên và quần chúng của nhau. Nhưng trước sự khủng bố của kẻ thù, họ lại xích lại gần nhau, che đỡ cho nhau. Tình trạng đó cần phải giải quyết gấp, Nguyễn Ái Quốc đã xuất hiện rất đúng lúc. Đầu năm 1930, Người đã có công lớn thống nhất các lực lượng cộng sản ở Việt Nam (3/2/1930). Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Hôm nay chúng ta học bài *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời*.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)**
– Em hãy trình bày hoàn cảnh lịch sử dẫn đến sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930)?	Trả lời: – Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản (cuối 1929) là xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam. – Các cơ sở Đảng đã	***1. Hoàn cảnh*** – Cuối 1929, 3 tổ chức cộng sản đã xuất hiện ở nước ta, lãnh đạo phong trào cách mạng. – Nhưng 3 tổ chức hoạt

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	xuất hiện ở nhiều địa phương để lãnh đạo công, nông đấu tranh.	động riêng rẽ, hay đố kị nhau, có những lúc tranh dành, ảnh hưởng với nhau.
	– Phong trào công nhân đã kết hợp chặt chẽ với nông dân để chống sưu cao, thuế nặng, chống cướp ruộng đất.	– Yêu cầu bức thiết của lịch sử lúc đó là phải thống nhất các lực lượng cộng sản ở Việt Nam.
	– Phong trào bãi khoá, bãi thị của HS và tiểu thương nổ ra liên tiếp, tạo nên làn sóng đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ khắp toàn quốc.	
	– Nhưng 3 tổ chức cộng sản lại hoạt động riêng rẽ, tranh dành, ảnh hưởng với nhau.	
	– Tình trạng đó cần phải giải quyết gấp, nếu không thì lực lượng cộng sản sẽ bị chia rẽ.	
	– Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó là phải thống nhất các lực lượng cộng sản thành một Đảng duy nhất.	
	– Trong hoàn cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc đã thống nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam	– Nguyễn Ái Quốc đã thống nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	thành một tổ chức cộng sản duy nhất, là Đảng Cộng sản Việt Nam.	
Hỏi: Em hãy trình bày về hội nghi thành lập Đảng 3/2/1930?	Trả lời: – Hội nghị thành lập Đảng được tiến hành từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930, tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc.	***2. Nội dung hội nghị thành lập Đảng*** – Hội nghị tiến hành từ 3 → 7/2/1930 tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc.
	– Nguyễn Ái Quốc được sự uỷ nhiệm của quốc tế cộng sản, Người đã từ Thái Lan về Hương Cảng, Trung Quốc để chủ trì hội nghị.	– Nội dung của hội nghị: + Nguyễn Ái Quốc đã kêu gọi các tổ chức cộng sản xoá bỏ mọi hiềm khích, thống nhất với nhau thành tổ chức cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
	– Tham gia hội nghị còn có 2 đại biểu của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, 2 đại biểu của *An Nam Cộng sản Đảng*, 2 đại biểu ở nước ngoài (Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu).	– Hội nghị thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.
	– Hội nghị đã nhất trí tán thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản ở	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Việt Nam thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. – Hội nghị đã thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. – Nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi.	
GV minh hoạ thêm: Đầu tháng 1/1930, trước nhu cầu cấp bách của phong trào cộng sản trong nước, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã từ Thái Lan về Cửu Long – Hương Cảng – Trung Quốc triệu tập hội nghị thành lập Đảng, tham dự hội nghị có 7 đại biểu. – Nguyễn Ái Quốc – đại biểu của Quốc tế cộng sản. – *Đông Dương Cộng sản Đảng* 2 đại biểu: Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh.		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
– *An Nam Cộng sản Đảng* 2 đại biểu: Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiện. – Hai đại biểu nước ngoài: Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. – Ngày 24/2/1930, *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* xin gia nhập *Đảng Cộng sản Việt Nam*.		
Hỏi: – Hội nghị thành lập Đảng có ý nghĩa quan trọng như thế nào?	Trả lời: – Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930 có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng. – *Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt,*…là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	***3. Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị thành lập Đảng*** – Nó có ý nghĩa như một đại hội. – *Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt,*…là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
GV minh họa thêm: Ba tổ chức cộng sản ra đời năm 1929 luôn công kích lẫn nhau, nhưng họ đều thấy rằng cần phải thống nhất. – Ngày 27/10/1929, Quốc tế cộng sản gửi những người cộng sản ở Đông Dương một bức thư yêu cầu các tổ chức		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
cộng sản phải chấm dứt chia rẽ và công kích nhau. Thực hiện chỉ thị này ĐDCSĐ cử người sang Hương Cảng bàn với ANCSĐ, không thành. Đang lúc khó khăn nhất thì Nguyễn Ái Quốc xuất hiện để thống nhất 3 Đảng Cộng sản.		
Hỏi: – Em hãy nêu nội dung chủ yếu của *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* (3/2/1930) do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.	Trả lời: – Đó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn.	***4. Nội dung của chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt…*** – Đó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc.
GV minh hoạ thêm: – *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* nêu rõ: + Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là phải tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa, 2 giai đoạn đó kế tiếp nhau.	– Vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam.	– Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam.
– Nhiệm vụ chiến lược: + Đánh đổ đế quốc, phong kiến và tư sản	– Mang tính chất dân tộc và giai cấp sâu sắc.	– Mang tính chất dân tộc và giai cấp sâu sắc.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập. – Xây dựng chính quyền công nông binh. – Quân đội: công nông. – Lực lượng cách mạng: công, nông, tiểu tư sản. – Cách mạng Việt Nam là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và sau đó đặt câu hỏi:		
– Em hãy nêu nội dung chủ yếu của *Luận cương chính trị* tháng 10/1930 của Đảng ta?	Trả lời: – Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 10/1930 họp tại Hương Cảng, Trung Quốc quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương và thông qua *Luận cương chính trị* cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú khởi thảo. – Luận cương khẳng định tính chất của cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân	**II. Luận cương chính trị (10/1930)** – Nội dung luận cương: + Đường lối chiến lược cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua tư bản chủ nghĩa. + Nhiệm vụ chiến lược: Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và chế độ phong kiến. + Phương pháp cách mạng: Khi tình thế cách mạng xuất hiện, lãnh đạo quần chúng vũ

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV giới thiệu hình 31: Đồng chí Trần Phú – Tổng bí thư đầu tiên của Đảng cho HS. Sau đó GV kết luận: – Luận cương chính trị tháng 10/1930 đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của cách mạng nhưng còn hạn chế nhất	quyền, sau đó bỏ qua tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. – Để thực hiện nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền, Đảng phải coi trọng việc vận động, tập hợp lực lượng, đại đa số quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh mọi quyền lợi trước mắt, đưa quần chúng lên trận tuyến cách mạng. – Khi tình thế cách mạng xuất hiện thì phát động quần chúng vũ trang bạo động đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị dành chính quyền công nông. – Đảng liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa, nhất là vô sản Pháp.	trang bạo động. – Lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản. + Lực lượng cách mạng là công nông. + Xây dựng chính quyền công nông. + Cách mạng Việt Nam gắn liền khăng khít với cách mạng thế giới.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
định: + Chưa nêu cao vấn đề dân tộc (hàng đầu). + Nặng đấu tranh giai cấp (cách mạng ruộng đất). + Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản, còn "tả khuynh", "giáo điều" qua một quá trình đấu tranh những nhược điểm đó mới được xoá bỏ. GV yêu cầu HS đọc SGK, mục III và đặt câu hỏi:		
– Em hãy nêu ý nghĩa của việc thành lập Đảng?	Trả lời: – Đó là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời kì mới. – Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa 3 yếu tố: chủ nghĩa Mác Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm đầu thế kỷ XX. – Đó là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của giai cấp	**III. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng** – Đó là tất yếu lịch sử, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa 3 yếu tố: chủ nghĩa Mác Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. – Đó là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. – Khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo Cách mạng. – Chấm dứt khủng

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	công nhân và cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng. – Chấm dứt thời kì khủng hoảng lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam. – Từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng. – Cách mạng Việt Nam gắn liền, khăng khít với cách mạng thế giới. - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên, tất yếu quyết định cho những bước nhảy vọt về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.	hoảng cách mạng. – Từ đây giai cấp công nhân Việt Nam nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng. – Cách mạng Việt Nam gắn liền khăng khít với cách mạng thế giới.

5. Củng cố

- Em hãy trình bày về Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930?
- Nội dung chủ yếu của luận cương cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú khởi thảo (10/1930).
- Em hãy nêu ý nghĩa thành lập *Đảng Cộng sản Việt Nam*?

6. Bài tập

Em hãy lập niên biểu các sự kiện chính trong quá trình hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ 1920 đến 1930, đó cũng là quá trình Người phấn đấu không mệt mỏi cho sự ra đời của Đảng.

Thời gian	Sự kiện
7/1920	Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Người nhận biết ngay đó là chân lý cách mạng.
12/1920	Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp ở thành phố Tua, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.
1921	Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà lãnh đạo cách mạng thuộc địa ở Pari thành lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* để truyền bá chủ nghĩa Mac Lênin vào thuộc địa, trong đó có Việt Nam.
1922	Người sáng lập ra báo "*Người cùng khổ*" để truyền bá những tư tưởng cách mạng mới vào thuộc địa, trong đó có Việt Nam.
6/1923 – 1924	Người từ Pháp đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội V của Quốc tế cộng sản, tìm hiểu kinh nghiệm thành lập Đảng và thành lập chính quyền Xô viết.
12/1924	Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam).
6/1925 – 1927	Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp huấn luyện ở Quảng Châu, đào tạo được hơn 200 cán bộ cách mạng, cuốn "*Đường Cách mệnh*" của Người được phát hành (1927).
3/2/1930	Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Người đã khởi thảo *chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt,…* cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.



Bài 19 PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1935

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được những kiến thức cơ bản sau:

- Nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh, HS hiểu được "Tại sao Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới".

- Quá trình hồi phục lực lượng cách mạng (1931 – 1935).
- Hiểu và giải thích được các khái niệm "khủng hoảng kinh tế" , "Xô viết Nghệ Tĩnh".

2. Tư tưởng

- Giáo dục cho HS lòng kính yêu, khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng kiên cường của quần chúng công nông và các chiến sĩ cộng sản.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ để trình bày phong trào cách mạng và kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Lược đồ về phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và một số tư liệu, tranh ảnh về các chiến sĩ cộng sản.

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày về Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930)
- Nội dung chủ yếu của Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930).
- Ý nghĩa lịch sử thành lập Đảng.

3. Giới thiệu bài mới

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã ảnh hưởng trực tiếp tới cách mạng Việt Nam, thực dân Pháp thẳng tay bóc lột thuộc địa, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta và thực dân Pháp, phong kiến phản động ngày càng sâu sắc. Đặc biệt là khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã trực tiếp lãnh đạo một phong trào cách mạng rộng lớn 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Tuy phong trào không thành công, bị kẻ địch dìm trong biển máu, nhưng nó thực sự là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Sau đó với nỗ lực vượt bậc của Đảng và quần chúng cách mạng,

sau thời kì phong trào tạm lắng 1932 – 1935, phong trào lại được hồi phục vào đầu 1935.

Hôm nay chúng ta học bài: *Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935*.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933)**
– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã tác động đến tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam như thế nào?	Trả lời: – Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam.	– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam.
	– Kinh tế nước ta đã phụ thuộc hoàn toàn vào chính quốc, lúc này khủng hoảng đã ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam.	– Kinh tế: + Công, nông nghiệp suy sụp. + Xuất nhập khẩu đình đốn.
	+ Nông, công nghiệp bị suy sụp	+ Hàng hoá khan hiếm đắt đỏ.
	+ Xuất nhập khẩu đình đốn.	– Xã hội: + Tất cả mọi giai cấp đều điêu đứng.
	+ Hàng hoá khan hiếm.	+ Mâu thuẫn xã hội sâu sắc.
	+ Giá cả đắt đỏ.	
	– Xã hội : + Nhân dân rất khốn khổ.	→ Nhân dân ta đã quyết tâm đứng lên dành quyền sống.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	+ Công nhân thất nghiệp ngày càng đông, người có việc làm thì tiền lương giảm. + Nông dân mất đất, bần cùng hoá không lối thoát. + Tiểu tư sản điêu đứng, các nghề thủ công sa sút nặng nề. + Nhà buôn nhỏ đóng cửa. + Viên chức bị sa thải. + HS ra trường không có việc làm. + Đa phần tư sản dân tộc gieo neo, sập tiệm, phải đóng cửa hiệu. + Đồng thời sưu cao, thuế nặng, thiên tai, hạn hán liên tiếp xảy ra. + Thực dân Pháp tăng cường đàn áp, khủng bố cách mạng. + Trong hoàn cảnh đó, mâu thuẫn trong lòng xã hội rất gay gắt, nhân dân ta quyết tâm đứng lên đánh đế quốc phong kiến phản động, dành quyền sống.	
Hỏi:	Trả lời:	– Nguyên nhân chủ yếu

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
– Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến sự bùng nổ của phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1931?	– Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.	nhất của phong trào 1930 – 1931: + Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, thực dân Pháp tăng cường bóc lột thuộc địa.
	– Kinh tế suy sụp, mọi người dân đều khốn khổ.	– Nhân dân đã vùng lên đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.
	– Mâu thuẫn xã hội sâu sắc. – Được Đảng Cộng sản trực tiếp lãnh đạo. → Nhân dân ta vùng lên đấu tranh.	
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Em hãy trình bày phong trào cách mạng 1930 – 1931 phát triển với quy mô toàn quốc (Từ 2/1930 – 1/5/1930)?	Trả lời: – Phong trào cách mạng 1930 – 1931 phát triển mạnh mẽ khắp toàn quốc, đỉnh cao nhất là sự ra đời của Xô viết Nghệ Tĩnh, phong trào phát triển theo hai giai đoạn:	**II. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ Tĩnh** ***1. Phong trào với quy mô toàn quốc*** *a. Phong trào công nhân*
	+ Giai đoạn 1: với quy mô toàn quốc.	– 2/1930: 3.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng bãi công.
	+ Giai đoạn 2: Phong	– 4/1930: 4.000 công

Hoạt động dạy	***Hoạt động học***	***Ghi bảng***
	trào ở Nghệ Tĩnh.	nhân dệt Nam Định bãi công.
	– Phong trào với quy mô toàn quốc (2/1930 → 1/5/1930).	– Tiếp đó là công nhân nhà máy Diêm, cưa Bến Thuỷ, hãng dầu Nhà Bè,… đấu tranh.
	– Phong trào công nhân:	
	+ 2/1930: 3.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng bãi công.	– Họ đòi tăng lương, giảm giời làm, chống đánh đập cúp phạt.
	+ 4/1930: 4.000 công nhân dệt Nam Định, hơn 400 công nhân nhà máy Diêm, cưa Bến Thuỷ bãi công.	
	+ Tiếp đó công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè, cao su Dầu Tiếng đấu tranh.	
	– Phong trào nông dân Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh đấu tranh.	*b. Phong trào nông dân* – Nông dân Thái Bình, Hà Nam, Nghệ Tĩnh đấu tranh đòi giảm sưu thuế, chia lại ruộng công.
	– Trong các phong trào đã xuất hiện truyền đơn và cờ đỏ búa liềm.	
	– Đặc biệt là phong trào kỷ niệm ngày 1/5/1930 rất sôi nổi, lần đầu tiên Đảng ta kỷ niệm ngày	*c. Phong trào kỷ niệm ngày 1/5/1930* – Phong trào lan rộng khắp toàn quốc.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Quốc tế Lao động, quần chúng tham gia rất đông đảo.	– Phong trào đã xuất hiện truyền đơn, cờ Đảng.
	+ Từ thành thị đến nông thôn, khắp cả nước đã xuất hiện truyền đơn, cờ Đảng, mít tinh, biểu tình tuần hành, bãi công,…các cuộc đấu tranh đã nổ ra trong các xí nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh, Bến Thuỷ, Sài Gòn, Chợ Lớn.	– Hình thức: mít tinh, biểu tình tuần hành ở các thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn…
Hỏi: – Em hãy trình bày phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ Tĩnh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931?	Trả lời: – Nghệ Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất cả nước.	***2. Phong trào ở Nghệ Tĩnh*** *a. Diễn biến* – Tháng 9/1930, phong trào đấu tranh diễn ra quyết liệt, kết hợp giữa mục đích kinh tế và chính trị.
	+ Tháng 9/1930, phong trào công nông đã phát triển đến đỉnh cao, đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế đã kết hợp với đấu tranh chính trị.	– Hình thức: tuần hành thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ tấn công chính quyền địch ở các địa phương.
	+ Phong trào diễn ra rất quyết liệt với hình thức tuần hành thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ tấn công vào chính quyền	– Chính quyền địch nhiều huyện, xã bị tê liệt, tan rã. – Chính quyền Xô viết

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	địch ở địa phương. + Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, chính quyền địa phương ở nhiều huyện bị tê liệt, nhiều xã bị tan rã. + Các ban chấp hành nông hội xã ra đời quản lý mọi mặt đời sống chính trị xã hội và làm nhiệm vụ chính quyền Xô viết. + Lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở một số huyện ở Nghệ Tĩnh. – Đó thực sự là chính quyền kiểu mới.	ra đời ở một số huyện.
Hỏi: Tại sao nói: Xô viết – Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới?	Trả lời: – Chính trị: + Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện các quyền tự do, dân chủ cho dân. – Kinh tế: + Bãi bỏ các loại thuế. + Chia lại ruộng công. + Giảm tô, xoá nợ. – Văn hoá – xã hội:	* *Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới*: – Chính trị: Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện các quyền tự do dân chủ. – Kinh tế: Xoá bỏ các loại thuế, chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ. – Văn hoá – xã hội:

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	+ Khuyến khích học chữ quốc ngữ.	+ Khuyến khích học chữ quốc ngữ.
	+ Bài trừ mê tín, dị đoan và các hủ tục phong kiến.	+ Bài trừ các hủ tục phong kiến.
	+ Các tổ chức quần chúng được thành lập: Hội tương tế, công hội, nông hội,…	+ Các tổ chức quần chúng ra đời.
	+ Các sách báo cách mạng được truyền bá sâu rộng để tuyên truyền giáo dục và thúc đẩy quần chúng đấu tranh.	+ Sách báo tiến bộ được truyền bá sâu rộng trong nhân dân.
	– Quân sự: + Mỗi làng đều có đội tự vệ vũ trang để giữ trật tự an ninh xóm làng, chống trộm cướp.	– Quân sự: Mỗi làng có một đội tự vệ vũ trang để chống trộm cướp, giữ trật tự an ninh xóm làng.
	→ Tất cả những chính sách trên, chứng tỏ rằng: Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới.	
GV dùng lược đồ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh để tóm tắt diễn biến phong trào để HS dễ tiếp thu.		
Hỏi: – Trước sự lớn mạnh của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp đã làm gì?	Trả lời: – Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh của quần chúng, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố cực	– Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh của quần chúng, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố cực kì tàn bạo.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	kì tàn bạo.	
	+ Chúng dùng máy bay ném bom tàn sát đẫm máu cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên (12/9/1930).	+ Dùng máy bay ném bom tàn sát đẫm máu hoặc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên.
	+ Điều động lính khố xanh đóng chốt tại Vinh, Bến Thuỷ.	Triệt phá xóm làng. Nhiều cơ quan Đảng bị phá vỡ.
	+ Triệt phá xóm làng.	Hàng vạn chiến sĩ bị giết, bắt bớ, tù đầy.
	+ Dùng thủ đoạn mua chuộc, chia rẽ.	
	+ Nhiều cơ quan đảng bị phá vỡ.	
	+ Hàng vạn chiến sĩ Đảng viên bị bắt bớ tù đầy, hoặc bị giết.	
Hỏi: – Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh có ý nghĩa lịch sử như thế nào?	Trả lời: – Mặc dù bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa, nhưng phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, oanh liệt và năng lực cách mạng to lớn của quần chúng.	*b. Ý nghĩa lịch sử* – Phong trào chứng tỏ tinh thần đấu tranh kiên cường, oanh liệt và khả năng cách mạng to lớn của quần chúng.
GV minh hoạ: – Phong trào cách mạng 1930 – 1931 là cuộc		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
tổng diễn tập lần thứ nhất của Đảng và quần chúng cách mạng chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945. – Nhận định về Xô viết Nghệ Tĩnh, Hồ Chí Minh đã viết: "Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào trong một biển máu, nhưng Xô viết Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cách mạng tháng Tám thắng lợi sau này" – *Hồ Chí Minh, toàn tập*, T10, 1960 – 1962 (xuất bản lần thứ hai, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, trang 9). GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi:		
– Cách mạng Việt Nam được hồi phục như thế nào? (Cuối 1931 – đầu	Trả lời: – Từ cuối 1931, cách mạng Việt Nam bước	**III. Lực lượng cách mạng được phục hồi** – Từ cuối 1931, phong

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
1935).	vào thời kì vô cùng khó khăn, thực dân Pháp và phong kiến tay sai thẳng tay khủng bố cách mạng, các cơ sở Đảng ở nhiều nơi bị tàn phá, hàng vạn chiến sĩ bị bắt. Nhưng, với sự nỗ lực vượt bậc của những người cộng sản và quần chúng cách mạng Việt Nam được phục hồi nhanh chóng.	trào cách mạng bị khủng bố khốc liệt. – Đảng viên và các chiến sĩ cách mạng tìm mọi cách hồi phục phong trào.
	– Ở trong tù:	– Trong tù:
	+ Các đảng viên cộng sản nêu cao khí phách kiên cường, bất khuất của người cộng sản để bảo vệ quan điểm của Đảng biến nhà tù thành trường học cách mạng.	+ Các đảng viên nêu cao khí phách của người cộng sản, đấu tranh với kẻ thù. + Biến nhà tù thành trường học.
	+ Tìm cách móc nối với cơ sở cách mạng bên ngoài.	+ Tìm cách móc nối với bên ngoài gây dựng cơ sở.
	– Ở bên ngoài:	– Ở bên ngoài:
	+ Các chiến sĩ cộng sản tìm mọi cách gây dựng lại cơ sở đảng và quần chúng.	+ Các chiến sĩ cộng sản tìm mọi cách gây dựng lại cơ sở.
	+ Lợi dụng các tổ chức công khai, hợp pháp của kẻ thù để đẩy mạnh đấu tranh.	+ Tranh thủ những khả năng công khai để đấu tranh hợp pháp.
	+ Tại Hà Nội, Sài Gòn, một số đảng viên cộng	+ Tại Hà Nội, Sài Gòn, một số đảng viên đã ra

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	sản đã ra tranh cử vào Hội đồng thành phố, lợi dụng diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.	tranh cử vào Hội đồng thành phố.
	– Cuối năm 1934 → đầu 1935, hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước nói chung đã được khôi phục.	– Cuối năm 1934 → đầu 1935, hệ thống tổ chức Đảng trong nước đã được khôi phục.
	+ Các xứ uỷ Bắc kì, Trung kì, Nam kì và các tổ chức công hội, nông hội được lập lại.	+ Các xứ uỷ và hội quần chúng được lập lại.
	+ Khắp nơi trong nước phong trào đã hồi phục.	
	+ Tháng 3/1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc đánh dấu sự phục hồi của lực lượng cách mạng.	– Tháng 3/1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao – Trung Quốc đánh dấu sự phục hồi phong trào cách mạng.

5. Củng cố

- Hãy trình bày nguyên nhân chủ yếu dẫn tới phong trào cách mạng 1930 – 1931 (ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 → mâu thuẫn xã hội sâu sắc và Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh).
- Hãy trình bày tóm lược diễn biến của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh bằng lược đồ (GV gọi HS giỏi và hướng dẫn HS trả lời).
- Căn cứ vào đâu nói rằng: Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới?

- Trình bày sự phục hồi lực lượng của cách mạng nước ta? (từ cuối 1931 đến đầu 1935).

6. Bài tập

- Phong trào cách mạng nước ta đến đầu năm 1935 phát triển trở lại như thế nào?
- Đảng đã có những thay đổi gì trong lãnh đạo để phong trào cách mạng nước ta có điều kiện phát triển trở lại sau một thời kì tạm lắng?



Bài 20

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 -1939

A- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

HS cần nắm được những kiến thức cơ bản sau:

- Những nét cơ bản nhất của tình hình thế giới và trong nước ảnh hưởng trực tiếp đối với phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1936 – 1939.
- Chủ trương của Đảng và phong trào đấu tranh dân chủ công khai thời kì 1936 – 1939.
- Ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ công khai 1936 – 1939.

2. Tư tưởng

- Giáo dục cho HS lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong mọi hoàn cảnh cụ thể, Đảng đều định ra đường lối chỉ đạo chiến lược thích hợp để cách mạng vượt qua khó khăn và đi tới thành công.

3. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh, lịch sử và khả năng tư duy logic, so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử.

B- THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU

- Bản đồ Việt Nam.

- Tranh ảnh lịch sử thuộc thời kì đấu tranh dân chủ công khai 1936 – 1939 (cuộc mít tinh ở Quảng Trường Nhà Đấu Xảo Hà Nội 1/5/1938).

C- TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Em hãy trình bày tình hình nước ta trong thời kì tổng khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
- Tại sao nói: "Xô viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới"?.
- Các đảng viên cộng sản trong nhà tù của thực dân Pháp đã có thái độ như thế nào trước chính sách khủng bố tàn bạo của kẻ thù?

3. Giới thiệu bài mới

Sau tổng khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, tình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi: Trên thế giới chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện, đe doạ an ninh loài người. Trước tình hình đó, Quốc tế cộng sản họp Đại hội lần thứ VII quyết định các nước thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh. Tình hình nước Pháp có nhiều thay đổi có lợi cho ta. Đặc biệt là ở trong nước, nhân dân ta rất khốn khổ dưới ách áp bức của thực dân phong kiến.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng ta đã chủ trương thực hiện cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939. Hôm nay chúng ta nghiên cứu về vấn đề này.

4. Bài mới

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
GV yêu cầu HS đọc SGK mục I và đặt câu hỏi:		**I. Tình hình thế giới và trong nước**
– Em cho biết tình hình thế giới sau cuộc tổng khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã ảnh	Trả lời: – Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 làm cho mâu thuẫn	***1. Thế giới*** – Sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, mâu thuẫn trong lòng

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
hưởng trực tiếp đến cách mạng Việt Nam như thế nào?	trong lòng xã hội các nước tư bản rất gay gắt. Để ổn định tình hình trong nước, giai cấp tư sản các nước này đã phát xít hoá bộ máy chính quyền, thiết lập một chế độ độc tài, tàn bạo nhất của tư bản tài chính. + Chúng xoá bỏ mọi quyền tự do, dân chủ trong nước. + Ráo riết chuẩn bị cuộc chiến tranh mới để chia lại thị trường và thuộc địa trên thế giới. + Mưu đồ tấn công Liên Xô, hy vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản thế giới. + Chủ nghĩa phát xít đã ra đời trên thế giới, đe doạ an ninh loài người, điển hình nhất là chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật dẫn đến nguy cơ Chiến tranh thế giới mới.	các nước tư bản gay gắt. – Để ổn định tình hình, các nước này đã phát xít hoá bộ máy chính quyền, chủ nghĩa phát xít ra đời trên thế giới, đe doạ an ninh loài người.
	– Đứng trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít, Đại hội VII của Quốc tế cộng sản đã họp (7/1935) tại Matxcova.	– Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản họp tháng 7/1935 tại Matxcova, Đại hội chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất ở các nước để chống

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
		phát xít, chống chiến tranh.
	+ Đại hội đã xác định kẻ thù nguy hiểm, trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít.	
	+ Đại hội chủ trương các nước thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất nhằm tập hợp lực lượng dân chủ chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.	
	– Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt đã thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp tuyên bố sẽ thực hiện một số cải cách dân chủ ở thuộc địa, thả một số tù chính trị ở Việt Nam.	– Năm 1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cầm quyền, thực hiện một số cải cách dân chủ ở thuộc địa. – Thả một số tù chính trị ở Việt Nam.
Hỏi:	Trả lời:	***2. Trong nước***
– Em cho biết tình hình Việt Nam sau cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933?	– Cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã tác động đến mọi tầng lớp giai cấp trong xã hội.	– Cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 tác động sâu sắc đến mọi giai cấp và tầng lớp trong xã hội.
	– Bọn cầm quyền phản	– Thực dân phản động

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	động ở thuộc địa tiếp tục thực hiện chính sách vơ vét, bóc lột, khủng bố và đàn áp phong trào cách mạng.	thuộc địa và tay sai tiếp tục chính sách vơ vét, bóc lột và khủng bố cách mạng.
GV yêu cầu HS đọc SGK mục II và đặt câu hỏi:		
– Em hãy cho biết chủ trương của Đảng ta trong thời kì vận động dân chủ 1936 – 1939?	Trả lời: – Căn cứ vào tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều thay đổi và đường lối của quốc tế cộng sản chỉ đạo cách mạng thế giới.	**II. Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ**
	– Đảng ta nhận định: + Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động Pháp và bè lũ tay sai không chịu thi hành những chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ở thuộc địa.	***1. Chủ trương của Đảng*** – Căn cứ vào tình hình cụ thể và chỉ thị của Quốc tế cộng sản, Đảng nhận định: – Kẻ thù của cách mạng Việt Nam lúc đó là bọn phản động thuộc địa, không chịu thi hành chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ở Đông Dương.
	– Cho nên, khẩu hiệu đấu tranh thay đổi: + Tạm gác khẩu hiệu: "*Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn*	– Khẩu hiệu chiến tranh thay đổi: Tạm gác khẩu hiệu: *"Đánh đổ đế quốc*

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	độc lập", "*Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày*".	*Pháp, đòi Đông Dương hoàn toàn độc lập*", "*Chia ruộng đất cho dân cày*" thay vào đó là khẩu hiệu: "*Chống phát xít, chống chiến tranh*", đòi "*Tự do dân chủ, cơm áo hoà bình*".
	+ Thay vào đó là khẩu hiệu: "*Chống phát xít, chống chiến tranh*", đòi "*Tự do dân chủ, cơm áo hoà bình*".	
	– Để thực hiện các nhiệm vụ đó, Đảng chủ trương thành lập *Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương* (hè 1936), sau đó đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương* (1938), nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.	– Thành lập *Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương* (1936) sau đó đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*.
	– Hình thức và phương pháp đấu tranh:	– Phương pháp đấu tranh:
	+ Chuyển từ đấu tranh bí mật bất hợp pháp sang đấu tranh công khai, bán công khai, kết hợp với bí mật.	+ Đấu tranh công khai, bán công khai kết hợp với bí mật, để đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục quần chúng.

Hoạt động dạy	Hoạt động học	Ghi bảng
	+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức, giáo dục và mở rộng phong trào đấu tranh của quần chúng.	
Hỏi:	Trả lời:	**2. Phong trào đấu tranh**
– Em hãy trình bày phong trào dân chủ 1936 – 1939 (Trước tiên trình bày về Đông Dương Đại hội).	– Từ giữa năm 1936, được tin Chính phủ Pháp sẽ cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng chủ trương phát động một phong trào dân chủ công khai rộng lớn trong quần chúng. Mở đầu là cuộc vận động lập Uỷ ban trù bị Đông Dương Đại hội nhằm thu thập dân nguyện, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội.	*a. Phong trào Đông Dương Đại hội* – Nghe tin Chính phủ Pháp sẽ cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương. – Đảng chủ trương thực hiện phong trào Đông Dương Đại hội, thu thập "dân nguyện" để trình lên phái đoàn này.
	– Hưởng ứng chủ trương trên, nhiều "*Uỷ ban hành động*" được thành lập ở nhiều địa phương trong cả nước.	– Nhiều uỷ ban "hành động" ra đời lãnh đạo đấu tranh.
	– Mit tinh, hội họp, diễn thuyết để thu thập dân nguyện được tổ chức.	– Lực lượng cách mạng chủ yếu là công nông và tiểu tư sản, họ đòi "tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình".
	– Họ đưa yêu sách đòi Chính phủ Mặt trận	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	Nhân dân Pháp trả tù chính trị, thi hành luật lao động, ngày làm 8 giờ, đảm bảo số ngày nghỉ có lương trong năm cho công nhân, cải thiện đời sống. – Đầu 1937, nhân dịp đón phái viên của Chính phủ Pháp và toàn quyền Đông Dương, nhiều cuộc mit tinh, biểu tình đưa "dân nguyện" đã diễn ra, lực lượng chủ yếu là công nông. – Ngoài yêu sách chung, mỗi giai cấp, tầng lớp còn đưa ra những yêu sách riêng của họ. + Công nhân đòi tự do lập nghiệp đoàn, tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, áp phạt. + Nông dân đòi chia lại ruộng công, giảm tô thuế. + Công chức, HS, tiểu thương đòi bảo đảm quyền lợi lao động, ban bố các quyền tự do dân chủ, giảm các loại thuế.	
Hỏi: – Em trình bày về	Trả lời: – Phong trào đấu tranh	*b. Phong trào đấu tranh dân chủ công khai của*

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
phong trào đấu tranh dân chủ công khai của quần chúng (1936 – 1939).	dân chủ công khai của quần chúng diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ khắp toàn quốc, đặc biệt là các thành phố lớn, khu mỏ, đồn điền cao su. – Tổng bãi công của công ty than Hòn Gai tháng 11/1936. – Bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (Vinh) tháng 7/1937 được công nhân xe lửa Nam Đông Dương phối hợp. Đặc biệt là cuộc mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn người ở quảng trường nhà Đấu Xảo Hà Nội, quần chúng đòi tự do lập hội Ái Hữu, lập nghiệp đoàn, triệt để thi hành luật lao động, giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh, chống sinh hoạt đắt đỏ, bảo vệ hoà bình.	*quần chúng* – Phong trào diễn ra sôi nổi mạnh mẽ ở các thành phố lớn, khu công nghiệp, đồn điền. Điển hình là các phong trào: + Tổng bãi công của công ty Than Hòn Gai 11/1936. + 3/1937 công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi bãi công. + Cuộc mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn nhân dân tại quảng trường nhà Đấu Xảo Hà Nội, quần chúng đòi lập hội, lập nghiệp đoàn, thi hành luật lao động, ngày làm 8 giờ.
GV giới thiệu hình 33: Cuộc mít tinh tại khu Đấu Xảo, Hà Nội (quảng trường Cung Văn hoá Hữu nghị Việt Xô ngày nay). – Lễ kỷ niệm 1/5/1938 với tổ chức, đội ngũ chỉnh tề, có cờ hoa,		

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
gồm 25 đoàn Đại biểu của các ngành, các giới.		
Hỏi: – Em hãy trình bày phong trào đấu tranh báo chí công khai (1936 – 1939).	Trả lời: – Trong thời kì này, nhiều tờ báo công khai của Đảng, của mặt trận dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng ra đời: "*Tiền phong*", "*Dân chúng*", "*Bạn dân*",...	***3. Phong trào báo chí công khai*** – Nhiều tờ báo của Đảng, mặt trận, các tổ chức quần chúng được lưu hành. Tờ: "*Tiền phong*", "*Dân chúng*", "*Bạn dân*",...
	– Sách báo tuyên truyền về chủ nghĩa Mac Lênin và chính sách của Đảng được truyền bá rộng rãi trong nhân dân, trong đó có cuốn "*Vấn đề dân cày*" của Qua Ninh và Vân Đình (Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp).	– Sách báo về chủ nghĩa Mac Lênin và chính sách của Đảng được lưu hành rộng rãi trong quần chúng.
Hỏi: – Phong trào dân chủ công khai từ cuối 1938 trở đi phát triển như thế nào?	Trả lời: – Từ cuối 1938 trở đi Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp thiên hữu, bọn phản động Pháp ở thuộc địa ngóc đầu dậy phản công lại Mặt trận Dân chủ Đông Dương, khủng bố phong trào, phong trào bị thu hẹp dần và đến 1/9/1939 Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay khủng	– Từ cuối 1938 trở đi Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp thiên hữu, chúng thẳng tay khủng bố cách mạng Đông Dương, phong trào bị thu hẹp dần, đến 1/9/1939 thì chấm dứt.

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
	bố cách mạng, phong trào chấm dứt hẳn.	
Hỏi: – Tại sao thời kì 1936 – 1939, Đảng ta lại chủ trương đấu tranh dân chủ công khai? – Thế giới: + Chủ nghĩa phát xít ra đời đe doạ an ninh loài người. + Đại hội VII của Quốc tế cộng sản (7/1935) yêu cầu các nước thành lập mặt trận chống phát xít. + Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cầm quyền, thực hiện một số cải cách dân chủ ở thuộc địa. → Cho nên tình hình này rất có lợi cho cách mạng. – Trong nước: + Mọi giai cấp đều khốn khổ bởi nạn sưu cao, thuế nặng. + Đảng chủ trương đấu tranh dân chủ công khai, đòi quyền lợi dân chủ hàng ngày: "*Tự do, dân chủ, cơm áo, hoà*	Trả lời: HS thảo luận nhóm, sau đó GV tổng kết.	

Hoạt động dạy	*Hoạt động học*	*Ghi bảng*
bình". GV yêu cầu HS đọc SGK mục III và đặt câu hỏi: – Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 đã có ý nghĩa lịch sử như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?	Trả lời: – Đó là một cao trào dân tộc và dân chủ rộng lớn.	**III. Ý nghĩa của phong trào** – Đó là một cao trào dân tộc dân chủ rộng lớn.
	– Trong lãnh đạo phong trào, trình độ chính trị và năng lực của cán bộ đảng viên được nâng cao. – Uy tín của Đảng đối với quần chúng ngày càng cao.	– Uy tín của Đảng ngày càng cao trong quần chúng.
	– Chủ nghĩa Mac Lênin và đường lối của Đảng được truyền bá sâu rộng trong quần chúng. Các sách báo của Đảng và Mặt trận đã có tác dụng tuyên truyền, giáo dục, tổ chức quần chúng đấu tranh, đập tan những luận điệu phá hoại, xuyên tạc của kẻ thù.	– Chủ nghĩa Mac Lênin và đường lối chính sách của Đảng được truyền bá sâu rộng trong quần chúng, giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh.
	– Đảng đã đào luyện được đội quân chính trị đông hàng triệu người chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.	– Đảng đã đào luyện được đội quân chính trị đông hàng triệu người cho cách mạng tháng Tám 1945.

5. Củng cố

- Em hãy nêu hoàn cảnh thế giới và trong nước của phong trào dân chủ 1936-1939.

- Chủ trương của Đảng ta trong phong trào dân chủ 1936 – 1939 là gì?
- Phong trào dân chủ 1936 – 1939 đã diễn ra như thế nào?
- Ý nghĩa lịch sử của phong trào 1936 – 1939.

6. Bài tập

So sánh phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939 (GV dành thời gian chữa bài tập này ở tiết sau).

So sánh phong trào cách mạng (1930 – 1931) và phong trào dân chủ (1936 – 1939).

Nội dung	*1930 – 1931*	*1936 – 1939*
Kẻ thù	– Đế quốc, phong kiến	– Bọn thực dân phản động Pháp không chịu thi hành chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp ở thuộc địa và bọn phong kiến phản động.
Nhiệm vụ (Khẩu hiệu)	– Chống đế quốc, dành độc lập dân tộc. – Chống phong kiến dành ruộng đất cho dân cày.	– Chống phát xít, chống chiến tranh, đòi "Tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình".
Mặt trận	– Chưa có mặt trận – Đảng chủ trương thành lập hội phản đế đồng minh Đông Dương (chưa thực hiện được).	– Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (1936), sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1938).
Hình thức, phương pháp đấu tranh	– Bí mật, bất hợp pháp, bạo động vũ trang	– Công khai, 1/2 công khai kết hợp với bí mật. – Hình thức phong phú: + Đông Dương Đại hội. + Phong trào đấu tranh công khai, mit tinh biểu tình của quần chúng. + Đấu tranh báo chí công khai. + Đấu tranh nghị trường (đưa người của ta vào cơ quan có quyền lực của địch để hoạt động).

MỤC LỤC

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Thiết kế bài giảng

LỊCH SỬ 9 - TẬP MỘT

NGUYỄN THỊ THẠCH

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: PHẠM QUỐC TUẤN
Vẽ bìa: NGUYỄN TUẤN
Trình bày: THÁI SƠN - SƠN LÂM
Sửa bản in: PHẠM QUỐC TUẤN

In 3000 cuốn, khổ 17 x 24 cm, tại Xí nghiệp in ACS Hải phòng.
Giấy phép xuất bản số: 02T GV/718/CXB. Cấp ngày 23/5/2005.
In xong và nộp lưu chiểu quý III/2005